

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Biểu mẫu 18
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thủ Dầu Một
năm học 2023 - 2024

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp: Các ngành thạc sĩ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành: Luật Kinh tế					
1	Thạc sĩ	Pháp luật về xử lý nợ xấu trong quan hệ tín dụng ngân hàng từ thực tiễn xét xử tại Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Lương Khải Ân TS. Nguyễn Gia Viễn	Nợ xấu đang là thách thức lớn trong nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Đề tài nghiên cứu của luận văn: “Pháp luật về xử lý nợ xấu trong quan hệ tín dụng ngân hàng từ thực tế xét xử tại các Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương” không chỉ hoạt động chuyển đổi hộ kinh doanh thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu.
2	Thạc sĩ	Pháp luật về sàng lọc dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam – Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Thanh Lan	TS. Vũ Thế Hoài TS. Phí Thị Thanh Tâm	Luận văn đã phân tích và đánh giá một cách toàn diện và khách quan thực trạng pháp luật về sàng lọc dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam hiện nay. Từ đó, chỉ ra những hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật về sàng lọc dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian tới và đề xuất các giải pháp đồng bộ để khắc phục những hạn chế, bất cập nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về sàng lọc dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam hiện

					nay. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về sàng lọc dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài là cần thiết vì pháp luật về sàng lọc dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài là hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành (văn bản quy phạm pháp luật) hoặc thừa nhận (điều ước quốc tế, tập quán quốc tế) để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện các biện pháp sàng lọc dự án đầu tư với mục đích phòng, tránh và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực mà hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có thể gây ra, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng tại địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động. Việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật về sàng lọc dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài là giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về đầu tư nói chung, pháp luật về sàng lọc dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài nói riêng tại Việt Nam trong thời gian tới.
3	Thạc sĩ	Pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh - Thực tiễn tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Hồng Minh	TS. Phan Phương Nam TS. Trương Thế Minh	Luận văn là công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và cập nhật về thuế đối với hộ kinh doanh. Với phương pháp tiếp cận đa ngành, liên ngành luật học, luận văn góp phần hình thành luận cứ, tư duy đầy đủ về thuế đối với hộ kinh doanh đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay. Thứ nhất, luận văn nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết về thuế đối với hộ kinh doanh. Thứ hai, luận văn phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật điều chỉnh hoạt động thuế đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam hiện nay, trong đó chú trọng phân tích những hạn chế, thiếu sót trong quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật. Thứ ba, luận văn đề ra

					những định hướng và giải pháp cụ thể để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh hiện nay.
4	Thạc sĩ	Pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa – Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Võ Phan Diễm Như	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Luận văn tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp lý về sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật Lao động 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương để làm rõ tính khả thi, phù hợp và những khó khăn, bất cập trong việc áp dụng pháp luật về sử dụng lao động nước ngoài cần có giải pháp hoàn thiện. Đề xuất các giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp của các mẫu được lấy từ tổng thể các doanh nghiệp đăng ký giải thể từ năm 2015 đến 2020. Tác giả đã đưa ra các giải pháp hạn chế sự giải thể của doanh nghiệp. Các giải pháp đều đưa ra mục tiêu của giải pháp và cách tổ chức thực hiện từ trung ương đến địa phương, cơ quan quản lý trực tiếp và doanh nghiệp.

5	Thạc sĩ	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích trong doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam – thực tiễn tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương	Lê Hồng Quân	TS. Phùng Văn Hải TS. Nguyễn Gia Viễn	Học viên nhận thức được cách tiếp cận từng vấn đề pháp lý chuyên ngành luật kinh tế một cách khoa học từ lý luận đến thực tiễn, biết trình bày, phân tích đánh giá, ví dụ thực tiễn áp dụng vào từng nội dung nghiên cứu. Luận văn đã đóng về mặt học thuật, lý luận: Luận văn là một công trình khoa học nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu, cụ thể về Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích trong doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam – thực tiễn tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương; Luận văn đã khái quát về mặt lý luận về việc giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích trong doanh nghiệp. Luận văn đã giải mã nội hàm các khái niệm về việc giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích trong doanh nghiệp; Phân tích khái niệm và đặc điểm pháp luật về việc giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích trong doanh nghiệp. Luận văn đã đưa ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập của pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích trong doanh nghiệp, thực tiễn tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương. Đồng thời, cũng đã kiến nghị các giải pháp mang tính khoa học nhằm góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về việc giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích trong doanh nghiệp.
6	Thạc sĩ	Pháp luật về thi hành án tín dụng ngân hàng – Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Phạm Xuân Tứ	TS. Lương Khải Ân TS. Nguyễn Gia Viễn	Thi hành án tín dụng ngân hàng là hoạt động do cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo thu hồi các khoản nợ cho các tổ chức tín dụng là người được thi hành án. Thi hành án tín dụng ngân hàng có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng góp phần đảm bảo bản án quyết định của Tòa án

					được thi hành trên thực tế. Thông qua nghiên cứu pháp luật về thi hành án tín dụng ngân hàng, luận văn đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về thi hành án tín dụng ngân hàng. Bên cạnh đó luận văn đã phân tích và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về thi hành án tín dụng ngân hàng từ thực tiễn tại tỉnh Bình Dương. Luận văn chỉ ra những thành tựu, những hạn chế và xác định nguyên nhân của những hạn chế này. Qua đó, đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành án về tín dụng ngân hàng nói chung và tại tỉnh Bình Dương nói riêng.
7	Thạc sĩ	Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp theo pháp luật Việt Nam	Phạm Thị Thanh Uyên	TS. Nguyễn Xuân Quang TS. Trương Thế Minh	Luận văn đã phân tích một cách có hệ thống và hoàn thiện thêm cơ sở lý luận và pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp. Phân tích sâu sắc hơn và có hệ thống về những quy định pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp. Phân tích một cách tổng thể về thực trạng thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp tại Việt Nam, so sánh kinh nghiệm quốc tế. Từ đó, luận văn đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp.
8	Thạc sĩ	Pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu công	Lê Thị Hạnh	TS. Nguyễn Hoàng Thao	Luận văn đã phân tích và đánh giá một cách toàn diện và khách quan thực trạng pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu công nghiệp. Từ đó, chỉ ra những hạn chế, bất cập của pháp luật

		nghiệp - Thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương			hiện hành làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật trong thời gian tới và đề xuất các giải pháp đồng bộ để khắc phục những hạn chế, bất cập nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu công nghiệp hiện nay. Việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu công nghiệp là giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nói chung, pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu công nghiệp nói riêng tại Việt Nam trong thời gian tới. .
9	Thạc sĩ	Pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ Logistics - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Hoàng Khánh	TS. Lê Thị Thảo TS. Trương Thế Minh	Luận văn đã làm rõ các khái niệm giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics; Chỉ ra đặc điểm, vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics. Luận văn làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics. Trên cơ sở đó, luận văn góp phần củng cố và hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics ở Việt Nam. Luận văn thể hiện quan điểm khoa học khi phân tích và đánh giá một cách khách quan, toàn diện về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics. Từ những định hướng đặt ra, luận văn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hơn quy định của pháp luật Việt Nam về giới hạn trách

					nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics. Luận văn đã phân tích, đánh giá cụ thể và khách quan thực trạng các quy định pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics kết hợp với đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics tại tỉnh Bình Dương. Chỉ ra các quan điểm và hạn chế chủ yếu trong các quy định pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics, làm cơ sở để hoàn thiện pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics ở Việt Nam. Luận văn cung cấp kiến thức pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics ở Việt Nam cho những nhà hoạch định chính sách, quản lý nhà nước về kinh doanh dịch vụ logistics; làm căn cứ xây dựng chính sách và sửa đổi, bổ sung các Thông tư, Nghị định quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ logistics nói chung và giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics nói riêng. Qua kết quả nghiên cứu, nhận thấy một số quy định pháp luật trong các nghiên cứu trước đây đã hết hiệu lực và được thay thế bằng các quy định mới. Đặc biệt, tại tỉnh Bình Dương, chưa có công trình nghiên cứu pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và chưa có phương hướng nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này. Do đó, luận văn sẽ đánh giá thực trạng pháp luật và đề xuất giải pháp hoàn thiện, đảm bảo thực hiện pháp luật về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics tại Bình Dương trong thời gian tới.
--	--	--	--	--	--

10	Thạc sĩ	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Khánh Linh	TS. Nguyễn Hoàng Thao	Qua đánh giá, phân tích, nghiên cứu rút ra được kết quả: luận văn được nghiên cứu một cách chi tiết, đóng góp thêm làm đa dạng, hoàn thiện cho lý luận chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường. Hơn thế nữa, luận văn nói lên được tính đặc thù, tính độc đáo riêng của pháp luật môi trường so với cách ngành luật khác. Luận văn đã đóng góp hoàn chỉnh về mặt lý luận mang tính chất nền móng để thực hiện việc cải thiện pháp luật tài nguyên môi trường trở nên chuẩn mực hơn. Tác giả phân tích, so sánh, đối chiếu, kiến nghị theo những nền tảng logic, căn cứ từ lý thuyết đến thực tiễn. Các kiến nghị của Luận văn đã góp một phần không thể thiếu trong việc hoàn thiện về phương diện bồi thường thiệt hại giữa nhà nước, người dân với doanh nghiệp cũng như về mặt hoàn thiện pháp luật môi trường tạo ra một hành lang pháp lý mang tính công bằng cho các bên, các bên cùng có lợi, và duy trì ổn định đảm bảo tính công bằng đối với mọi người do chủ thể là doanh nghiệp thực hiện. Hệ thống hoá các vấn đề lý luận và lý luận pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường; từ đó chỉ ra những tồn tại/hạn chế của pháp luật hiện hành cần tiếp tục hoàn thiện. Phân tích và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại Tỉnh Bình Dương; từ đó chỉ ra một số vướng mắc, bất cập phát sinh cần khắc phục. Đề xuất định hướng và kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện
----	---------	---	-----------------------	-----------------------	---

					pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại tỉnh Bình Dương
11	Thạc sĩ	Pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với nhà nước - thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Bùi Thị Tho	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn TS. Phí Thị Thanh Tâm	Thứ nhất, luận văn góp phần hình thành và làm rõ cơ sở lý luận về NVTC của NSDD đối với Nhà nước và pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước. Theo đó, Luận văn xây dựng khái niệm cũng như chỉ ra được bản chất pháp lý về NVTC của NSDD đối với Nhà nước; và làm rõ các vấn đề lý luận pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước bao gồm khái niệm, nội dung pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước. Thứ hai, luận văn đánh giá có hệ thống thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước ở Việt Nam. Luận văn đã phân tích các nội dung cơ bản pháp luật Việt Nam về NVTC của NSDD đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, Luận văn đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước tại Tỉnh Bình Dương. Thứ ba, luận văn đưa ra các định hướng tổng thể và các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước ở Việt Nam. Luận văn cập nhật, đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước trong bối cảnh ở Việt Nam hiện nay. Luận văn là nguồn tài liệu tham khảo cho các nhà lập pháp, các nhà nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chế định này nhằm hoàn thiện chính

					sách tài chính về đất đai trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu học tập và giảng dạy tại các cơ sở đào tạo luật.
12	Thạc sĩ	Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Mai Thị Mỹ Tiên	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn TS. Phí Thị Thanh Tâm	Luận văn cung cấp một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống các cơ sở khoa học về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp và pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp. Luận văn đi sâu phân tích, làm rõ những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại trong quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về kiểm soát ô nhiễm nguồn. Đồng thời, luận văn làm rõ những kết quả đã đạt được và hạn chế, bất cập còn tồn tại trong thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp tại tỉnh Bình Dương. Từ đó, Luận văn có các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp tại Việt Nam. Hệ thống hoá các vấn đề lý luận về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp. Phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp; từ đó chỉ ra những tồn tại/hạn chế của pháp luật hiện hành cần tiếp tục hoàn thiện. Phân tích và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp tại tỉnh Bình Dương; từ đó chỉ ra một số vướng mắc, bất cập phát sinh cần khắc phục. Đề xuất định hướng và kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp

					luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong Khu công nghiệp.
13	Thạc sĩ	Pháp luật về kinh doanh bất động sản du lịch - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Trần Vi Thảo	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn TS. Phí Thị Thanh Tâm	Thứ nhất, luận văn nghiên cứu pháp luật về kinh doanh bất động sản du lịch trong tổng thể hệ thống pháp luật liên ngành, đa ngành có mối liên hệ đan xen, tác động và chi phối trực tiếp tới thị trường bất động sản du lịch nói chung và tới hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản du lịch nói riêng. Các luận giải về thực trạng pháp luật kinh doanh bất động sản du lịch được kết hợp với việc đánh giá thực tiễn thực thi pháp luật kinh doanh bất động sản thông qua những vụ việc phát sinh trên thực tế và những “nút thắt” chưa được tháo gỡ trên thị trường bất động sản du lịch hiện nay. Thứ hai, luận văn đã đề xuất những định hướng hoàn thiện pháp luật kinh doanh bất động sản du lịch dựa trên định hướng phát triển của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế mà Đảng đã đề ra, gắn với định hướng phát triển ngành du lịch của Việt Nam và đặc biệt là xuất phát từ những nhu cầu nội tại khách quan của thị trường bất động sản du lịch. Các giải pháp cụ thể về hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kinh doanh bất động sản du lịch được luận văn đề xuất một cách tổng thể, toàn diện, dựa trên những quan điểm tư duy pháp lý hiện đại, mang tính thời sự và tính thích ứng cao, phù hợp cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang là xu hướng chung của thời đại. Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể là tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập học phần Luật đất đai, Luật du lịch, Luật kinh doanh bất động sản ở trình độ cử nhân tại các cơ sở đào tạo Luật.

14	Thạc sĩ	Pháp luật về bồi thường thiệt hại sức khỏe người lao động - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Kim Hồng	TS. Nguyễn Hoàng Thao	Luận văn góp phần tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, pháp luật về bồi thường thiệt hại sức khỏe người lao động theo quy định của pháp luật lao động. Từ thực tiễn áp dụng tại Bình Dương, làm rõ tính khả thi, phù hợp và những khó khăn, hạn chế trong bồi thường thiệt hại sức khỏe người lao động. Từ đó, Luận văn có các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bồi thường thiệt hại sức khỏe người lao động trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập học phần Luật Lao động, Luật An toàn vệ sinh lao động ở trình độ cử nhân tại các cơ sở đào tạo Luật. Phân tích các vấn đề lý luận pháp luật về bồi thường thiệt hại sức khỏe người lao động; - Phân tích để làm rõ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bồi thường thiệt hại sức khỏe người lao động; từ đó chỉ ra những tồn tại/hạn chế của pháp luật. - Phân tích và đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại sức khỏe người lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Bình Dương. Từ đó, chỉ ra những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn; - Đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại sức khỏe người lao động.
15	Thạc sĩ	Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Trần Thị Tuyền	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn TS. Phí Thị Thanh Tâm	Luận văn có ý nghĩa khoa học trong việc làm rõ hơn dưới góc độ luật học những vấn đề lý luận pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần làm phong phú và hoàn thiện hơn nhận thức lý luận về pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Qua đó, luận văn góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và các chủ thể trong việc thực hiện pháp

					luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa một cách chủ động, tích cực. Luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Luận văn có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các địa phương khác về việc thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập và nghiên cứu pháp luật doanh nghiệp. - Hệ thống hoá các vấn đề lý luận và lý luận pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; từ đó chỉ ra những tồn tại/hạn chế của pháp luật hiện hành cần tiếp tục hoàn thiện. - Phân tích và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Bình Dương, từ đó chỉ ra một số vướng mắc, bất cập phát sinh cần khắc phục. - Đề xuất định hướng và kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.
16	Thạc sĩ	Pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở thương mại - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Bồ Minh Sang	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn TS. Phí Thị Thanh Tâm	Luận văn "Pháp luật về Thỏa ước Lao động tập thể - Thực tiễn áp dụng tại khu công nghiệp Việt Nam - Singapore" ngoài việc góp phần phân tích rõ các vấn đề pháp lý về thỏa ước lao động tập thể, còn nêu cao tính đặc trưng sự khác biệt giữa Thỏa ước lao động tập thể tại khu công nghiệp Việt Nam – Singapore và những khu công nghiệp lân cận khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đề cao tính tự giác chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và người lao động trong việc tham gia nội dung dự thảo, quy trình thương lượng, ký kết và thực hiện hiệu quả thỏa ước lao

					động tập thể. Đặc biệt, qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng tại khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, tác giả chỉ ra được một số bất cập trong quy định của pháp luật và đề xuất những nội dung cần hoàn thiện hơn liên quan đến quá trình chuẩn bị, thương lượng, ký kết và thực hiện thành công thỏa ước lao động tập thể tại doanh nghiệp. ngược chiều với khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần đo lường bằng ROA, ROE. Thanh khoản ngân hàng (LIQ) càng tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến ROA, ROE.
17	Thạc sĩ	Pháp luật về chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu - Thực tiễn thực hiện tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Hoàng Long	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn TS. Phí Thị Thanh Tâm	Cùng với sự tìm tòi, sáng tạo, đổi mới về công nghệ sản xuất, các doanh nghiệp ngày càng tạo ra được các sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, tiện ích cho người tiêu dùng. Ban đầu, để phân biệt hàng hóa, dịch vụ do mình làm ra với các hàng hóa, dịch vụ của những chủ thể kinh doanh khác, các doanh nghiệp đã gắn lên mỗi loại hàng hóa, dịch vụ của mình nhãn hiệu đặc trưng riêng có. Khi hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp ngày càng được nhiều người tiêu dùng biết đến và sử dụng thì cũng đồng nghĩa với việc doanh thu của doanh nghiệp sẽ không ngừng tăng lên, thị phần doanh nghiệp ngày càng lớn, uy tín doanh nghiệp ngày càng được khẳng định. Chính từ đó, nhãn hiệu của hàng hóa, dịch vụ không còn chỉ đơn thuần là dùng để phân biệt nữa mà giá trị của nó đã được định hình trong tâm trí người tiêu dùng, trong các đối thủ cạnh tranh và nó có thể định giá được bằng tiền mặt. Thế giới đã được biết đến những nhãn hiệu nổi tiếng, mang lại cho doanh nghiệp sở hữu nhãn hiệu một giá trị tài sản khổng lồ như nhãn hiệu

					Amazon có giá 415,9 tỉ USD, Google (323,6 tỉ USD), Apple (352,2 tỉ USD), Alibaba (152,5 tỉ USD), Facebook (147,1 tỉ USD), McDonald's (129,3 tỉ USD). Còn ở Việt Nam, rất nhiều nhãn hiệu nổi tiếng cũng được nhắc đến như Viettel (6.016 tỉ USD), Vinamilk (2.4 tỉ USD)³. Tất cả những điều này đều thể hiện giá trị to lớn mà nhãn hiệu mang lại cho chủ sở hữu nhãn hiệu, từ đó đặt ra yêu cầu cấp thiết là vừa phải bảo vệ nhãn hiệu không bị xâm phạm vừa phải mở rộng thị trường sử dụng sản phẩm, dịch vụ để tăng doanh thu và đặc biệt là quảng bá nhãn hiệu một cách rộng rãi đến người tiêu dùng. Tuy nhiên, không phải lúc nào chủ sở hữu nhãn hiệu cũng có đủ năng lực về tài chính, nhân sự, thời gian ...để cùng lúc làm được các điều này. Do đó, một giải pháp được các chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng đó là tiến hành chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu cho những doanh nghiệp mà mình tin tưởng thông qua hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu (còn được gọi là hợp đồng li-xăng nhãn hiệu). Với việc chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu của mình, bên chuyển giao sẽ có được một số lợi ích cơ bản như: mở rộng được thị trường tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ của mình mà không cần phải tốn nhiều tiền của, công sức đầu tư xây dựng mạng lưới chi nhánh, văn phòng đại diện tại nhiều nơi (trong nước cũng như trên thế giới); tăng doanh thu cho bên chuyển giao; nhãn hiệu được quảng bá ra nhiều thị trường và được người tiêu dùng biết đến nhiều hơn; có khả năng bảo vệ nhãn hiệu cho sản phẩm của mình tốt hơn trước các hành vi xâm phạm nhãn hiệu bởi bên
--	--	--	--	--	--

					nhận chuyển giao sẽ là “tai mắt” cho bên chuyển giao trong việc thu thập các thông tin liên quan đến việc xâm phạm nhãn hiệu,...Bên nhận chuyển giao sẽ được hưởng lợi rất lớn từ việc hàng hóa, dịch vụ của mình được phép gắn nhãn hiệu của bên chuyển giao. Tuy nhiên, vẫn còn không ít chủ sở hữu nhãn hiệu mà đặc biệt là doanh nghiệp ở Việt Nam chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của nhãn hiệu và lợi ích của việc chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu. Phần lớn doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư số tiền rất lớn cho thiết bị hay công nghệ mới, song còn rất khiếm tốn khi đầu tư cho việc xây dựng, bảo vệ và quảng bá nhãn hiệu. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong hoạt động chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu là một số quy định của pháp luật về chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu và hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu cũng còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế. Không những vậy, thực tiễn thực hiện pháp luật về chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu trong cả nước đã và đang nảy sinh một số vấn đề cần phải giải quyết như: về việc thực hiện hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu trong trường hợp bên chuyển giao là doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản, giải thể; về việc xác định giá trị của nhãn hiệu trong hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu; về việc kiểm soát chất lượng của sản phẩm bởi bên được cấp li – xăng nhãn hiệu để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm của bên nhận chuyển quyền không đảm bảo chất lượng; về việc dùng quyền sử dụng nhãn hiệu để góp vốn vào công ty khác; về vấn đề xác
--	--	--	--	--	--

					định quyền sở hữu đối với “giá trị vô hình” tăng lên của nhãn hiệu sau khi các bên chấm dứt hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu; về việc áp dụng quy định không được có các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển quyền; ...
18	Thạc sĩ	Pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân bằng tòa - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Phạm Đức Hạnh	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn TS. Phí Thị Thanh Tâm	Kết quả nghiên cứu của luận văn có những đóng góp hữu ích cho sự phát triển của chuyên ngành luật kinh tế như: i) Làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân bằng tòa án; ii) Phân tích, đánh giá được cơ bản thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân bằng tòa án và thực tiễn thực hiện pháp luật về vấn đề này tại tỉnh Bình Dương; iii) Đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân bằng tòa án và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về vấn đề này.
19	Thạc sĩ	Pháp luật về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương.	Phan Anh Dũng	TS. Đào Mộng Điệp TS. Trương Thế Minh	Luận văn góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp thực tiễn tại tỉnh Bình Dương, các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp thực tiễn tại tỉnh Bình Dương. Luận văn đề xuất một số định hướng, giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả pháp luật về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp góp phần trong việc hạn chế tranh chấp giữa người lao động và người sử dụng lao động trong doanh nghiệp, ngoài ra luận văn có thể sử dụng làm

					tài liệu tham khảo cho các học viên, doanh nghiệp, nhà nghiên cứu pháp luật về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp. Hệ thống hoá các vấn đề lý luận và pháp luật về về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp. Phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp; từ đó chỉ ra những tồn tại/hạn chế của pháp luật hiện hành cần tiếp tục hoàn thiện. Phân tích và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp; từ đó chỉ ra các vướng mắc, bất cập, hạn chế phát sinh cần khắc phục. Đề xuất định hướng và kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về về giao kết hợp đồng lao động trong doanh nghiệp
20	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Võ Phan Quỳnh Như	TS. Đào Mộng Điệp TS. Trương Thế Minh	Luận văn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận pháp luật về BHTN, các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành pháp luật về BHTN tại Việt Nam. Luận văn đề xuất một số định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về BHTN trong thời gian tới. Luận văn đã kiến nghị những giải pháp mang tính khoa học nhằm góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp trên cơ sở đánh giá thực trạng lĩnh vực pháp luật này tại Việt Nam nói chung và tại tỉnh Bình Dương nói riêng.
21	Thạc sĩ	Pháp luật về đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật - Thực tiễn tại tỉnh Bình	Thái Hoàng Thông	TS. Đào Mộng Điệp TS. Trương Thế Minh	Qua đánh giá, phân tích, nghiên cứu rút ra được kết quả: Luận văn góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật và đề xuất một số định hướng, giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả

		Dương			pháp luật về đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật. Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu phục vụ và nghiên cứu cho sinh viên, học viên ngành luật và không chuyên luật, các doanh nghiệp. Luận văn cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, những nhà hoạch định chính sách pháp luật về đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật. Hệ thống một số vấn đề lý luận và lý luận pháp luật về đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật. Phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật; qua đó làm rõ những tồn tại, hạn chế của pháp luật hiện hành cần tiếp tục hoàn thiện. Phân tích và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật tại tỉnh Bình Dương, qua đó làm rõ những khó khăn, vướng mắc cần khắc phục. Dựa vào những định hướng, quan điểm đề ra, kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật.
22	Thạc sĩ	Pháp luật về chế độ thai sản cho lao động nữ - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Trần Thị Mỹ Tường	TS. Đào Mộng Điệp TS. Trương Thế Minh	Qua phân tích và đánh giá học viên rút ra kết quả: luận văn được nghiên cứu chi tiết về chế độ thai sản cho lao động nữ theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và điểm mới trong luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, đóng góp tăng thêm tính đa dạng, hoàn thiện cho các vấn đề lý luận chung của pháp luật. Luận văn phân tích, so sánh, đối chiếu, kiến nghị căn cứ từ lý thuyết đến thực tiễn thực trạng thực hiện chế độ thai sản cho lao động nữ và thực tiễn tỉnh Bình Dương. Các kiến nghị của luận văn đã góp một phần không thể thiếu trong việc hoàn thiện về

					chế độ thai sản dành cho lao động nữ trong thời gian tới. Về mặt thực tiễn: Luận văn hệ thống về những vấn đề pháp lý, thực tiễn về chế độ thai sản cho lao động nữ tại Việt Nam. Luận văn kế thừa, phát triển những ý kiến trao đổi, thảo luận hiện có về vấn đề này, đồng thời bổ sung một số thông tin và phân tích mới góp phần làm rõ hơn vấn đề chế độ thai sản cho lao động nữ tại tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung. Với kết quả trên, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, giảng dạy liên quan đến chế độ thai sản cho lao động nữ, cho những người làm chính sách và thực tiễn về chế độ thai sản cho lao động nữ. Hệ thống các vấn đề lý luận pháp luật về chế độ thai sản cho lao động nữ. Phân tích và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về chế độ thai sản cho lao động nữ trên địa bàn tại tỉnh Bình Dương; Từ đó, chỉ ra những khó khăn hạn chế và nguyên nhân của hạn chế cần khắc phục. Định hướng giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về chế độ thai sản cho lao động nữ thực tiễn tại tỉnh Bình Dương.
23	Thạc sĩ	Pháp luật về kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Đỗ Hồng Phúc	TS. Lê Thị Thảo TS. Trương Thế Minh	Học viên nhận thức được cách tiếp cận từng vấn đề pháp lý chuyên ngành luật kinh tế một cách khoa học từ lý luận đến thực tiễn, biết trình bày, phân tích đánh giá, ví dụ thực tiễn áp dụng vào từng nội dung nghiên cứu. Luận văn đã đóng góp về mặt học thuật, lý luận: Luận văn là một công trình khoa học nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu, cụ thể về kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải - Thực tiễn áp dụng tại Bình Dương; Luận văn đã khái quát về mặt lý luận về kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải. Luận văn đã giải mã nội hàm các khái niệm về kỷ luật lao động

					bằng hình thức sa thải; Phân tích khái niệm và đặc điểm pháp luật về kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải. Luận văn đã đưa ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập của pháp luật về kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trên cơ sở đánh giá thực trạng lĩnh vực pháp luật này tại Bình Dương. Đồng thời, cũng đã kiến nghị các giải pháp mang tính khoa học nhằm góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải tại Việt Nam.
24	Thạc sĩ	Pháp luật về chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Võ Phương Trang	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy TS. Nguyễn Xuân Thủy	Luận văn nghiên cứu pháp luật về hoạt động chuyển nhượng toàn bộ dự án bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản nhưng có sự liên hệ với pháp luật đầu tư, pháp luật đất đai. Những đánh giá thực trạng pháp luật về chuyển nhượng toàn bộ dự án bất động sản được kết hợp với đánh giá thực tiễn thực thi thông qua những vụ việc phát sinh trên thực tế. Qua đó, luận văn chỉ ra được những rào cản, điểm nghẽn chưa được tháo gỡ khi chuyển nhượng toàn bộ dự án bất động sản hiện nay. Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật về chuyển nhượng dự án bất động sản, luận văn đã đưa ra những giải pháp kiến nghị cụ thể nhằm giúp hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về hoạt động chuyển nhượng dự án bất động sản. Giải pháp hoàn thiện quy định về điều kiện chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản; hoàn thiện quy định về chủ thể chủ thể tham gia hoạt động chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản; hoàn thiện quy định về hình thức hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản; Hoàn thiện quy định về quy định bảo vệ quyền lợi khách hàng

					trong chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản. Dựa trên các số liệu khảo sát các số liệu về thi hành pháp luật về chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản trên thực tiễn, đã đưa những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản. Giải pháp nâng cao kiểm soát hoạt động nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản; giải pháp rút ngắn thủ tục hành chính cho việc chuyển nhượng toàn bộ dự án bất động sản tại tỉnh Bình Dương; giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc xác định giá trị tài sản và nghĩa vụ tài chính khi chuyển nhượng các dự án bất động sản tại tỉnh Bình Dương; giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành thị trường ổn định khi chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản tại tỉnh Bình Dương; giải pháp nâng cao mức phạt vi phạm trong chuyển nhượng toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản.
25	Thạc sĩ	Pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng do hàng hóa không đảm bảo chất lượng - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Đoàn Văn An	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn TS. Phí Thị Thanh Tâm	Luận văn đã nghiên cứu về những vấn đề lý luận pháp lý liên quan đến vấn đề bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng gây ra cho người tiêu dùng. Từ đó, góp phần hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng gây ra cho người tiêu dùng. Luận văn đề xuất định hướng, các giải pháp mang tính khoa học nhằm góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng gây ra cho người tiêu dùng trên cơ sở đánh giá thực trạng lĩnh vực pháp luật này tại Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng. Luận văn là tài liệu tham khảo về pháp luật điều chỉnh bồi

					thường thiệt hại cho người tiêu dùng nói chung và bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng gây ra cho người tiêu dùng nói riêng; Là tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập học phần Luật dân sự, Luật kinh tế,... ở trình độ cử nhân tại các cơ sở đào tạo Luật - Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng do hàng hóa không đảm bảo chất lượng. - Phân tích để làm rõ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng do hàng hóa không đảm bảo chất lượng. - Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng do hàng hóa không đảm bảo chất lượng tại tỉnh Bình Dương. - Đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng do hàng hóa không đảm bảo chất lượng.
26	Thạc sĩ	Pháp luật về quyền làm việc của người lao động -Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Lê Văn Tiền	TS. Nguyễn Thị Cẩm Tú PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Những đóng góp về mặt học thuật, lý luận Luận văn góp phần làm sáng tỏ, tiếp tục kế thừa xây dựng các khái niệm về pháp luật quyền làm việc của người lao động. Luận văn cũng xác định cụ thể các nội dung về quyền làm việc của người lao động. Ngoài ra, xác định nội dung pháp luật và chỉ ra những bất cập còn tồn tại của pháp luật về quyền làm việc của người lao động. - Những điểm mới rút ra từ các kết quả nghiên cứu Phân tích các vấn đề lý luận pháp luật về quyền làm việc của người lao động; Phân tích để làm rõ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền làm việc của người lao động; từ đó chỉ ra những tồn tại/hạn chế của pháp luật; Phân tích và đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về quyền làm việc của người lao động tại tỉnh Bình Dương. Từ đó, chỉ ra những vướng mắc, bất

					cập phát sinh từ thực tiễn; Đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền làm việc của người lao động.
27	Thạc sĩ	Pháp luật về điều kiện kinh doanh được - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Phạm Công Nhân	TS. Nguyễn Thị Cẩm Tú PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Những đóng góp về mặt học thuật, lý luận Thứ nhất, luận văn hệ thống các vấn đề lý luận về Pháp luật về điều kiện kinh doanh được, bao gồm các nội dung như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của điều kiện kinh doanh được; khái niệm, đặc điểm của Pháp luật về điều kiện kinh doanh được; và xác định nội dung của Pháp luật về điều kiện kinh doanh được. Thứ hai, luận văn khái quát và phân tích tương đối toàn diện thực trạng Pháp luật và vấn đề thực hiện Pháp luật về điều kiện kinh doanh được tại tỉnh Bình Dương, chỉ ra những hạn chế, bất cập của Pháp luật hiện hành và những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện. Thứ ba, luận văn đưa ra định hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể để hoàn thiện khung Pháp luật về điều kiện kinh doanh được, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong giai đoạn tới, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của quá trình hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay tại Việt Nam; Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Pháp luật về điều kiện kinh doanh được, đồng thời có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo Luật và các cơ sở đào tạo về chuyên ngành Được tại Việt Nam - Những điểm mới rút ra từ các kết quả nghiên cứu Phân tích các vấn đề lý luận Pháp luật về điều kiện kinh doanh được. - Phân tích để làm rõ các quy định Pháp luật Việt Nam hiện hành về điều kiện kinh doanh được; từ đó chỉ ra những tồn tại/hạn chế của Pháp

					luật; - Phân tích và đánh giá thực trạng áp dụng Pháp luật về điều kiện kinh doanh được qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương. Từ đó, chỉ ra những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn; - Đưa ra một số giải pháp hoàn thiện Pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Pháp luật...
28	Thạc sĩ	Pháp luật về hoạt động bảo lãnh ngân hàng - Thực tiễn áp dụng tại ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, chi nhánh Bình Dương	Dương Ngọc Thy	TS. Phan Phương Nam PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Luận văn góp phần làm sáng tỏ, tiếp tục kế thừa xây dựng các khái niệm về bảo lãnh ngân hàng, hoạt động bảo lãnh ngân hàng phù hợp với bản chất pháp lý của hoạt động này. Luận văn cũng xác định cụ thể các nội dung của hoạt động bảo lãnh ngân hàng và chỉ ra các rủi ro phát sinh đối với từng chủ thể tham gia hoạt động bảo lãnh ngân hàng. Ngoài ra, xác định nội dung pháp luật về hoạt động bảo lãnh ngân hàng và chỉ ra các yếu tố chi phối đến pháp luật về hoạt động bảo lãnh ngân hàng. Phân tích các vấn đề lý luận pháp luật về hoạt động bảo lãnh ngân hàng. Phân tích để làm rõ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành hoạt động bảo lãnh ngân hàng; từ đó chỉ ra những tồn tại/hạn chế của pháp luật. Phân tích và đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về hoạt động bảo lãnh ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, Chi nhánh Bình Dương. Từ đó, chỉ ra những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn. Đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về hoạt động bảo lãnh ngân hàng.
29	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp - Thực	Nguyễn Thị Phi Bảo Lộc	TS. Nguyễn Hoàng Thao	Luận văn góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận BVMT trong các KCN, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về pháp luật BVMT trong các KCN. Trên cơ sở đó, luận

		Tiến tại tỉnh Bình Dương			vấn góp phần củng cố và hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận về pháp luật BVMT trong các KCN ở Việt Nam. Luận văn thể hiện quan điểm khoa học khi phân tích và đánh giá một cách khách quan, toàn diện về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật BVMT trong các KCN. Từ những định hướng đặt ra, luận văn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hơn quy định của pháp luật Việt Nam về BVMT trong các KCN. Nghiên cứu thực hiện pháp luật BVMT trong các KCN từ thực tiễn tỉnh Bình Dương, trong những năm qua cho thấy mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, song vẫn còn nhiều hạn chế. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến sự hạn chế, trong đó có sự thiếu đồng bộ trong hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật của các doanh nghiệp chưa cao; công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật BVMT chưa thực sự có hiệu quả, thiếu đội ngũ cán bộ thực sự có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Từ chỗ làm rõ những vấn đề lý luận và thực trạng trong việc thực hiện pháp luật BVMT trong các KCN từ thực tiễn tỉnh Bình Dương, đề tài đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật BVMT trong các KCN. Khắc phục những hạn chế, yếu kém, thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật BVMT trong các KCN sẽ góp phần BVMT, phát triển bền vững của đất nước.
30	Thạc sĩ	Pháp luật về học nghề, tập nghề để làm việc cho người lao động thực tiễn trên địa bàn trên tỉnh Bình Dương	Trương Thùy Phương Thảo	TS. Nguyễn Hoàng Thao	Luận văn đã tập trung, nghiên cứu, phân tích và đánh giá hệ thống pháp luật về học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động. Luận văn đã làm rõ các khái niệm, đặc điểm, vai trò và nội dung pháp lý cơ bản của hình thức đào tạo này so với các hình thức đào tạo nghề

					khác. Một trong những đóng góp quan trọng của luận văn là hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến học nghề, tập nghề, đặc biệt là tại tỉnh Bình Dương, chỉ ra những hạn chế, bất cập trong pháp luật hiện hành và thực tiễn triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả thực hiện. Các giải pháp này tập trung vào việc rõ hóa quy định, tăng cường tính minh bạch, đảm bảo quyền lợi của người học nghề và người sử dụng lao động, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
31	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của khách hàng cá nhân trong hợp đồng tín dụng - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Biện Thị Ngọc Đào	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy TS. Phí Thị Thanh Tâm	Thông qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật và thực trạng vi phạm pháp luật của các ngân hàng, tác giả đã nghiên cứu đạt được một số kết quả tích cực, đặc biệt trong việc đảm bảo quyền lợi cơ bản của khách hàng như quyền tiếp cận thông tin, quyền lựa chọn thời gian và số tiền vay. Đồng thời, tác giả cũng đề xuất một số kiến nghị góp phần tăng cường hiệu quả bảo vệ người vay một cách toàn diện hơn, như: Sửa đổi, bổ sung các quy định như quy định về lãi suất cho vay, quy định cụ thể hơn về hình thức của hợp đồng mẫu và nghiên cứu bổ sung lĩnh vực ngân hàng vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, bổ sung, sửa đổi các quy định về chế tài xử phạt hành chính và chế tài dân sự khi tổ chức tín dụng vi phạm nghĩa vụ bảo vệ người đi vay và các giải pháp hỗ trợ cho việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi của người đi vay trong quan hệ hợp đồng tín

					dụng.
32	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của khách hàng trong hợp đồng thương mại điện tử - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Bùi Hải Liên	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy TS. Nguyễn Xuân Thủy	Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về pháp luật bảo vệ quyền lợi của khách hàng trong hợp đồng thương mại điện tử. Bài làm phân tích các đặc trưng pháp lý của hợp đồng thương mại điện tử, bảo vệ quyền lợi của khách hàng và đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền lợi khách hàng trong hợp đồng thương mại điện tử. Từ đó chỉ ra những bất cập và cơ chế giải quyết tranh chấp tại tỉnh Bình Dương. Luận văn đề xuất giải pháp nhằm đồng bộ và hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp và khách hàng, cũng như tăng cường giám sát và thực thi pháp luật để khi giao kết hợp đồng thương mại điện tử thì lợi ích được cân bằng, tạo môi trường thương mại điện tử an toàn và công bằng.
33		Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động khuyến mại - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Trần Khả Ái	TS. Lê Thị Thảo TS. Trương Thế Minh	Từ những nghiên cứu, phân tích trong luận văn thông qua đánh giá, luận văn được nghiên cứu một cách chi tiết, cung cấp một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống các cơ sở khoa học về hoạt động khuyến mại và pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động khuyến mại. Ngoài ra, luận văn thể hiện rõ tính đặc thù của pháp luật về luật chuyên ngành bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng so với các luật khác thông qua việc so sánh, đối chiếu. Đồng thời, đưa ra một số bất cập quy định của pháp luật khi áp dụng vào thực tiễn, làm sáng tỏ cơ sở dữ liệu, nội dung nghiên cứu dựa trên sự cần thiết để hoàn thiện các quy định của pháp luật. - Hệ thống hoá các vấn đề lý luận và pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt

					động khuyến mại. - Phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động khuyến mại qua thực tiễn tại tỉnh Bình Dương. - Đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động khuyến mại
34		Pháp luật về hoạt động của Viện kiểm sát trong việc kiểm sát phá sản doanh nghiệp - Thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Trần Đức Thoại	TS. Nguyễn Hoàng Thao	Học viên nhận thức được cách tiếp cận từng vấn đề pháp lý chuyên ngành luật kinh tế một cách khoa học từ lý luận đến thực tiễn, biết trình bày, phân tích đánh giá, ví dụ thực tiễn áp dụng vào từng nội dung nghiên cứu. Luận văn đã đóng về mặt học thuật, lý luận: Luận văn là một công trình khoa học nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu, cụ thể về hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát việc giải quyết phá sản doanh nghiệp thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Luận văn đã khái quát về mặt lý luận về hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát việc giải quyết phá sản doanh nghiệp. Luận văn đã giải mã nội hàm các khái niệm về hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát việc giải quyết phá sản doanh nghiệp; Phân tích khái niệm và đặc điểm pháp luật về hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát việc giải quyết phá sản doanh nghiệp. Luận văn đã đưa ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập của pháp luật về hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát việc giải quyết phá sản doanh nghiệp t trên cơ sở đánh giá thực trạng lĩnh vực pháp luật này tại Việt Nam. Đồng thời, cũng đã kiến nghị các giải pháp mang tính khoa học nhằm góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hoạt động của Viện kiểm sát nhân

					dân trong kiểm sát việc giải quyết phá sản doanh nghiệp tại Việt Nam.
Quản trị kinh doanh					
35	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Bình Dương	Lê Hữu Chung	PGS TS. Hoàng Thị Thanh Hằng	Luận văn tập trung vào việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên thuộc chi nhánh Công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Bình Dương. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và phân tích các yếu tố chính như lương và phúc lợi, đồng nghiệp, lãnh đạo, đào tạo và thăng tiến, văn hóa doanh nghiệp và điều kiện làm việc. Kết quả cho thấy các yếu tố này đều có ảnh hưởng tích cực đến động lực làm việc của nhân viên. Đặc biệt, yếu tố văn hóa doanh nghiệp cùng với điều kiện làm việc là hai yếu tố có tác động mạnh mẽ nhất. Dựa trên những kết quả này, luận văn đưa ra các đề xuất nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp và cải thiện điều làm việc tại chi nhánh, góp phần nâng cao động lực và hiệu suất làm việc của nhân viên.
36	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty Xăng Dầu Sông Bé - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Phan Thị Kim Anh	TS. Phan Tấn Lực	Mục tiêu nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty Xăng dầu Sông Bé - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, từ đó đề xuất các xuất các hàm ý quản trị tạo động lực làm việc cho nhân viên tại công ty. Dựa trên bộ số liệu sơ cấp gồm 179 quan sát là nhân viên trực tiếp làm việc tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc trên địa bàn 02 tỉnh Bình Dương và Bình Phước, chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện. Phương pháp xử lý số được sử dụng trong đề tài này bao gồm: Thống mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy đa biến. Kết quả phân tích hồi quy đa

					biến cho thấy, có 05 nhân tố đều tác động cùng chiều có ý nghĩa thống kê đến động lực làm việc của nhân viên, trong đó nhân tố Chính sách bảo hộ lao động có tác động mạnh nhất. Tiếp đến là các nhân tố: Môi trường làm việc, Lương và chế độ phúc lợi, Văn hóa doanh nghiệp và Tự chủ trong công việc.
37	Thạc sĩ	Một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ mặt đất của hành khách tại sân bay Tân Sơn Nhất	Nguyễn Vương Phương Anh	TS. Nguyễn Quốc Cường	Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến các nhân tố ảnh hưởng đến sự nâng cao chất lượng dịch vụ mặt đất - dịch vụ làm thủ tục hành khách tại Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất từ đó đề xuất các giải pháp cho lĩnh vực này tại Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 thành phần có tác động dương đến chất lượng dịch vụ mặt đất của hành khách, cụ thể mức độ tác động được sắp xếp theo thứ tự giảm dần như sau: Sự tin cậy, Yếu tố cảm quan, Năng lực phục vụ, Khả năng đáp ứng, Chất lượng dịch vụ mặt đất của hành khách.
38	Thạc sĩ	Cải tiến quy trình sản xuất công ty giày Kim Tổ dựa trên mô hình Lean Six Sigma	Lý Gia Bảo	TS. Nguyễn Quốc Cường	Luận văn có tiêu đề "Cải Thiện Quy Trình Sản Xuất Của Công Ty Giày Kim Tổ Dựa Trên Mô Hình Lean Six Sigma" tập trung vào việc cải thiện các quy trình sản xuất tại công ty giày Kim Tổ thông qua việc áp dụng mô hình Lean Six Sigma. Nội dung của luận văn được chia thành ba chương chính: cơ sở lý thuyết về Lean Six Sigma, phân tích các quy trình sản xuất hiện tại của công ty, và đề xuất các giải pháp dựa trên phương pháp Lean Six Sigma. Mục tiêu của nghiên cứu là giảm thiểu lãng phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường khả năng cạnh tranh của công ty. Kết quả nghiên cứu được kỳ vọng sẽ đưa ra các

					giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu trong các ngành công nghiệp tương tự.
39	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của nhân viên Công ty TNHH Wipro Consumer Care Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Diệu	TS. Trần Thị Thanh Hằng	Qua việc khảo sát 261 nhân viên chính thức của Công ty TNHH Wipro Consumer Care Việt Nam và phân tích nhân tố khám phá (EFA), nghiên cứu đã xác định được 5 yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của nhân viên với công ty theo mức độ giảm dần: Môi trường làm việc, Thu nhập, Khen thưởng và phúc lợi, Người quản lý trực tiếp và Đồng nghiệp. Từ việc xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của nhân viên, nghiên cứu đã đánh giá và đề xuất hàm ý quản trị đối với các biến quan sát có đánh giá thấp trong các yếu tố ảnh hưởng nhằm nâng cao sự gắn bó của nhân viên đối với Công ty TNHH Wipro Consumer Care Việt Nam.
40	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến sự gắn bó của nhân viên trong các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Hoàng Hiệp	TS. Phan Tấn Lực	Với mục tiêu của nghiên cứu là kiểm định các yếu tố văn hóa doanh nghiệp có ảnh hưởng đến sự gắn bó của nhân viên trong các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Kết quả phân tích từ 250 nhân viên tại các ngân hàng đã tham gia thực hiện khảo sát cho thấy 5 yếu tố văn hóa doanh nghiệp có ảnh hưởng đến sự gắn bó của nhân viên tại các ngân hàng: Đào tạo và phát triển, Giao tiếp trong ngân hàng – Làm việc nhóm, Chính sách quản trị, Ra quyết định, Phần thưởng và sự công nhận. Từ đó, nghiên cứu đã góp phần nhỏ trong việc đề xuất hàm ý quản trị giúp cho Ban lãnh đạo các Ngân hàng đưa ra định hướng phát triển văn hóa doanh nghiệp nhằm tăng cường sự gắn bó của nhân viên tại các Ngân hàng Thương mại

					Cổ phần ở địa bàn Tỉnh trong thời gian tới.
41	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội đến động lực làm việc của người lao động trong ngành bất động sản tại Bình Dương	Nguyễn Tùng Lâm	TS. Nguyễn Hồng Thu	Nhận thức về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong quá trình duy trì và phát triển hoạt động của doanh nghiệp. Bài nghiên cứu cho thấy rằng doanh nghiệp thể hiện tốt trách nhiệm của mình đối với khách hàng, đối với người lao động và đối với đối tác đầu tư góp phần phát huy động lực làm việc cho người lao động, giúp cho các doanh nghiệp thể hiện tốt vai trò và trách nhiệm của họ để ngày càng nâng cao động lực làm việc cho người lao động và ngày giúp họ càng gắn bó với doanh nghiệp nhiều hơn.
42	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tái mua hàng trên sàn thương mại điện tử -Trường hợp nghiên cứu sàn Shopee	Nguyễn Đình Nam	TS. Nguyễn Hán Khanh	Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tái mua sắm trực tuyến của khách hàng trên Shopee và đề xuất giải pháp nâng cao ý định mua sắm lại. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 180 quan sát được sử dụng. Kết quả cho thấy 5 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tái mua hàng, trong đó “Giá trị cảm nhận về chất lượng sản phẩm” có tác động mạnh nhất ($\beta=0,775$), sau đó là “Sự hài lòng” ($\beta=0,394$), “Chất lượng trang web” ($\beta=0,322$), “Danh tiếng công ty” ($\beta=0,240$), và yếu nhất là “Chất lượng dịch vụ” ($\beta=0,069$).
43	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của người lao động tại Công ty Điện lực Bình Dương	Nguyễn Thị Kim Oanh	TS. Nguyễn Văn Chiến	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định và đo lường được các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của người lao động tại Công ty Điện lực Bình Dương. Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng để xử lý số liệu khảo sát 365 người lao động. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng của từng các nhân tố ảnh hưởng

					đến hiệu quả công việc của người lao động tại Công ty Điện lực Bình Dương bao gồm: Sự hỗ trợ của đồng nghiệp, thu nhập, sự hỗ trợ của cấp trên, động lực làm việc của người lao động, đặc điểm công việc, năng lực cá nhân.
44	Thạc sĩ	Hành vi mua hàng của nhân viên văn phòng trên nền tảng mạng xã hội TikTok tại tỉnh Bình Dương	Lê Hoàng Sang	TS. Nguyễn Hữu Tịnh	Kết quả nghiên cứu cho thấy, hành vi mua hàng của nhân viên văn phòng trên nền tảng mạng xã hội TikTok tại tỉnh Bình Dương bị ảnh hưởng bởi 6 nhân tố từ mạnh đến yếu theo thứ tự: Giá cả và chương trình khuyến mãi, Chất lượng đánh giá, Tính rủi ro bảo mật, Quảng cáo tiếp thị, Tính giải trí thư giãn, Sự hấp dẫn thị giác. Từ kết quả phân tích hồi quy cho thấy, các nhân tố độc lập giải thích được 66,1% đến hành vi mua hàng của nhân viên văn phòng trên nền tảng TikTok.
45	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ môi giới chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Quân đội trên địa bàn khu vực Đông Nam Bộ .	Đặng Thiên Trang	TS. Đào Quyết Thắng	Luận văn sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để xây dựng mô hình và lượng hóa tác động của các nhân tố đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ môi giới chứng khoán của MBS tại Vùng Đông Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu tìm ra 7 nhân tố độc lập, tuy nhiên chỉ có 5 nhân tố tác động thuận chiều đến biến phụ thuộc là Độ tin cậy (ĐTC), Khả năng đáp ứng (SDU), Tính bảo mật (TBM), Năng lực và thái độ phục vụ (NLPV), Cung cấp thông tin tư vấn tài chính (TVTC). Đồng thời luận văn cũng đã đề xuất hàm ý quản trị góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ môi giới chứng khoán của MBS.
46	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc	Trần Minh Trung	TS. Mai Văn Luông	Bài luận văn nghiên cứu về động lực làm việc của công nhân sản xuất trực tại Công ty TNHH ECCO (Việt Nam)

		của công nhân sản xuất trực tiếp tại Công ty TNHH ECCO (Việt Nam)			bằng cách thực hiện các bước lược khảo tài liệu, tham khảo ý kiến chuyên gia nhân sự, xây dựng mô hình nghiên cứu, sau đó thu thập khảo sát với quy mô mẫu là 307 phiếu. Tiến hành sử dụng phần mềm SPSS để kiểm tra độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá, tương quan và hồi quy đa biến. Kết quả cho thấy có 6 yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công nhân sản xuất trực tiếp bao gồm: Bản chất công việc, Đào tạo, Nhu cầu cá nhân, Chính sách phúc lợi, Mối quan hệ trong tổ chức, Chính sách phát triển bền vững. Trong đó, Chính sách phát triển bền vững có tác động mạnh nhất. Kết quả có được từ nghiên cứu là cơ sở quan trọng để ban lãnh đạo cải tiến các chiến lược và kế hoạch phù hợp để phát triển nguồn nhân lực của ECCO (Việt Nam).
47	Thạc sĩ	Nghiên cứu hành vi mua sắm trực tuyến trên Shopee của người tiêu dùng tại Bình Dương	Nguyễn Cao Như Uyên	TS. Nguyễn Văn Chiến	Luận văn đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng tại Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những nhân tố chính ảnh hưởng đến quyết định hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, luận văn cũng đưa ra các hàm ý quản trị giúp thúc đẩy sự phát triển mua sắm trực tuyến trên Shopee trong thời gian tới. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các doanh nghiệp có thể điều chỉnh chiến lược tiếp thị, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường này.
48	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động quản trị quan hệ khách	Nguyễn Thị Thu Giang	TS. Phạm Ngọc Dưỡng	CRM là một trong những mối quan tâm lớn nhất đối với các ngân hàng hiện nay. Để đảm bảo phát huy tối đa

		hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh thành phố Dĩ An - Bình Dương			những lợi ích mà CRM mang lại, rất cần sự hỗ trợ của cơ quan Bộ, ngành trong việc tạo lập môi trường cạnh tranh đồng thời nhân rộng mô hình đào tạo quản trị quan hệ khách hàng. Với một mức độ nhất định trên đây tôi đã nêu ra những đề xuất mang tính định hướng phù hợp với điều kiện thực tế của BIDV - CN Dĩ An Bình Dương để từ đó xây dựng một hệ thống Quản trị quan hệ khách hàng một cách khoa học hơn, góp phần vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ tại ngân hàng
49	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế của hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Phạm Quốc Bình	TS. Vòng Thành Nam	Nghiên cứu được tác giả xây dựng mô hình dựa vào các nghiên cứu trước và thực tiễn trong quản lý Hộ kinh doanh trên địa bàn Thị xã Bến Cát. Nghiên cứu này nhằm cung cấp cái nhìn tổng thể, cũng như đưa ra những kiến nghị mang hàm ý chính sách để nhằm nhằm tìm ra giải pháp để nâng cao tính tuân thủ thuế của Hộ kinh doanh trên địa bàn Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố đã tác động theo thứ tự mức độ ảnh hưởng giảm dần như sau: (1) Kiến thức và giáo dục thuế; (2) Tiền phạt và hình phạt; (3) Khả năng bị phát hiện; (4) Thái độ phục vụ của công chức thuế; (5) Tính công bằng của chính sách thuế. Theo như hệ số R ² hiệu chỉnh = 0,524 có nghĩa là mô hình có thể giải thích được 52.4% cho tổng thể về mối liên hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của hộ kinh doanh trên địa bàn Thị xã Bến Cát, Bình Dương.
50	Thạc sĩ	Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc	Lê Minh Hiếu	TS. Nguyễn Hồng Thu	Luận văn nhằm nghiên cứu và đánh giá ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống người lao động tại các khu công nghiệp ở tỉnh Bình Dương, đặc biệt trong bối cảnh đại

		sống của người lao động tại các khu công nghiệp ở Bình Dương - Giải pháp góp phần nâng cao hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh mới.			dịch Covid-19. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, với mẫu 325 người, kết quả cho thấy 10 yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, bao gồm thu nhập, lương thực, y tế, giáo dục, nhà ở, điện nước, đời sống văn hoá, ô nhiễm môi trường, an ninh khu vực và an toàn lao động. Y tế và thu nhập là 2 nhân tố quan trọng nhất. Tác giả đề xuất 5 nhóm giải pháp bao gồm nhu cầu cơ bản, sức khỏe, đời sống văn hóa, môi trường sống, và phát triển cá nhân, nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống và quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh mới.
51	Thạc sĩ	Những nhân tố tác động đến thị giá cổ phiếu các công ty chứng khoán - Bảng chứng thực tiền tại Việt Nam	Đoàn Đình Khánh	TS. Nguyễn Hoàng Chung	Công trình nghiên cứu mối quan hệ, tương quan tác động đến thị giá cổ phiếu của các yếu tố tài chính như: tổng sản phẩm quốc nội (GDP), chỉ số giá tiêu dùng (CPI), tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA), tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) và các yếu tố kỹ thuật như tỷ lệ khối lượng giao dịch mỗi quý, tỷ lệ người nội bộ/ ban lãnh đạo/ cổ đông lớn mua vào/ bán ra (BUY/SELL) và đường trung bình trượt (MA).
52	Thạc sĩ	Hành vi lựa chọn dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bình Dương	Nguyễn Thị Mỹ Trang	TS. Nguyễn Ngọc Mai	Dựa vào cơ sở lý thuyết sẵn có trước đó, sau khi xem xét các mô hình nghiên cứu trước đây và xem xét tình hình sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bình Dương, tác giả đã lựa chọn và đề xuất các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi lựa chọn dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bình Dương. Xác định được có 05 nhân tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử. Bằng phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo (Cronbach Alpha), phân tích nhân tố (EFA),

					phân tích tương quan Pearson và phân tích hồi quy tuyến tính (hồi quy đa biến), trong 05 nhân tố đã nghiên cứu thì tác giả xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố theo thứ tự như sau: Lợi ích nhận được có tác động mạnh nhất, các yếu tố tiếp theo lần lượt là, Sự tin cậy, Mục đích/nhu cầu sử dụng, Giá cả, Nhận diện thương hiệu.
Ngành kế toán					
53	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị chi phí môi trường của các doanh nghiệp sản xuất giấy trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Bùi Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Thị Mai Hương	Đồng thời, từ phương pháp nghiên cứu định lượng đã xác định được các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị chi phí môi trường của các doanh nghiệp sản xuất giấy trên địa bàn tỉnh Bình Dương bao gồm: nhân tố nhận thức của nhà điều hành doanh nghiệp, nhân tố vai trò của bộ phận kế toán quản trị, nhân tố truyền thông nội bộ và nhân tố áp lực cưỡng ép. Cả bốn nhân tố trên đều tác động tích cực đến việc vận dụng kế toán quản trị chi phí môi trường của các doanh nghiệp sản xuất giấy trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất các giải pháp để cải thiện việc vận dụng kế toán quản trị chi phí môi trường cho các doanh nghiệp sản xuất giấy trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
54	Thạc sĩ	Mức độ tuân thủ thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Chi cục Thuế Thành phố Thuận An tỉnh Bình Dương	Phạm Ngọc Hằng	PGS.TS. Trần Văn Tùng	Nghiên cứu đánh giá mức độ tuân thủ thuế TNDN đối với DNNVV tại CCT thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 06 nhân tố ảnh hưởng đến tính tuân thủ thuế TNDN của DNNVV tại CCT thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương gồm: (1) Chính sách thuế, (2) Công tác quản lý thuế, (3) Đặc điểm ngành kinh doanh, (4) Xác suất bị phát hiện gian lận thuế, (5) Yếu tố tâm lý và (6) Chuẩn mực xã hội. Các nhân tố này giải thích được

					62,9% sự thay đổi trong tính tuân thủ thuế TNDN của DNNVV tại CCT thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
55	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm tại các Doanh nghiệp Thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Cao Hoài Thương	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến	Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến công tác KTTN tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Bình Dương và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố. Tiếp đến, xem xét có hay không vai trò trung gian của TNXH đến công tác KTTN. Nghiên cứu đã khảo sát 300 DNTM và sử dụng phân tích mô hình cấu trúc. Kết quả nghiên cứu cho thấy 06 biến gồm CSKT, DDKD, DTPB, HQT, PQQL và TNXH có ảnh hưởng trực tiếp và cùng chiều đến KTTNBD với thứ tự mức độ tác động giảm dần của các biến như sau: HQT (mức 0,334), DDKD (mức 0,259), DTPB và TNXH (mức 0,239), CSKT (mức 0,195) và thấp nhất là PQQL (mức 0,169). Đồng thời, nghiên cứu cũng cho thấy cả 03 biến CSKT, DDKD, HQT đều có ảnh hưởng tích cực đến biến TNXH, trong đó biến HQT có ảnh hưởng mạnh nhất đến TNXH (mức 0,567), tiếp đến là DDKD (mức 0,321) và cuối cùng là CSKT (mức 0,310). Ngoài ra, với mức ý nghĩa 5%, tất cả các biến CSKT, DDKD, HQT đều có mối quan hệ gián tiếp với biến KTTNBD thông qua biến TNXH.
56	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng giá trị hợp lý đối với tài sản bất động sản trong các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản tại Bình Dương	Võ Thị Mỹ Thắm	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến	Nghiên cứu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng GTHL đối với tài sản BĐS trong các DN kinh doanh BĐS tại tỉnh Bình Dương và xem xét có hay không vai trò trung gian của nhận thức về áp dụng GTHL đến việc áp dụng GTHL. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả 05 biến độc lập COM, PER, REL, TIM, USE đều có ảnh hưởng trực tiếp đến APP, trong đó mức độ tác động giảm dần của các

					biến như sau: PER (mức 0,420), COM (mức 0,249), REL (mức 0,222), USE (mức 0,119) và thấp nhất là TIM (mức 0,102). Đồng thời, nghiên cứu cũng cho thấy cả 04 biến COM, REL, TIM, USE đều có ảnh hưởng tích cực đến biến PER. Trong đó, biến USE có mức độ ảnh hưởng mạnh nhất đến PER (có $\beta = 0,321$), tiếp đến là biến REL (với $\beta = 0,256$), biến COM (với $\beta = 0,214$) và biến TIM (với $\beta = 0,171$). Bên cạnh đó, với mức ý nghĩa 5%, tất cả các biến độc lập COM, REL, TIM và USE đều có mối quan hệ gián tiếp với biến APP thông qua biến PER.
57	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ ở Bình Dương	Nguyễn Thị Ngà	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiên	Luận văn nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy KTQT ở các DNTMVVN tỉnh Bình Dương, sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng với dữ liệu khảo sát là 172 DNTMVVN ở Bình Dương. Kết quả nghiên cứu từ mô hình hồi quy chuẩn hoá cho thấy: Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy kế toán quản trị ở doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ ở Bình Dương theo thứ tự từ mạnh đến yếu là (i) Quy mô doanh nghiệp (hệ số beta 0,469), (ii) Trình độ nhân viên kế toán (hệ số beta 0,392), (iii) Cạnh tranh (hệ số beta 0,262), (iv) Chính sách của doanh nghiệp (hệ số Beta 0,254), (v) Quy định pháp luật (hệ số beta = 0,213), (vi) Dự toán (hệ số beta 0,170). Kết quả nghiên cứu này có nhiều điểm tương đồng với các tác giả đi trước như Halbouni và Nour (2014), Sudhashini và Nian (2017), Lê Thị Mỹ Nương (2020), Nguyễn Bích Hương Thảo (2021),..... Từ đó, đề xuất hàm ý chính sách để thực hiện tổ chức bộ máy KTQT trong các DNTMVVN ở Bình Dương.

58	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của việc sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Trần Thị Hoàng Anh	PGS.TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	Luận văn thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của việc sử dụng PMKT tại các DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu đã khảo sát 180 DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Dương và sử dụng phân tích hồi quy. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 06 nhóm nhân tố có ảnh hưởng tác động cùng chiều đến hiệu quả của việc sử dụng PMKT tại các DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Dương bao gồm CLTT, CLNS, CLPM, CLPC, HQTV, CNPM. Đồng thời, phân tích hồi quy chuẩn hoá cho thấy nhân tố CLPM có tác động mạnh nhất tới biến phụ thuộc HQSDPM với hệ số beta chuẩn hóa là 0,328; tiếp đến lần lượt là CLPC, CLNS, CLTT, HQTV với hệ số beta chuẩn hóa lần lượt là 0,314; 0,258; 0,216; 0,193 và ảnh hưởng thấp nhất đến biến phụ thuộc HQSDPM là nhân tố CNPM với hệ số beta chuẩn hoá là 0,130. Từ đó, luận văn đã đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng PMKT tại các DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
59	Thạc sĩ	Tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoàn thuế giá trị gia tăng tại Chi cục Thuế huyện Củ Chi	Mai Xuân Trọng	PGS.TS. Trần Phước	Đề tài “Tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoàn thuế giá trị gia tăng tại Chi cục Thuế huyện Củ Chi” đã làm rõ những vấn đề về kiểm soát rủi ro trong công tác hoàn thuế tại Chi cục Thuế huyện Củ Chi với mục đích là đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần tăng cường KSRR tại Chi cục Thuế huyện Củ Chi. Đặc biệt, luận văn đã đề cập và nhấn mạnh đến vấn đề hệ thống KSRR đơn vị công, trong đó các yếu tố cấu thành nên hệ thống KSRR được luận văn hệ thống hóa rất chi tiết về những cơ sở lý luận này. Trọng tâm của nghiên cứu này chính là vấn đề “KSRR trong hoạt động hành chính công của ngành thuế”

					cũng đã được đề cập đầy đủ trong cơ sở lý luận của luận văn. Sau cùng, để các giải pháp tăng cường của luận văn có tính khả thi cao cũng như hiệu quả của nó mang lại, luận văn đã đưa ra được những kiến nghị mang tính cấp thiết và ý nghĩa thực tiễn đối với vấn đề KSRR quy trình hoàn thuế tại Chi cục Thuế huyện Củ Chi nói riêng và Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh nói chung.
60	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Bảo hiểm xã hội thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Hồ Thị Mỹ Dung	PGS.TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	Đề tài “Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Bảo hiểm xã hội thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương” đã làm rõ những vấn đề lý luận về KSNB trong đơn vị công nói chung và KSNB trong đơn vị BHXH nói riêng, bên cạnh đó phân tích thực trạng, đánh giá tính hữu hiệu của HTKSNB đối với hoạt động thu, chi tại BHXH thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Từ đó tác giả đề xuất các giải pháp phù hợp để hoàn thiện HTKSNB đối với hoạt động thu, chi tại BHXH thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nhằm hạn chế các rủi ro có thể xảy ra, giảm thiểu tình trạng nợ đọng đối với ĐVSDLĐ trên địa bàn, ngăn chặn lạm dụng, gây thất thoát quỹ BHXH, xây dựng được hệ thống thu, chi BHXH nhanh, gọn, chính xác, đảm bảo chi trả đúng người, đúng chế độ, đóng góp vào việc xây dựng công cụ an sinh vững mạnh, tạo niềm tin cho người tham gia BHXH; thể hiện được vai trò, nhiệm vụ BHXH tỉnh Bình Dương cũng như BHXH Việt Nam giao phó.
61	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức kế toán tại các đơn vị y tế công lập trên địa bàn	Nguyễn Thị Định	TS. Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Hồng Thu	Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp định tính và định lượng: (i) Nghiên cứu định tính thực hiện để đánh giá mức độ phù hợp thông qua khảo sát bằng bảng hỏi với phương pháp lấy mẫu thuận tiện; (ii) Nghiên cứu định

		tỉnh Bình Dương			lượng được sử dụng để kiểm định mô hình từ thu thập 185 mẫu khảo được đưa vào nghiên cứu để phản ánh thang đo bằng phương pháp Cronba Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA phân tích hồi quy đa biến và kiểm định giả thuyết trong mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu phù hợp với giả thuyết nghiên cứu và phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đó. Trong đó, nhân tố Tổ chức bộ máy kế toán (BM) là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất, tiếp theo lần lượt là yếu tố tác động theo thứ tự từ mạnh đến yếu của các nhân tố: Môi trường pháp lý (PL), Nhu cầu về thông tin kế toán (TK), Ứng dụng công nghệ thông tin (CN), Hệ thống kiểm soát nội bộ (KS), Nhận thức của nhà quản lý (QL) và Nguồn lực kế toán (NL).
Ngành Tài chính – Ngân hàng					
62	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương	Nguyễn Thị Thủy Tiên	TS. Hoàng Cẩm Trang	Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Thông qua thu thập được sẽ xử lý bằng phần mềm SPSS. Phân tích hồi quy bội được sử dụng để kiểm định mô hình nghiên cứu. Thông qua mô hình hồi quy tuyến tính để đánh giá các nhân tố tác động đến khả năng trả nợ của KHCN tại ngân hàng. Kết quả thống kê tần số cho thấy đa phần khách hàng cá nhân có khả năng trả nợ (105 khách hàng, chiếm tỷ trọng 73,9%). Khách hàng hầu như có độ tuổi từ 25 tuổi trở lên (từ 25 đến 35 có 85 người, chiếm tỷ trọng 59,9%). Kết quả hồi quy nhị phân cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng cá nhân tại Vietinbank Bình Dương gồm: Tài sản đảm bảo; lãi suất hợp lý; lịch sử tín dụng và Covid-19. Trong đó biến Lãi suất có tác động cao nhất

					đến khả năng trả nợ của KHCN tại Vietinbank Chi nhánh Bình Dương, tiếp đến là các biến gồm Tài sản đảm bảo, Covid-19 và lịch sử tín dụng.
63	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương	Nguyễn Tấn Tài	GS.TS. Võ Xuân Vinh	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương. Nghiên cứu ngoài phân tích thực trạng chất lượng tín dụng của chi nhánh thông qua phương pháp định tính còn tiến hành kiểm định mô hình theo phân tích định lượng. Dữ liệu sơ cấp được tác giả thu thập thông qua khảo sát các cán bộ tín dụng tại ngân hàng với 98 phiếu hợp lệ. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến đã được sử dụng để ước lượng tác động của các yếu tố đến chất lượng tín dụng của chi nhánh. Kết quả nghiên cứu cho thấy dư nợ của chi nhánh có sự tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2019-2021 và đem lại nguồn thu nhập chủ yếu cho chi nhánh, tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn duy trì ở mức an toàn. Tuy nhiên trong dịch bệnh, tỷ lệ nợ quá hạn có xu hướng tăng làm giảm chất lượng tín dụng của chi nhánh. Mặt khác nghiên cứu cũng chỉ ra có 6 yếu tố tác động đến chất lượng tín dụng của Ngân hàng và đề xuất giải pháp để hạn chế tác động từ các yếu tố trên.
64	Thạc sĩ	Nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng cho các đối tượng yếu thế trên địa bàn thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Hoàng Nguyễn Hoàng Long	TS. Nguyễn Hồng Thu	Khu vực thị xã Bến Cát là một trong những đơn vị hành chính cấp huyện thuộc vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Bình Dương, với đặc điểm là một đô thị có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, tập trung nhiều lao động trên cả nước về làm việc, nhu cầu tín dụng để giải quyết các vấn đề về đời sống, an sinh xã hội, việc làm là rất lớn.

					Trên cơ sở phân tích các đặc điểm mang tính đặc trưng của thị xã kết hợp với các nghiên cứu thực nghiệm trước. tác giả sử dụng mô hình hồi quy nhị phân Binary Logistic để nghiên cứu 7 nhân tố gồm: Giới tính, Tuổi, Trình độ học vấn, Thu nhập, Nơi ở, Nghề nghiệp, Mục đích sử dụng vốn tác động như thế nào đến việc tiếp cận tín dụng của các đối tượng yếu thế từ đó đề xuất các giải pháp cho các bên liên quan.
65	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của hộ nghèo vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Bình Dương	Phạm Thị Hồng Quyên	TS. Nguyễn Hồng Thu	Tác giả chọn 269 hộ nghèo trong dữ liệu khách hàng của NHCSXH chi nhánh Bình Dương trong giai đoạn 2018-2022. Đồng thời, vận dụng mô hình hồi quy Binary Logistic (mô hình Logit) trên phần mềm SPSS 22.0 để khám phá các yếu tố tác động đến Khả năng trả nợ của hộ nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh Bình Dương. Kết quả
66	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Anh Thư	TS. Nguyễn Hoàng Chung	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm kiếm và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố vi mô và vĩ mô lên biến động giá cổ phiếu của các công ty được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dữ liệu được thu thập từ các nguồn thứ cấp trong khoảng thời gian từ năm 2010 – 2021 với các biến độc lập bao gồm: EPS, ROE, BVPS, SIZE, GDP, INF, RATE. Kết quả phân tích của đề tài cho thấy mức độ phù hợp nhất định của mô hình nghiên cứu khi có tất cả giả thiết nhất quán với dòng nghiên cứu trước. EPS, BVPS, SIZE lần lượt tác động tích cực đến giá cổ phiếu niêm yết trên TTCK Việt Nam. Trong khi đó, ROE, GDP, RATE càng tăng, giá cổ phiếu có xu hướng giảm. Kết quả phân tích của đề tài này là cơ

					sở quan trọng để giúp cho các nhà đầu tư quan tâm đến cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có quyết định đầu tư hiệu quả, bên cạnh đó là đề xuất các khuyến nghị đối với các hoạt động và chính sách của các NHTM, Chính phủ và NHNN.
67	Thạc sĩ	Nghiên cứu về khả năng thanh khoản của các Ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Thảo	TS. Nguyễn Văn Chiến	Dữ liệu thu thập từ 26 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2010 - 2020 với 286 quan sát. Kết quả thu được của bài nghiên cứu cho thấy biến tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ lạm phát thì tác động cùng chiều. Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản thì tác động ngược chiều. Khác nhau ở biến quy mô ngân hàng, khi mô hình có tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản thì không có ý nghĩa thống kê còn ở mô hình có tỷ lệ lợi nhuận thì biến quy mô ngân hàng tác động ngược chiều. Nghiên cứu đã đạt được mục tiêu đề ra và trả lời được các câu hỏi nghiên cứu của tác giả. Thứ nhất, các yếu tố tác động đến khả năng thanh khoản của ngân hàng thương mại tại Việt Nam bao gồm tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản, quy mô ngân hàng. Thứ hai, dựa trên kết quả mô hình hồi quy, ta thấy biến ROA, ROE có hệ số hồi quy cùng dấu với giả thuyết ban đầu tác giả mong đợi, giá trị thống kê có ý nghĩa với độ tin cậy là 90%.
68	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	Phan Trọng Nhân	PGS.TS. Đặng Văn Cường	Luận văn được thực hiện theo phương pháp định tính, phương pháp định lượng và phương pháp thống kê mô tả. Đối với phương pháp định tính được sử dụng để nghiên cứu cơ sở lý thuyết về CAR, các yếu tố ảnh hưởng tới CAR và cơ sở để lựa chọn các biến cho mô hình nghiên cứu.

					cứ định lượng. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất 22 NH TMCP Việt Nam trong vòng 11 năm từ 2012 - 2022 đối với các biến nội tại và từ Việt Nam Indicator năm 2023 tại website của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) đối với các biến vĩ mô. Tác giả sử dụng phần mềm Eviews 12 thực hiện hồi quy mô hình dữ liệu bảng bằng các phương pháp Ordinary Least Square (Pooled OLS), Fix Effect Model (FEM) và Random Effect model (REM). Sau khi lựa chọn được mô hình, tác giả thực hiện kiểm định các khuyết tật cho thấy trong mô hình có hiện tượng tự tương quan và phương sai sai số thay đổi. Để khắc phục, tác giả sử dụng phương pháp ước lượng điều chỉnh sai số chuẩn (Robust Standard Errors). Kết quả cuối cùng được lấy theo kết quả hồi quy bằng phương pháp Robust. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 04 biến nội tại có ảnh hưởng tới hệ số an toàn vốn của Ngân hàng và có ý nghĩa thống kê từ 1% - 10% bao gồm: quy mô ngân hàng, tỷ suất sinh lời, tỷ lệ thanh khoản và tỷ lệ đòn bẩy ngân hàng. Đối với các biến vĩ mô có 01 biến có ảnh hưởng tới CAR là tốc độ tăng trưởng GDP với mức ý nghĩa 10%.
69	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Ngân hàng vay vốn của khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Sóng Thần	Ngô Thành Trung	TS. Đào Lê Kiều Oanh	Để xác định được nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của chúng đến quyết định lựa chọn ngân hàng vay vốn của khách hàng doanh nghiệp” tại Agribank Sóng Thần, tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Mô hình này bao gồm các nhân tố sau: (1) Thương hiệu ngân hàng; (2) Thủ tục vay vốn; (3) Sự thuận tiện, (4) Chất lượng dịch vụ; (5) Chính sách lãi suất; (6) Hình ảnh nhân viên. Tác giả đã xây dựng một

					thang đo, tiến hành khảo sát và thu thập dữ liệu, sau đó kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và xây dựng mô hình hồi quy đa biến. Mẫu khảo sát gồm 250 khách hàng doanh nghiệp đã và đang vay vốn tại Agribank Sóng Thần. Kết quả phân tích cho thấy nhân tố thương hiệu và thủ tục vay vốn đóng vai trò quan trọng nhất và có ảnh hưởng quyết định đến việc khách hàng lựa chọn để vay vốn. Dựa trên kết quả này, tác giả đã đưa ra các khuyến nghị nhằm thu hút thêm khách hàng doanh nghiệp đến với Agribank Sóng Thần góp phần vào tăng trưởng dư nợ.
70	Thạc sĩ	Tác động của đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam	Ngô Thùy Dương	TS. Đào Lê Kiều Oanh	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của thu nhập ngoài lãi đến kết quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Sử dụng dữ liệu gồm 24 NHTM tại Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2022, nghiên cứu này đã chỉ ra rằng thu nhập ngoài lãi có tác động tích cực đến lợi nhuận trên tổng tài sản và lợi nhuận trên vốn chủ của các NHTM. Khi xem xét đến yếu tố rủi ro thì tác động tích cực của thu nhập ngoài lãi còn có mức độ lớn hơn. Điều này cho thấy thu nhập ngoài lãi giúp cho ngân hàng cải thiện hiệu quả hoạt động của mình thông qua giảm bớt rủi ro của các NHTM. Đây là cơ sở để các NHTM cũng như các nhà quản trị cân nhắc đa dạng hóa thu nhập của ngân hàng thông qua các hoạt động phi tín dụng khác để giúp ngân hàng đạt được kết quả kinh doanh tốt hơn.
71	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro cho vay thế chấp là bất động	Phạm Quốc Việt	PGS.TS. Đặng Văn Cường	Trong bài nghiên cứu này, tác giả xác định các rủi ro khi cho vay thế chấp là bất động sản tại các ngân hàng thương

		sản tại các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn tỉnh Bình Dương			mại cổ phần tại tỉnh Bình Dương. Khi nói đến cho vay nhận thế chấp là bất động sản thì các ngân hàng TMCP vẫn ưu tiên hàng đầu là nhận bất động sản để cho vay, nhưng vấn đề bất động sản là tài sản giá trị vô hình, giá trị sẽ luôn biến đổi theo thị trường cũng như nhu cầu của người sử dụng, chính vì thế khi nhận bất động sản để vay vốn, ngân hàng cũng nhận không ít rủi ro là mất thanh khoản, giá trị có thể giảm, bên cạnh đó chính sách của địa phương, của nhà nước về các vùng quy hoạch, phát triển kinh tế đất nước, xây dựng đầu tư công,... Các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình cung cấp vay thế chấp, bảo vệ lợi ích của ngân hàng. Các chiến lược này có thể bao gồm đánh giá chặt chẽ về khả năng thanh toán của người vay, kiểm soát chặt chẽ giá trị bất động sản đảm bảo, và thiết lập các chính sách rõ ràng về việc xử lý nợ và tái cơ cấu nếu có vấn đề xảy ra. Đồng thời, việc sử dụng công nghệ và thông tin về thị trường bất động sản có thể hỗ trợ quản lý rủi ro một cách hiệu quả. Điều này giúp ngân hàng duy trì sự ổn định trong quá trình kinh doanh và đảm bảo an toàn tài chính. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng quản lý rủi ro cho vay thế chấp là bất động sản tại các Ngân hàng TMCP tại Bình Dương.
72	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi	Nguyễn Phúc Lâm	TS. Đỗ Thị Thanh Nhân	Bằng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng, nghiên cứu đã phân tích số liệu hoạt động ngân hàng bán lẻ tại BIDV Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022, khảo sát với cỡ mẫu 148 bao gồm nhân viên liên quan đến dịch vụ NHBL và các khách hàng sử dụng sản phẩm của BIDV Bình Dương. Kết quả nghiên

		nhánh Bình Dương			cứu cho thấy khách hàng khá hài lòng với chất lượng dịch vụ NHBL tại BIDV Bình Dương. Để đạt được mục tiêu ngân hàng số 1 về sự hài lòng của khách hàng, đề tài đã đưa ra một số hàm ý chính sách để nâng cao chất lượng dịch vụ NHBL tại BIDV Bình Dương.
73	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lợi của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TS. Đỗ Thị Thanh Nhân	Nghiên cứu giúp tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của 27 NHTM Việt Nam giai đoạn 2010-2022 được đại diện bởi ROA, ROE, NIM. Đối với mô hình ROA, quy mô ngân hàng, vốn chủ sở hữu, đa dạng hóa thu nhập, tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát có tác động cùng chiều; ngược lại chi phí, tiền gửi, rủi ro tín dụng, sở hữu nhà nước có tác động ngược chiều với ROA. Tương tự, đối với mô hình ROE, quy mô ngân hàng, vốn chủ sở hữu, đa dạng hóa thu nhập và tốc độ tăng trưởng kinh tế có tác động cùng chiều; còn chi phí, tiền gửi, rủi ro tín dụng có tác động ngược chiều với ROE. Còn đối với mô hình NIM có nhiều sự khác biệt, quy mô ngân hàng, vốn chủ sở hữu, chi phí, cho vay, rủi ro tín dụng và lạm phát có tác động cùng chiều, còn đa dạng hóa thu nhập, tiền gửi, sở hữu nhà nước có tác động ngược chiều. Biến sở hữu nước ngoài không có ý nghĩa thống kê đối với cả 3 mô hình.
74	Thạc sĩ	Tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển tài chính đến tăng trưởng kinh tế: Trường hợp nghiên cứu tại các nước Châu Á	Hoàng Thị Lan Anh	TS. Nguyễn Văn Chiến	Đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát triển tài chính là hai yếu tố quan trọng có tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. Mục tiêu của luận văn một lần nữa kiểm định tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát triển tài chính đến tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc tổng hợp các nghiên cứu

					trước cũng như thu thập số liệu, xử lý và phân tích số liệu của 25 quốc gia tại Châu Á. Luận văn sử dụng phần mềm Stata 14 và dùng các kiểm định Pooled OLS, FEM, REM, GLS để lựa chọn phương pháp hồi quy tối ưu nhất cho mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động mạnh nhất đến tăng trưởng kinh tế, phát triển tài chính cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng trưởng kinh tế thông qua biến tỷ số sinh lợi của thị trường chứng khoán.
75	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến rủi ro tín dụng nghiên cứu tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam	Nguyễn Thị Mộng Thường	GS. TS. Võ Xuân Vinh	Đề tài “Các yếu tố tác động đến rủi ro tín dụng nghiên cứu tại ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương” được nghiên cứu nhằm phân tích và tìm ra những yếu tố tác động đến rủi ro tín dụng. Luận văn sử dụng cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu kế thừa từ các nghiên cứu trước đây về các yếu tố tác động đến rủi ro tín dụng. Từ các cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu của các tác giả trước đó, đề tài tiến hành nghiên cứu với mô hình đề xuất gồm 03 yếu tố gồm: (1) Yếu tố từ phía khách hàng vay, (2) Yếu tố về phía ngân hàng cho vay, (3) Yếu tố khách quan do môi trường kinh doanh và chính sách của nhà nước. Về mặt nghiên cứu định lượng, tác giả sử dụng phương pháp thu thập số liệu thông qua khảo sát 120 cấp quản lý và nhân viên đang công tác trong lĩnh vực tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương (MB Bình Dương) theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Tác giả đã sử dụng các công cụ như: phương pháp thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích EFA và phân tích hồi quy đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả 03 yếu tố đều có tác động

					cùng chiều đến rủi ro tín dụng nghiên cứu tại MB Bình Dương với mức ý nghĩa 5%. Trong đó, yếu tố khách quan do môi trường kinh doanh và chính sách của nhà nước là có tác động mạnh nhất, tiếp đó theo thứ tự giảm dần là: (2) Yếu tố về phía Ngân hàng cho vay, (3) Yếu tố về phía khách hàng vay vốn. Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đưa ra các hàm ý quản trị cho MB Bình Dương để quản lý rủi ro tín dụng và chiến lược thu hồi nợ hiệu quả hơn.
Thạc sĩ Công tác xã hội					
76	Thạc sĩ	Công tác xã hội với người cao tuổi neo đơn tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Hoa Hạnh	PGS. TS Đỗ Hạnh Nga	Tác giả đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, phụ trách ngành lao động thương binh và xã hội về hộ nghèo, người cao tuổi, nên tác giả chọn đề tài: “Công tác xã hội với người cao tuổi neo đơn tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương” để thực hiện. Thực trạng đời sống và chính sách hỗ trợ đối với người cao tuổi neo đơn tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vận dụng kiến thức, kỹ năng CTXH qua mô hình CTXH cá nhân để hỗ trợ 1 trường hợp người cao tuổi neo đơn. Công tác xã hội cá nhân trong việc hỗ trợ người cao tuổi neo đơn đồng thời đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả CTXH với người cao tuổi neo đơn tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Kết nối các nguồn lực, hỗ trợ thân

					chủ xây lại nhà. Hỗ trợ pháp lý về thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu nội: Tư vấn về những quy định của pháp luật (Luật hộ tịch, Nghị định 123). Tổng kết, đánh giá quá trình can thiệp: Tinh thần thân chủ vui vẻ, lạc quan. Kết nối hỗ trợ xây lại nhà ở , 2 cháu nội được đăng ký khai sinh.
77	Thạc sĩ	Thực trạng Tham gia chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lao động tại thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Thùy Linh	GS.TS. Bùi Thế Cường	Rủi ro mất thu nhập luôn tồn tại và là nguyên nhân gây ra tình trạng nghèo khổ. Chính sách công ra đời là để giảm thiểu tác động của rủi ro mất thu nhập lên đời sống của người lao động. Từ thực tế số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thấp, chưa tương xứng với số lao động trên địa bàn. Mà nguyên nhân là do người lao động chưa có hiểu biết đầy đủ, chính xác về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu “Thực trạng tham gia chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lao động tại thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương” Đề tài được thực hiện từ tháng 4/2023 đến 9/2023. Tác giả vận dụng các lý thuyết lý luận để nghiên cứu thực trạng tham gia chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lao động tại thị xã Bến Cát, áp dụng phương pháp công tác nhóm vào hỗ trợ người lao động tiếp cận tham gia chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tác giả mong muốn đề tài này sẽ góp phần nâng cao năng lực cho cán bộ tuyên truyền chính sách tại địa phương. Hỗ trợ người dân tiếp cận chính sách của nhà nước, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động.

78	Thạc sĩ	Công tác xã hội nhóm đối với phụ nữ trong phòng chống bạo lực gia đình tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Phạm Thị Thúy Hồng	GS.TS. Nguyễn Hữu Minh	Đề tài đã hệ thống hóa, xây dựng những vấn đề lý luận cơ bản về phòng chống BLGD đối với phụ nữ dưới góc độ CTXH. Kết quả nghiên cứu này sẽ bổ sung những vấn đề lý luận mới về CTXH nhóm - những vấn đề lý luận về phòng chống BLGD đối với phụ nữ, làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo có liên quan đến gia đình tại Việt Nam. Nghiên cứu đã tìm ra những nhóm giải pháp thiết thực nhằm đáp ứng được những nhu cầu cần thiết của nữ giới trong phòng chống BLGD, đồng thời trợ giúp và nêu được những giải pháp phù hợp với từng trường hợp và từng nhóm đối tượng theo độ tuổi, hành vi.. Qua đây cho thấy, kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần khẳng định thực trạng vai trò của CTXH nhóm với đời sống của phụ nữ trong phòng chống BLGD và phương hướng vận dụng CTXH nhóm nhằm nâng cao đời sống của phụ nữ trong phòng chống BLGD tại phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như thân chủ học hỏi được nhiều kinh nghiệm trong cách giao tiếp, ứng xử với chồng trong gia đình, thân chủ đã biết cách phòng, chống ứng phó khi có bạo lực xảy ra để giảm hậu quả của bạo lực gây ra và có kiến thức đương đầu với bạo lực và tự bảo vệ bản thân. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở cho địa phương cũng như các cán bộ làm CTXH có những giải pháp hoàn thiện hơn, giúp cho cơ quan quản lý hoạch định những chính sách hiệu quả có thể giải quyết vấn đề cho đối tượng này trên địa bàn phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
79	Thạc sĩ	Công tác xã hội cá nhân hỗ trợ lưu học	Phạm Xuân Bình	TS. Đồng Văn Toàn	Luận văn “Công tác xã hội cá nhân hỗ trợ lưu học sinh Lào gặp khó khăn trong học tập tại Trường Đại học Thủ

		sinh Lào gặp khó khăn trong học tập tại Trường Đại học Thủ Dầu Một			Dầu Một” đã khái quát được tình hình lưu học sinh Lào đang học tập tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Thuận lợi lớn nhất đối với lưu học sinh Lào là nhà trường có “cơ sở vật chất hiện đại”; khó khăn lớn nhất là về “rào cản ngôn ngữ”, dẫn đến áp lực về kết quả học tập, khả năng giao tiếp với bạn bè, giáo viên bị hạn chế; cách giải quyết khó khăn là “tự bản thân giải quyết”; mong muốn được “học tiếng Việt nhiều hơn”. Tác giả đã vận dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân để hỗ trợ thành công một trường hợp lưu học sinh Lào giảm thiểu những khó khăn đang gặp phải. Đồng thời, tác giả đã đề xuất hai giải pháp để hỗ trợ lưu học sinh Lào giảm thiểu những khó khăn trong học tập: “Giải pháp tăng cường kỹ năng ngôn ngữ và hòa nhập văn hóa”; “Giải pháp trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên tạo sự đoàn kết tập hợp lưu học sinh Lào đang học tập ở Trường Đại học Thủ Dầu Một”.
Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh					
80	Thạc sĩ	Code-switching in communication by male and female English majors: A case study at universities in Binh Duong Province	Đỗ Thành Nhân	TS. Trần Thanh Dũ	English-majored students and suggest solutions for English teaching. The study involved 150 students from Thu Dau Mot University and Binh Duong University in Binh Duong province. Data was collected through a mixed-methods study using questionnaires and semi-structured interviews. Results showed that English-majored students could only occasionally switch between their first and second languages during discussions and may need more effort to achieve higher IELTS scores. They should consider English as the classroom instruction language, but alternating between native and second

					languages can be beneficial. Further research should explore other languages like Chinese, Japanese, and Korean to gain more insights into code-switching in bilingual communities.
81		Teachers' and students' attitude toward the use of Kahoot in teaching and learning English for Grade 10 at Trinh Hoai Duc high school	Võ Thị Xuân Mai	TS. Nguyễn Hoàng Tuấn	Luận văn này nghiên cứu thái độ của giáo viên, học sinh khối 10 tại trường THPT Trinh Hoài Đức sử dụng Kahoot trong việc dạy và học Tiếng Anh. Kết quả cho thấy Kahoot là 1 công cụ hiệu quả cho kỹ năng nghe, nói, đọc viết, cải thiện khả năng phát âm, nâng cao vốn từ vựng, ngữ pháp. Cả giáo viên và học sinh thể hiện thái độ tích cực đối với ứng dụng Kahoot, trong việc học trên lớp, làm bài tập ở nhà, và chuẩn bị bài cho tiết học mới.
82		The use of implicatures in speeches by the former presidents Barack Obama and Donald Trump	Phùng Hạnh Nguyên	TS. Trần Quốc Thao	This study examines the use of implicatures in speeches by the former Presidents Barack Obama and Donald Trump, employing Grice's implicature approach and Searle's theory of speech act. Analyzing ten speeches from each president, the research aims to identify similarities and differences in their employment of implicatures in term of the types of implicatures and their pragmatic functions. Results indicate a non-significant difference, with both presidents predominantly utilizing conversational implicatures and favoring the representative function. The study holds pedagogical implications for learners, teachers, and writers, emphasizing the potential for skillful implicature usage to enhance the sophistication of written communication
83	Thạc sĩ	The relationship between learning	Phạm Nguyễn Thanh Tú	TS. Trần Ngọc Mai	The study examines the correlation between motivation and oral proficiency among freshmen English majors at

		motivation and oral proficiency: A case study at Thu Dau Mot University			Thu Dau Mot University. Motivated students show active engagement with language learning resources, contributing to improved speaking skills. The transition to university can impact motivation levels and leverage language acquisition. Integrative or instrumental motivation predicts proficiency, alongside factors like prior experience and teaching methods. Limitations include a narrow sample and focusing on existing surveys. Future research should diversify populations, customize surveys, incorporate qualitative methods, and extend data collection periods. Overall, understanding motivation's role in oral proficiency informs tailored language learning strategies for university freshmen.
84	Thạc sĩ	Effects of electronic portfolios on Vietnamese high school students' writing performance: A case study at three high schools in Binh Duong province	Nguyễn Minh Nam Anh	TS. Trần Thanh Dũ	Trong nghiên cứu, phỏng vấn và bảng câu hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu định tính và định lượng. Ngoài ra, một bài kiểm tra trước và sau, một bảng câu hỏi động lực, được dùng để đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh sau khi thực hiện dự án. Kết quả là, điểm trung bình bài kiểm tra sau cao hơn điểm bài kiểm tra trước (Ma 5,15 < Mb 6,10) trong nhóm thực nghiệm và động lực học tiếng Anh của học sinh tăng lên rõ ràng.
85	Thạc sĩ	The Use of Speech Acts In English Business Letters: A Case study at Commercial Companies in Binh Duong Province	Nguyễn Thị Hà	TS. Huỳnh Thị Bích Phượng TS. Trần Thanh Dũ	Email has become a ubiquitous means of communication in business contexts despite some questions regarding its high quality as a fact, which makes a lot of factors taken into serious consideration for successful communication by email. This study highlights the use of illocution acts and socio-cultural factors for their positive effects on a business email. A case study as the main research

					methodology was conducted to investigate the use of illocution acts including performative verbs, modal verbs, and socio-cultural factors (the recipients, related fields, and writing contexts). Particularly, thirty extracted emails were collected from three different commercial companies in Binh Duong province-Vietnam, whose writers are all Vietnamese with different backgrounds. A formal checklist is suggested to help evaluate the quality of these emails, focusing on the illocutionary acts as the main aspect of speech acts relevant to the study. Findings indicate that writers are not seriously aware of the use of performative and modal verbs, which absolutely prevails in highlighting the speech acts in emails. Besides, socio-cultural factors and many lexical and grammatical errors cause a lot of loss of literal and pragmatic meanings and misunderstandings between the writers and the receivers. Those findings; as a result, contribute to the study for practical implications for the more effective writing of business emails.
86	Thạc sĩ	The Effects of Quizlet Application on Improving Students' Vocabulary: A Case Study of Secondary Schools in Binh Duong Province	Lê Thị Hạnh	TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm TS. Trần Thanh Dũ	Email has become a ubiquitous means of communication in business contexts despite some questions regarding its high quality as a fact, which makes a lot of factors taken into serious consideration for successful communication by email. This study highlights the use of illocution acts and socio-cultural factors for their positive effects on a business email. A case study as the main research methodology was conducted to investigate the use of illocution acts including performative verbs, modal verbs, and socio-cultural factors (the recipients, related fields,

					and writing contexts). Particularly, thirty extracted emails were collected from three different commercial companies in Binh Duong province-Vietnam, whose writers are all Vietnamese with different backgrounds. A formal checklist is suggested to help evaluate the quality of these emails, focusing on the illocutionary acts as the main aspect of speech acts relevant to the study. Findings indicate that writers are not seriously aware of the use of performative and modal verbs, which absolutely prevails in highlighting the speech acts in emails. Besides, socio-cultural factors and many lexical and grammatical errors cause a lot of loss of literal and pragmatic meanings and misunderstandings between the writers and the receivers. Those findings; as a result, contribute to the study for practical implications for the more effective writing of business emails.
87	Thạc sĩ	A Syntactic Analysis of Double Negative Variations: A case study of English songs	Vũ Thị Thương Thương	TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm TS. Trần Ngọc Mai	This study investigates the translation errors made by English major postgraduate students when translating from Vietnamese to English. The researcher used a combination of qualitative and quantitative research methods to analyze the data, including interviews and descriptive analysis. Translation assignments from comparative linguistics courses in the English language at Thu Dau Mot University (TDMU) were used to collect data. The main aim of this research is to identify the most common translation errors made by postgraduate students when translating from Vietnamese to English. Results from this study could be used to improve the teaching and learning of translation in English language education,

					particularly for Vietnamese learners.
88	Thạc sĩ	A contrasive analysis of adverbial clauses of time in English and Vietnamese	Phan Thanh Dũ	TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm	Luận văn này phân tích so sánh đối chiếu mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian trong tiếng Anh và tiếng Việt, sử dụng các ví dụ từ truyện ngắn của O. Henry để minh họa những điểm tương đồng và khác biệt chính. Luận văn áp dụng khung lý thuyết của Eastwood (1994), Leech & Svartvik (2002), Swan (2016), và Nguyễn Minh Thuyết & Nguyễn Văn Hiệp (1998) để phân loại các mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian, đồng thời sử dụng giả thuyết phân tích đối chiếu (Lado, 1957) để so sánh đối chiếu một cách có hệ thống các loại mệnh đề trạng ngữ này.
89	Thạc sĩ	Huck and His Runaway Journey in The Adventures of Huckleberry Finn by Mark Twain	Phạm Thị Mỹ Chi	TS. Lê Thị Thanh	Luận văn nghiên cứu hành trình chạy trốn, các giai đoạn phát triển đạo đức của Huckleberry Finn và nghệ thuật viết của tác giả trong tiểu thuyết Những Cuộc Phiêu Lưu của Huckleberry Finn của Mark Twain. Kết quả cho thấy việc sử dụng biện pháp tu từ, châm biếm và tường thuật của tác giả giúp người đọc hiểu rõ tầm quan trọng của hành trình chạy trốn đối với sự phát triển đạo đức của Huck. Nghiên cứu này có ý nghĩa sâu sắc về lý thuyết và thực tiễn trong giảng dạy ngôn ngữ Anh và văn học bằng tiếng Anh.15:05/-strong/-heart:>:o:-((;-h Xem trước khi gửiThả Files vào đây để xem lại trước khi gửi
90	Thạc sĩ	The Art of Characterization of Tom Sawyer in The Adventures of Tom Sawyer By Mark Twain .	Nguyễn Thị Thanh Yến	TS. Lê Thị Thanh	Những Cuộc Phiêu Lưu của Tom Sawyer là một trong những quyển tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Mĩ_ Mark Twain. Tom Sawyer là nhân vật quen thuộc đối với thiếu nhi và cả người lớn. Trong nghiên cứu này của học viên, học viên phân tích đặc điểm tính cách nổi bật của nhân vật Tom Sawyer thông qua những kỹ thuật văn học của Mark

					Twain, đặc biệt là các biện pháp tu từ ẩn dụ, châm biếm, biểu tượng và so sánh Đây là một điểm mới mà các nghiên cứu trước đây chưa khai thác. Luận văn có những đóng góp tích cực trong việc nâng cao tình yêu văn học đối với người học tiếng Anh, qua đó có thể khám phá được cách sử dụng ngôn ngữ trong văn học. Luận văn khẳng định thêm giá trị của tiểu thuyết The Adventures of Tom Sawyer qua nhân vật Tom Sawyer được rất nhiều đọc giả yêu thích, có thể làm nguồn cảm hứng để giới thiệu đến việc giảng dạy văn học, học sinh đọc truyện bằng tiếng Anh, tạo niềm đam mê đối với tiếng Anh và yêu văn học nước ngoài.
91	Thạc sĩ	Enhancing students' speaking competence through CLT methods: A case study at Thai Hoa high school.	Trương Minh Vũ	TS. Nguyễn Hữu Thế	Kết quả nghiên cứu của luận văn khẳng định phương pháp dạy học giao tiếp (CLT) có hiệu quả cao trong việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của học sinh. Qua các hoạt động như Role Plays, Information Gap Activities, Storytelling, Discussions và Group Work, học sinh đã tăng cường sự tự tin và khả năng giao tiếp tiếng Anh. Những cải thiện rõ rệt được ghi nhận ở phát âm, lưu loát, và khả năng sử dụng từ vựng phù hợp. Ngoài ra, học sinh còn phát triển khả năng phản ứng nhanh và linh hoạt trong các tình huống giao tiếp thực tế, cũng như tham gia tích cực và chủ động trong các hoạt động nhóm. Nghiên cứu cũng cho thấy việc kết hợp giữa định tính và định lượng là phương pháp hiệu quả để đánh giá tác động của CLT, từ đó đưa ra những gợi ý thiết thực về việc áp dụng phương pháp này vào giảng dạy, tạo ra môi trường học tập tương tác và năng động hơn.

92	Thạc sĩ	An investigation into teachers' perspectives about the speaking content of Family and Friends 4	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	TS. Lê Thị Thanh	Thông qua kết quả khảo sát lấy ý kiến của 40 giáo viên đang trực tiếp sử dụng giáo trình Family and Friends 4 thì đa số giáo viên được khảo sát đều có đánh giá tốt về nội dung kỹ năng nói trong giáo trình rất phù hợp giúp học sinh rèn luyện, thực hành kỹ năng nói hiệu quả. Thông qua phỏng vấn từ 10 giáo viên thì các giáo viên đã đưa các nhận định cũng như các đề xuất để việc dạy kỹ năng nói cho học sinh trong giáo
93	Thạc sĩ	Improving reading skills through top-down approach: A case study at Tân Phước Khánh high school	Nguyễn Hoàng Trung Chánh	TS. Nguyễn Hữu Thế	Luận văn này nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp top-down đến kỹ năng đọc của học sinh. Phương pháp top-down là cách dạy học có thể kích hoạt kiến thức nền tảng của học sinh để nâng cao khả năng đọc hiểu của học sinh. Để có được dữ liệu, tác giả đã thực hiện nghiên cứu thực địa tại trường trung học phổ thông Tân Phước Khánh với việc kết hợp phân tích định tính và định lượng. Nghiên cứu này được thực hiện trong thời gian 12 tuần và bao gồm 2 lớp là 11C3 và 11C4, với tổng số 80 học sinh. Lớp 11C3 hoạt động như nhóm đối chứng, theo phương pháp truyền thống. Lớp 11C4 hoạt động như nhóm thử nghiệm, theo phương pháp top-down. Các cuộc phỏng vấn học sinh được thực hiện để thu thập dữ liệu định tính. Dữ liệu định lượng được kiểm tra bằng SPSS để so sánh kết quả của bài kiểm tra pre-test và post-test, cũng như bảng câu hỏi đo lường động lực đọc của học sinh. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả có thể kết luận phương pháp top-down có nâng cao kỹ năng đọc của học sinh, cùng với động lực đọc.
94	Thạc sĩ	The Use of Discourse	Lý Thiện Bình	TS. Trần Thanh Dũ	Nghiên cứu này khảo sát việc sử dụng discourse markers

		Markers in Non-native Speaker Speech: A Case from Vietnam			của học sinh, sinh viên Việt Nam tại một trung tâm tiếng Anh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp. Dữ liệu định lượng được thu thập từ các bản ghi âm các cuộc hội thoại và bảng câu hỏi, đo lường tần suất và chức năng của discourse markers sử dụng bởi 125 học sinh sinh viên và kiểm tra nhận thức của họ về discourse markers. Dữ liệu định tính được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn với năm giáo viên để phân tích quan điểm của họ về việc học sinh sử dụng discourse markers. Kết quả cho thấy rằng học sinh, sinh viên có xu hướng sử dụng một số discourse markers thường xuyên hơn những discourse markers khác. Referential discourse markers được thường sử dụng nhiều trong khi structural discourse markers ít xuất hiện. Học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu hiểu được discourse markers là gì và nhận thức được chức năng cũng như tầm quan trọng của chúng, nhưng chưa nắm rõ các loại discourse markers khác nhau. Hầu hết giáo viên đều nhận thức được tầm quan trọng của discourse markers đối với việc phát triển năng lực ngôn ngữ của học sinh nhưng cho rằng việc sử dụng của học sinh không hiệu quả. Nhiều chiến lược khác nhau được đề xuất cho học sinh để phát triển cách sử dụng discourse markers hiệu quả hơn. Nghiên cứu này góp phần vào lĩnh vực đặc thù ngôn ngữ và giúp giáo viên tiếng Anh hiểu biết tổng quát về cách học sinh Việt Nam hiểu và sử dụng discourse markers, từ đó có thể giúp họ tạo ra các phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn nhằm nâng cao năng lực giao tiếp của học sinh, sinh viên. Nghiên cứu này đề xuất những chiến lược cải thiện phương pháp giảng dạy và
--	--	---	--	--	---

					chương trình giảng dạy nhằm giúp học sinh, sinh viên nâng cao trình độ giao tiếp.
95	Thạc sĩ	Study of Oral Communication Skills among English-majored Graduates: A Survey of Those at Companies in Binh Duong Province	Mai Thị Ngọc Ngân	TS. Huỳnh Thị Bích Phượng TS. Trần Thanh Dũ	Luận văn này nghiên cứu các vấn đề phổ biến mà những người tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh gặp phải trong quá trình giao tiếp bằng Tiếng Anh khi làm việc trong môi trường quốc tế, đồng thời đề xuất các giải pháp khắc phục những vấn đề đó. Ngoài ra, luận văn còn nghiên cứu các thách thức mà các cử nhân Ngôn ngữ Anh phải đối mặt tại Việt Nam nói chung, và tỉnh Bình Dương nói riêng. Nghiên cứu áp dụng kết hợp hai phương pháp định lượng và định tính để thu thập dữ liệu. Phương pháp định lượng sử dụng bảng câu hỏi, thu thập phản hồi từ 121 nhân viên văn phòng làm việc tại các công ty khác nhau ở tỉnh Bình Dương. Cùng với đó, phương pháp nghiên cứu định tính được triển khai qua các cuộc phỏng vấn với 14 người tham gia, được chia thành hai nhóm: lãnh đạo và nhân viên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra ba nhóm thách thức chính: ngôn ngữ, cảm xúc và nhận thức. Trong đó, thách thức về ngôn ngữ, đặc biệt là vấn đề phát âm, là phổ biến nhất. Từ những kết quả này, luận văn đưa ra các đề xuất nhằm giảm thiểu những khó khăn trong các tình huống giao tiếp phức tạp mà sinh viên sẽ gặp phải khi bước vào môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.
96	Thạc sĩ	Conceptual Metaphor of “Homeland” in the 20th Century English	Huỳnh Thị Ngọc Huệ	PGS.TS. Hồ Thị Kiều Oanh	Luận văn nghiên cứu ẩn dụ tri nhận về quê hương trong các bài hát tiếng Anh của thế kỷ thứ XX theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận. Với sự kết hợp giữa phương

		Songs		pháp miêu tả và hướng tiếp cận định tính cũng như định lượng, 160 ngữ liệu từ các bài hát tiếng Anh của thế kỷ XX được phân tích để miêu tả, phân loại và phân tích ẩn dụ tri nhận về quê hương. 19 trường hợp ẩn dụ tri nhận về quê hương được tìm thấy trong ngữ liệu. Ngoài ra, luận văn cũng giải thích các lý do ẩn sau những lối tri nhận đó, cụ thể là các lý do về văn hóa. Trên cơ sở đó, luận văn đóng góp thêm kiến thức về sự đa dạng của các loại ẩn dụ tri nhận, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị về việc dạy, học và phiên dịch các ẩn dụ tri nhận một cách tổng quát, cũng như trong trường hợp của ẩn dụ tri nhận về quê hương. This thesis is aimed to study the conceptual metaphor of “homeland” in English songs of the 20th century in the light of Cognitive Linguistics. A combination of descriptive methodology, qualitative and quantitative approaches is employed to carry out the study. The data of 160 instances of conceptual metaphor of “homeland” in the 20th century English songs are examined to describe, classify, and analyze the conceptual metaphor of “homeland” in English songs of the 20th century. Twenty-nine cases of conceptual metaphors of “homeland” are identified in English songs within the corpus. Furthermore, the findings are also about underlying reasons for those conceptual metaphors of “homeland”, specifically the cultural features. Beyond providing a comprehensive understanding of these conceptual metaphors, the thesis is aimed at contributing to the diversity of conceptual metaphors. Additionally, the
--	--	-------	--	---

					implications of this study might serve as a valuable resource for individuals interested in teaching, learning, and translating conceptual metaphors in general, particularly in the concept of “homeland”.
97	Thạc sĩ	Increasing vocabulary retention through using Wordwall.net: A case study at Tran Van On high school	Đặng Thị Thu	TS. Nguyễn Hữu Thế TS. Hồ Trung Hậu	Nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc sử dụng ứng dụng trên nền tảng web – Wordwall.net để tạo ra các bài tập từ vựng và tìm hiểu các loại bài tập này ảnh hưởng đến việc ghi nhớ vốn từ vựng và động lực học từ vựng tiếng Anh của học sinh tại trường THPT Trần Văn Ôn như thế nào. Nghiên cứu được tiến hành trong suốt năm tháng, với 80 học sinh khối 10, được chia thành nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Nhà nghiên cứu sử dụng các phương pháp định tính, phương pháp định lượng, bảng câu hỏi trước và sau, bài kiểm tra trước và sau, và phỏng vấn để thu thập dữ liệu. Kết quả dữ liệu cho thấy học sinh đã phát triển khả năng ghi nhớ vốn từ vựng và động lực học tiếng Anh của mình thông qua ứng dụng trên nền tảng Wordwall.net. Ở cuối nghiên cứu này, nhà nghiên cứu nhận thấy rằng việc áp dụng Wordwall.net có kết quả tích cực đối với kết quả học tập của học sinh, người học cũng có động lực lớn trong việc học từ vựng tiếng Anh. Mặc dù có một số hạn chế, nhưng hầu hết các bạn học sinh cho rằng khoảng thời gian tương tác với Wordwall.net để hoàn thành các bài tập cũng như bài tập rất hữu ích. Các bạn cũng cải thiện khả năng tự học của mình. Hơn nữa, điểm kiểm tra sau khi áp dụng Wordwall.net vào quá trình dạy học từ vựng thì điểm trung bình cao hơn điểm kiểm tra trước khi áp dụng. Ở nhóm thực nghiệm kết quả học tập và động lực học tiếng Anh của học sinh cũng tăng lên

					đáng kể.
98	Thạc sĩ	Conceptual Metaphors in English Novels	Nguyễn Thị Phương Uyên	TS. Trần Thanh Dũ	Luận văn tập trung phân tích chuyên sâu cách nhà văn Jane Austen sử dụng phép ẩn dụ trong bốn tiểu thuyết nổi tiếng “Lý trí và tình cảm”, “Kiêu hãnh và định kiến”, “Trang viên Mansfield” và “Emma”. Nghiên cứu phân tích các ẩn dụ ý niệm để nêu bật cách tác giả định hình chiều sâu của chủ đề, sự phát triển nhân vật và bình luận xã hội trong các tác phẩm của bà. Nghiên cứu này đã phân tích các ý nghĩa của những phép ẩn dụ được sử dụng trong các tác phẩm và đưa ra giải đáp cho sự lựa chọn biện pháp tu từ cũng như từ ngữ của tác giả đối với từng tác phẩm văn học. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra những chủ đề chính thường được phản ánh trong tác phẩm của tác giả Jane Austen và cách tác giả khéo léo kết hợp các loại ẩn dụ ý niệm khác nhau để tạo ra nhiều tầng ý nghĩa trong thế giới hư cấu của bà, đem đến một cái nhìn toàn diện hơn về các tác phẩm.
Ngành Quản lý giáo dục					
99	Thạc sĩ	Quản lý đổi mới phương pháp dạy học các môn khoa học xã hội theo hướng phát triển năng lực học sinh tại các trường trung học cơ sở huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Thị Bích Trâm	TS. Trần Văn Trung	Luận văn nghiên cứu lý luận về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) các môn khoa học xã hội (KHXH) theo hướng phát triển năng lực học sinh (HS) tại các trường trung học cơ sở (THCS), tác giả đã làm rõ một số khái niệm cơ bản của đề tài như: Quản lý; Quản lý nhà trường; Quản lý đổi mới PPDH các môn KHXH; phát triển năng lực HS; đặc điểm các môn KHXH; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại trường THCS. Từ cơ sở lý luận của chương 1, tác giả đã khảo sát về

					Thực trạng về hoạt động đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại trường THCS huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và thực trạng quản lý đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại các trường THCS tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Từ những thực trạng còn tồn tại trong công tác quản lý đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại các trường THCS tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, tác giả đã đề xuất 5 biện pháp để nâng cao hiệu quả trong quản lý đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại các trường THCS: Nâng cao nhận thức của CBQL, GV về hoạt động quản lý đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại các trường THCS; Xây dựng kế hoạch đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại các trường THCS; Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá hoạt động đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại các trường THCS; Đổi mới kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại các trường THCS; Tăng cường trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính đáp ứng mục tiêu quản lý đổi mới PPDH các môn KHXH theo hướng phát triển năng lực HS tại các trường THCS.
100	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh tại các trường tiểu học, thành phố Thủ	Huỳnh Thanh Trúc	TS. Hồ Văn Thông	Giáo dục môi trường cho học sinh là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Đảng, Nhà nước quan tâm. Trước yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018, đòi hỏi công tác giáo dục môi trường cho học

		Dầu Một, tỉnh Bình Dương.			sinh ở trường tiểu học cần có những điều chỉnh kịp thời. Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động giáo dục môi trường và quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh tại các trường tiểu học; nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục môi trường và quản lý hoạt động giáo dục môi trường tại các trường Tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài đã đề xuất 6 biện pháp được khảo nghiệm có tính cần thiết và tính khả thi cao và như vậy có thể áp dụng trong thực tiễn quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
101	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động thực tập sản xuất ngành cơ khí của người học tại Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore .	Bùi Hoàng Phúc	TS. Trần Thị Tuyết Mai	Để đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải quan tâm nhiều hơn đến chất lượng đầu ra của người học, trong đó nhu cầu về kỹ năng thực hành sản xuất là nhu cầu cấp thiết. Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động thực tập sản xuất ngành cơ khí của người học tại trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore. Căn cứ vào cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực tiễn, tác giả đề xuất 06 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập sản xuất ngành cơ khí của người học tại trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore. Các biện pháp được đề xuất cũng được đánh giá cao về tính cần thiết và tính khả thi, hoàn toàn có thể áp dụng vào thực tiễn quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tập sản xuất và hiệu quả quản lý hoạt động thực tập sản xuất

					ngành cơ khí góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành cơ khí nói riêng và thị trường lao động nói chung.
102	Thạc sĩ	Quản lý cảnh quan sư phạm ở các trường Trung học cơ sở thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Phạm Thị Bích Thủy	TS. Huỳnh Lâm Anh Chương	ảnh quan sư phạm có vai trò quan trọng với hoạt động giáo dục của nhà trường. Tác giả đã hệ thống hoá cơ sở lý luận về cảnh quan sư phạm, quản lý cảnh quan sư phạm ở các trường THCS. Từ thực trạng quản lý cảnh quan sư phạm ở các trường THCS thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, tác giả đề xuất 05 biện pháp khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả quản lý cảnh quan sư phạm ở các trường THCS thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thời gian tới.
103	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục phòng, chống dịch Covid-19 cho học sinh trường Trung học phổ thông tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đinh Quốc Thái	TS. Tạ Thị Thanh Loan	Luận văn này tập trung vào việc nghiên cứu về lý luận và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phòng chống dịch Covid-19 cho học sinh tại các trường Trung học phổ thông (THPT) tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Mục tiêu chính của nghiên cứu là cung cấp các giải pháp và khuyến nghị để cải thiện quản lý hoạt động giáo dục phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhằm nâng cao nhận thức năng lực giáo dục phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho cán bộ quản lý và giáo viên về hoạt động giáo dục phòng chống dịch bệnh Covid-19 nói riêng và dịch bệnh nói chung. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, bao gồm phân tích tài liệu và khảo sát thực trạng để thu thập dữ liệu từ các Trường Trung học phổ thông (THPT) tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Các yếu tố quan trọng được xem xét trong quá trình

				nghiên cứu bao gồm chính sách và quy định liên quan đến phòng chống dịch bệnh Covid-19, nguồn lực và các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục phòng chống dịch bệnh Covid-19, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục phòng chống dịch bệnh Covid-19. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng việc quản lý hoạt động giáo dục phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại các trường THPT tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vẫn còn nhiều hạn chế. Các trường THPT tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương đang gặp phải 1 số vấn đề như nguồn nhân lực chưa được đào tạo chuyên môn về tổ chức các hoạt động giáo dục phòng chống dịch Covid-19, điều kiện cơ sở vật chất (trang thiết bị chưa đầy đủ, nguồn kinh phí và chính sách hỗ trợ cho công tác giáo dục phòng chống dịch Covid-19 vẫn chưa đầy đủ, đồng thời nhận thức của mỗi bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh và học sinh vẫn chưa đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục phòng chống dịch Covid-19. Dựa trên các kết quả nghiên cứu. Luận văn đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị để cải thiện quản lý hoạt động giáo dục phòng, chống dịch Covid-19. Điều này bao gồm các kỹ năng quản lý của Hiệu trưởng; trong đó chú trọng công tác lập kế hoạch; các giải pháp tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nguồn lực, xây dựng chính sách và quy định rõ ràng về chuyển đổi số, đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên về công nghệ thông tin, cũng như tạo ra môi trường thân thiện và khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong việc ứng dụng
--	--	--	--	--

					công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập nhằm đáp ứng mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tóm lại, Luận văn đã tập trung vào việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để cải thiện quản lý hoạt động giáo dục phòng chống dịch Covid-19 cho học sinh trường THPT tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Những khuyến nghị được đưa ra trong Luận văn có thể cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ cho các nhà quản lý giáo dục trong công tác quản lý hoạt động giáo dục phòng chống dịch Covid-19, cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục phòng chống dịch bệnh nói chung.
104	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục STEM cho học sinh các trường tiểu học tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Phạm Thị Nga	TS. Tạ Thị Thanh Loan	Đề tài đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về quản lý HĐGD STEM, xác định rõ nội hàm của các khái niệm cơ bản được sử dụng trong nghiên cứu đề tài như: giáo dục STEM, HĐGD STEM, quản lý hoạt động giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục STEM; xác định rõ các thành tố cấu trúc của hoạt động giáo dục STEM cho học sinh ở trường tiểu học; mô tả về nội dung của quản lý hoạt động giáo dục ở trường tiểu học; từ đó thiết lập mối quan hệ giữa nội dung này với các thành tố cấu trúc của hoạt động giáo dục STEM cho học sinh ở trường tiểu học. Đề tài đề xuất một số biện pháp nhằm giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong quản lý hoạt động giáo dục STEM ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục STEM cho học sinh ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Bắc Tân

					Uyên. Kết quả khảo sát cho thấy, các biện pháp đều được CBQL cấp Phòng, cấp trường và GV có kinh nghiệm thừa nhận là cấp thiết và xác nhận tính khả thi của các biện pháp cũng luôn ở tỉ lệ cao ở tất cả các biện pháp góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách học sinh.
105	Thạc sĩ	Phát triển văn hóa nhà trường ở các trường tiểu học tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Phùng Thị Hồng Ngân	TS. Tạ Thị Thanh Loan	Văn hóa nhà trường đóng vai trò quan trọng và có sức ảnh hưởng lớn đến quá trình xây dựng, phát triển của mỗi nhà trường. VHNT thể hiện đặc thù riêng của mỗi nhà trường, nó có một ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt trong tiến trình hình thành, xây dựng và phát triển nhà trường. Chính vì thế, văn hóa nhà trường đang là một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm của đại chúng. Kết quả nghiên cứu, khảo sát đã làm rõ thực trạng Phát triển văn hóa nhà trường ở các trường tiểu học tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Luận văn chỉ ra những hạn chế thiếu sót của việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá trong công tác phát triển văn hóa nhà trường ở các trường tiểu học tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu cũng đã đề xuất một số biện pháp có tính cần thiết và khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển văn hóa nhà trường trên địa bàn nghiên cứu. Qua đó, chúng tôi đề xuất 06 biện pháp như sau: Biện pháp 1: Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các thành viên trong nhà trường về tầm quan trọng và sự cần thiết phải phát triển VHNT Biện pháp 2: Lập kế hoạch quản lý phát triển VHNT ở

					các trường tiểu học thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương Biện pháp 3: Tổ chức triển khai kế hoạch phát triển VHNT ở các trường tiểu học thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương Biện pháp 4 Chỉ đạo công tác phát triển VHNT ở các trường tiểu học thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương Biện pháp 5 Tăng cường kiểm tra, đánh giá công tác phát triển VHNT tại các trường tiểu học thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương Biện pháp 6. Đảm bảo các điều kiện để quản lý hiệu quả công tác phát triển VHNT ở các trường tiểu học thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương Các biện pháp đề xuất được đánh giá mức độ cần thiết và khả thi cao. Như vậy có thể áp dụng trong thực tiễn trong phát triển văn hóa nhà trường ở các trường tiểu học tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
106	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Hóa học lớp 10 tại các trường trung học phổ thông thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.	Trần Quốc Kiều	TS. Đinh Thị Hồng Thắm	Đề tài tập trung nghiên cứu và hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT môn Hóa học lớp 10 tại các trường THPT; đồng thời phân tích, đánh giá để làm rõ thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT môn Hóa học lớp 10 tại các trường THPT thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu thực tiễn và phương pháp xử lý dữ liệu theo định lượng để làm sáng tỏ thực trạng hoạt động và quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT môn Hóa học lớp 10 tại các trường THPT thành phố

					Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Trên cơ sở khảo sát và phân tích các thực trạng nêu trên, tác giả đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT môn Hóa học lớp 10 tại các trường THPT thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo cách tiếp cận chức năng Tác giả cũng đã tiến hành khảo nghiệm tính khả thi và tính hiệu quả của 06 biện pháp. Kết quả khảo nghiệm cũng đã chứng minh các trường THPT có thể vận dụng các biện pháp này để quản lý có hiệu quả hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT môn Hoá học lớp 10 tại các trường THPT thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
107	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học môn Toán lớp 2 đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới tại các trường tiểu học huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương..	Nguyễn Thị Diệu Linh	TS. Tạ Thị Thanh Loan	Hệ thống hoá cơ sở lý luận về HĐDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới tại trường tiểu học cũng như phân tích, đánh giá thực trạng quản lý HĐDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới tại các trường tiểu học huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức của CBQL, giáo viên đối với HĐDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới chưa cao. Việc lập kế hoạch cho HĐDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Việc tổ chức thực hiện HĐDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới còn nhiều bất cập. Chỉ đạo HĐDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới còn hạn chế. Kiểm tra, đánh giá trong HĐDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới còn nặng nề, thành tích, chưa đúng với năng lực của học sinh. Chưa quan tâm chỉ đạo đầu tư CSVC, thiết bị phục vụ kiểm tra, đánh giá trong HĐDH

					môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới cho nên kết quả chỉ ở mức trung bình. Tác giả đã đề xuất 6 biện pháp, cụ thể là: - Nâng cao nhận thức của CBQL, giáo viên về tầm quan trọng của công tác quản lý HDDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới tại các trường tiểu học; - Cải tiến công tác lập kế hoạch HDDH môn Toán lớp đáp ứng CTGDPT mới tại các trường tiểu học; - Tăng cường tổ chức thực hiện HDDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới tại các trường tiểu học; - Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện HDDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới tại các trường tiểu học; - Đẩy mạnh việc kết hợp các hình thức kiểm tra, đánh giá trong HDDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới tại các trường tiểu học; - Tăng cường đầu tư và huy động các nguồn lực cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong HDDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới tại các trường tiểu học. Các biện pháp đã được CBQL khẳng định tính cần thiết và tính khả thi cao. Chúng có mối quan hệ biện chứng, tác động, hỗ trợ nhau và không tách rời nhau trong quá trình thực hiện quản lý HDDH môn Toán lớp 2 đáp ứng CTGDPT mới tại các trường tiểu học huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
108	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non công lập tỉnh Ninh Thuận.	Nguyễn Thị Tường Vi	TS. Trần Thị Tuyết Mai TS. Phan Trần Phú Lộc	Phát triển đội ngũ CBQL trường MN là quá trình tác động của chủ thể quản lý đến lực lượng CBQL trường mầm non trên địa bàn, làm cho đội ngũ này đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng được quy định trong Chuẩn hiệu trưởng cơ

					sở giáo dục mầm non. Công tác phát triển đội ngũ CBQL mầm non công lập bao gồm những yêu cầu đối với đội ngũ CBQL trường mầm non về số lượng, cơ cấu, chất lượng đội ngũ. Với tiếp cận quản lý nguồn nhân lực, để phát triển đội ngũ CBQL trường MN cần phải quy hoạch đội ngũ; tuyển dụng và sử dụng đội ngũ; đào tạo và bồi dưỡng; kiểm tra, đánh giá; tạo động lực làm việc đối với đội ngũ CBQL. Đối với mỗi nội dung phát triển đội ngũ CBQL trường MN, các cấp quản lý theo thẩm quyền (chủ tịch UBND huyện, trưởng phòng GDĐT) cần thực hiện các chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện kế hoạch. Đề tài đã xác định các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đội ngũ CBQL các trường mầm non công lập tỉnh Ninh Thuận.
109	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên lớp mầm non độc lập tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Ngô Thị Hà	TS. Vũ Thị Nhân	Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mầm non. Cụ thể, tác giả đã khái quát các khái niệm cơ bản liên quan đến quản lý, hoạt động bồi dưỡng chuyên môn và giáo viên mầm non. Trên cơ sở đó, luận văn đã hệ thống hóa các nội dung của quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn bao gồm lập kế hoạch, tổ chức hoạt động, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá. Việc làm rõ cơ sở lý luận này đã cung cấp nền tảng khoa học để đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp. Một đóng góp quan trọng của luận văn là đã bổ sung cơ sở lý luận về quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non

					độc lập. Trước đây, hầu hết các công trình nghiên cứu chỉ tập trung vào các cơ sở công lập, trong khi các cơ sở giáo dục mầm non độc lập cũng rất cần được quan tâm. Vì thế, nghiên cứu của luận văn đã góp phần bổ sung vào kho tàng nghiên cứu về quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mầm non tại Việt Nam. Ngoài ra, luận văn còn có đóng góp quan trọng là đã khảo sát, đánh giá một cách khách quan, toàn diện về thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên lớp mầm non độc lập tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Qua đó, tác giả đã chỉ ra những mặt ưu điểm và những hạn chế cũng như nguyên nhân. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, hiệu quả.
110	Thạc sĩ	Quản lý sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo các trường mầm non tại địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Út	TS. Vũ Thị Nhân	Đề tài đã góp phần làm rõ hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo các trường mầm non. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn cho thấy luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo, đóng góp quan trọng của luận văn là đã khảo sát, đánh giá một cách khách quan, toàn diện về thực trạng quản lý sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo tại thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương. Qua đó, tác giả đã chỉ ra những mặt ưu điểm và những hạn chế cũng như nguyên nhân. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, hiệu quả. Luận văn đã trình bày và phân tích thực trạng quản lý sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo các trường mầm non tại địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình

					Dương, từ đó đề xuất 5 biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo các trường mầm non tại địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nhìn chung, để nâng cao hiệu quả quản lý sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo, cần có sự quan tâm, đầu tư về nguồn lực, đồng thời đổi mới công tác quản lý theo hướng chuyên nghiệp và phù hợp với thực tiễn. Đây là những điểm mới rút ra từ các kết quả nghiên cứu và là cơ sở quan trọng để hoàn thiện công tác quản lý sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo tại thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương.
111	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5 – 6 tuổi ở các trường mầm non tư thục trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. .	Phan Thị Tài Lợi	TS. Hồ Văn Thông	Đề tài góp phần làm rõ thêm về lý luận giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non; đặc biệt đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước; lí luận về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non từ đó làm cơ sở cho việc khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tư thục trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và đề xuất được một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tư thục trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn có thể thấy việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non là hoạt động vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường đáp ứng những yêu cầu đổi mới của

					chương trình giáo dục mầm non mới hiện nay theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là một hệ thống những tác động sư phạm hợp lý và có hướng đích của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, trẻ mầm non nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục KNS cho trẻ, giúp trẻ có kinh nghiệm trong cuộc sống, giúp trẻ tự tin, chủ động và biết cách xử lý các tình huống trong cuộc sống, khơi gợi khả năng tư duy sáng tạo của trẻ. Việc đa dạng hóa về nội dung, hình thức giáo dục sẽ làm tăng hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi. Giúp các thành viên trong nhà trường chủ động, sáng tạo, tích cực trong việc xây dựng chương trình, phương thức thực hiện giáo dục kỹ năng sống. Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng của công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tư thục trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi, tác giả tiến hành đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tư thục trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
112	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore.	Phạm Thị Soa	TS. Hồ Văn Thông	Tác giả từng bước lí giải các khái niệm có liên quan đến đề tài như kỹ năng, kỹ năng mềm, hoạt động giáo dục, hoạt động giáo dục kỹ năng mềm. Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên là quá trình tiến hành những hoạt động khai thác, lựa chọn, tổ chức và thực hiện các nguồn lực, các tác động của chủ thể quản

					lý theo kế hoạch chủ động và phù hợp với quy luật khách quan để gây ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên nhằm tạo ra sự thay đổi hay tạo ra hiệu quả cần thiết. Với tiếp cận theo chức năng, quản lý hoạt động giáo dục KNM cho sinh viên trường cao đẳng bao gồm các hoạt động: tìm hiểu tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động giáo dục KNM cho sinh viên; công tác lập kế hoạch giảng dạy, tổ chức giảng dạy, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục KNM cho sinh viên trường cao đẳng. Đề tài đã xác định các yếu tố (chủ quan và khách quan) ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động giáo dục KNM cho sinh viên. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục KNM cho sinh viên trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Singapore, tác giả đề xuất 05 biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động giáo dục KNM cho sinh viên trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Singapore. Mỗi biện pháp đều thể hiện mục đích, nội dung, cách thức thực hiện, điều kiện thực hiện và có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhau. Thông qua phiếu hỏi ý kiến của CBQL, GV trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Singapore về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp thì đều được đánh giá khá cao.
113	Thạc sĩ	Quản lý thiết bị dạy học số ở các trường tiểu học thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Trần Văn Luông	TS. Đinh Thị Hồng Thắm	Đề tài góp phần làm rõ thêm về lý luận quản lý thiết bị dạy học số ở trường tiểu học; đặc biệt đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước; từ đó làm cơ sở cho việc khảo sát, đánh giá thực

					trạng quản lý thiết bị dạy học số ở trường tiểu học; ở các trường tiểu học tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và đề xuất được một số biện pháp quản lý thiết bị dạy học số ở các trường tiểu học thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về tầm quan trọng của quản lý TBDHS ở các trường tiểu học. Biện pháp 2: Kế hoạch hoá về TBDHS ở các trường tiểu học. Biện pháp 3: Tổ chức thực hiện kế hoạch về TBDHS ở các trường tiểu học. Biện pháp 4: Chỉ đạo thực hiện về TBDHS ở các trường tiểu học. Biện pháp 5: Kiểm tra, đánh giá thực hiện về TBDHS ở các trường tiểu học. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn có thể thấy việc quản lý thiết bị dạy học số ở trường tiểu học là hoạt động vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả việc giảng dạy, giáo dục học sinh của nhà trường đáp ứng những yêu cầu đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học mới hiện nay theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thiết bị dạy học số là quan trọng, đây được xem là một trong những yếu tố có tính quan trọng trong thời đại chuyển đổi số trong giáo dục của tỉnh Bình Dương nói chung và thị xã Tân Uyên nói riêng, đồng thời có tác động nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của giáo
--	--	--	--	--	--

					viên và học tập của học sinh. Ngoài việc giảng dạy thì thiết bị dạy học số là vấn đề được quan tâm trong hoạt động giảng dạy, giáo dục học sinh trong giáo dục hiện nay. Thiết bị dạy học số đóng góp phần trăm thành công rất lớn trong quá trình giảng dạy của giáo viên giúp học sinh lĩnh hội kiến thức một cách nhanh chóng và hiệu quả, trực quan. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý thiết bị dạy học số ở trường tiểu học, tác giả tiến hành đề xuất biện pháp quản lý thiết bị dạy học số ở các trường tiểu học thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế và xã hội của thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
114	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Huỳnh Thị Thanh Phương	TS. Hồ Văn Thông	Hoạt động trải nghiệm có vai trò rất quan trọng góp phần giáo dục nhân cách phát triển toàn diện cho học sinh tiểu học. Các nghiên cứu về tâm lý giáo dục cũng cho thấy, nhiều nét tính cách cơ bản của con người được hình thành trước và trong tuổi học đường. Việc tham gia vào nhiều hoạt động trải nghiệm phong phú, đa dạng sẽ tạo cơ hội cho học sinh được thể hiện, bộc lộ, tự khẳng định bản thân; tạo cơ hội cho các em được giao lưu, học hỏi bạn bè và mọi người xung quanh; tạo cơ hội thuận lợi cho học sinh được tham gia một cách tích cực vào đời sống cộng đồng... Từ đó sẽ tác động tích cực đến nhận thức, tình cảm, niềm tin và hành vi của học sinh, giúp các em phát triển nhiều phẩm chất tích cực như: tinh thần đồng đội, tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái, khoan dung, sự cảm thông, tính kỷ luật, trung thực, mạnh dạn, tự tin,... Giúp các em phát triển

					những kĩ năng hoạt động tập thể và kĩ năng sống cơ bản như: kĩ năng giao tiếp, kĩ năng nhận thức, kĩ năng xác định giá trị, kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kĩ năng kiên định, kĩ năng tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, kĩ năng ứng phó với căng thẳng, kĩ năng thương lượng, kĩ năng hợp tác, kĩ năng lập kế hoạch, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kĩ năng quản lý thời gian, kĩ năng thu thập và xử lý thông tin, ... Xét ở phạm vi rộng hơn, hoạt động trải nghiệm còn tạo điều kiện để học sinh được tham gia, được hội nhập vào dòng chảy các hoạt động chung của trẻ em ở địa phương, đất nước, khu vực và trên thế giới. Điều này giúp phát triển năng lực hoạt động thực tiễn, năng lực hoạt động chính trị - xã hội, năng lực hòa nhập cộng đồng học sinh. Đó chính là những phẩm chất và năng lực cơ bản, cần thiết của người công dân Việt Nam để đáp ứng yêu cầu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay. Các biện pháp đề xuất được đánh giá mức độ cần thiết và khả thi cao. Như vậy có thể áp dụng trong thực tiễn quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
115	Thạc sĩ	Quản lý công tác xã hội hóa giáo dục các trường trung học cơ sở huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận. .	Nguyễn Ngọc Dũng	TS. Hồ Văn Thông	Về mặt lý luận, luận văn đã nêu lên bản chất của công tác XHHGD, những mục tiêu, nội dung cơ bản, để chỉ ra cho nhà quản lý giáo dục cấp huyện, các con đường để tổ chức thực hiện XHHGD THCS một cách hiệu quả nhất. XHHGD THCS đòi hỏi phải làm cho nhân dân hiểu, giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của nhân dân. Mọi người đều có quyền lợi và trách

					nhiệm chăm lo phát triển giáo dục về mọi mặt, tạo điều kiện và cơ hội để mọi người có thể học tập suốt đời, tiến tới xây dựng cả nước thành một xã hội học tập. Về mặt thực tiễn, luận văn đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng công tác triển khai thực hiện XHHGD THCS ở huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận, đã phác họa một bức tranh khái quát về tình hình phát triển giáo dục trong những năm qua, tuy có những chuyển biến nhất định nhưng mới chỉ là bước đầu, nhận thức về XHHGD THCS còn hạn chế, công tác chỉ đạo chưa kịp thời, trình độ dân trí và điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, đó là những nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác XHHGD THCS.
116	Thạc sĩ	Quản lý đội ngũ giáo viên trung học phổ thông tỉnh Ninh Thuận theo đề án vị trí việc làm. .	Trương Thị Minh Khiết	TS. Trần Văn Trung TS. Nguyễn Ngọc Quý	Xây dựng đội ngũ giáo viên trung học phổ thông (GV THPT) theo đề án vị trí việc làm (VTVL) là một trong những nội dung quan trọng trong đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Thuận. Từ khung lý luận, tác giả sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để tìm hiểu, phân tích, đánh giá một cách khách quan về thực trạng quản lý đội ngũ GV THPT tỉnh Ninh Thuận theo đề án VTVL. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về việc thực hiện quy trình xây dựng đề án VTVL; quy hoạch quản lý đội ngũ GV THPT theo đề án VTVL; tuyển dụng và sử dụng đội ngũ GV THPT theo đề án VTVL...làm cơ sở đánh giá thực trạng đội ngũ GV THPT theo đề án VTVL tỉnh Ninh Thuận. Từ đó, tác giả đề xuất các nhóm biện pháp tác động đồng bộ vào các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá nhằm thay đổi tư duy, nhận thức, tạo lập

					các điều kiện đảm bảo cho công tác quản lý đội ngũ GV THPT tỉnh Ninh Thuận theo đề án vị trí việc làm nhằm đảm bảo chất lượng đội ngũ GV đạt chuẩn phù hợp với môi trường giáo dục THPT hiện nay.
117	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Phạm Thị Thanh Thủy	TS. Trần Thị Tuyết Mai TS. Phan Trần Phú Lộc	Đề tài góp phần làm rõ thêm về lý luận giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại các trường tiểu học; đặc biệt đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước; lý luận về hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh và quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại trường tiểu học; từ đó làm cơ sở cho việc khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh và thực trạng quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và đề xuất được một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn có thể thấy việc quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại trường tiểu học là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà các trường phải thực hiện trong giai đoạn hiện nay nhằm phát triển toàn diện nhân cách học sinh, nâng cao năng lực và phẩm chất cho học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện trong giáo dục. Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh và thực trạng quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại các trường tiểu học thành phố Thủ

					Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng về hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh và quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, tác giả tiến hành đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
118	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục dinh dưỡng cho trẻ 3 – 5 tuổi ở các trường mầm non thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. .	Thái Thị Kim Liễu	TS. Trần Văn Trung TS. Nguyễn Ngọc Quý	Đề tài góp phần làm rõ thêm về lý luận Quản lý hoạt động giáo dục dinh dưỡng cho trẻ 3-5 tuổi; đặc biệt đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước; từ đó làm cơ sở cho việc khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ mẫu giáo giáo dục dinh dưỡng cho trẻ 3-5 tuổi; ở các trường mầm non tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và đề xuất được một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giáo dục dinh dưỡng cho trẻ 3-5 tuổi ở trường mầm non tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn có thể thấy việc quản lý hoạt động giáo dục dinh dưỡng cho trẻ 3-5 tuổi là hoạt động vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả chăm sóc giáo dục của nhà trường đáp ứng những yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục mầm non mới hiện nay theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo dục dinh dưỡng cho trẻ mầm non là việc hết sức quan trọng, đây được xem là một trong những yếu tố có tính quyết định đến sự phát triển toàn diện của trẻ ở lứa

					tuổi 3-5 tuổi. Ngoài việc dạy dỗ, chăm sóc thì vấn đề dinh dưỡng trong mỗi bữa ăn của trẻ luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu ở các trường mầm non. Những chất dinh dưỡng thay đổi phù hợp theo nhu cầu của từng lứa tuổi sẽ giúp trẻ phát triển một cách khỏe mạnh và toàn diện. Dinh dưỡng là nhu cầu cần thiết không thể không có. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ mẫu giáo, tác giả tiến hành đề biện pháp quản lý hoạt động GD dinh dưỡng cho trẻ 3-5 tuổi ở các trường mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
119	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. .	Phạm Ngọc Thanh Vân	TS. Trần Thị Tuyết Mai TS. Phan Trần Phú Lộc	Đề tài góp phần làm rõ thêm về lý luận giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học; đặc biệt đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước; lý luận về hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh và quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại trường tiểu học; từ đó làm cơ sở cho việc khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh và thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất được một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn có thể thấy việc quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học là một trong những

					nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà các trường phải thực hiện trong giai đoạn hiện nay nhằm phát triển toàn diện nhân cách học sinh, nâng cao năng lực và phẩm chất cho học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện trong giáo dục. Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh và thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng về hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh và quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, tác giả tiến hành đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
120	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng phòng, chống tệ nạn xã hội cho học sinh tại các trường trung học phổ thông tại thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.	Lê Văn Hòa	GS.TS. Nguyễn Lộc TS. Đinh Thị Hồng Thắm	Giáo dục kỹ năng phòng, chống tệ nạn xã hội cho thế hệ trẻ nói chung và học sinh THPT nói riêng đang ngày càng là một đòi hỏi cấp bách trong xã hội hiện đại, là nhiệm vụ cấp thiết của các lực lượng giáo dục trước những thách thức của cuộc sống hiện nay. Để công tác giáo dục kỹ năng phòng, chống tệ nạn xã hội đạt hiệu quả nhà quản lý cần xác định và thực hiện tốt công tác quản lý nhà trường, quản lý các hoạt động giáo dục, trong đó có giáo dục kỹ năng phòng, chống tệ nạn xã hội. Nhà trường phải thực sự là môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh, để các em học tập, trải nghiệm, rèn luyện để phát triển và trưởng thành.

					Việc nắm vững cơ sở lý luận về quản lý nói chung và quản lý giáo dục kỹ năng phòng, chống tệ nạn xã hội cho học sinh nói riêng đã chỉ ra những vấn đề lý luận mang tính định hướng giúp người nghiên cứu xây dựng công cụ khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng phòng, chống tệ nạn xã hội và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng phòng, chống tệ nạn xã hội tại các trường THPT tỉnh Ninh Thuận.
121	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Đỗ Thị Hải Yến	GS.TS. Nguyễn Lộc TS. Vũ Thị Nhân	Luận văn xây dựng một số cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ 5-6 tuổi. Luận văn đã trình bày và phân tích thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ và thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Kết quả cho thấy, hầu hết các trường triển khai thực hiện nội dung quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ nhưng ở mức độ chưa cao Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, tác giả đề xuất 06 biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ 5-6 tuổi. Mỗi biện pháp đều thể hiện mục đích, nội dung, cách thức thực hiện, điều kiện thực hiện và có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhau.
122	Thạc sĩ				Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học

		Quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 6 tại các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.	Phan Công Trịnh	TS. Trần Thị Tuyết Mai TS. Phan Trần Phú Lộc	sinh lớp 6 tại các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; đánh giá, phân tích thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 6 tại các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 6 tại các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Qua nghiên cứu và phân tích thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 6 tại các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, tác giả đã tiến hành đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 6 tại các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Các biện pháp nêu trên đều hướng vào việc nâng cao quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 6 tại các trường trung học cơ sở góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của các nhà trường đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Kết quả khảo sát cho thấy tất cả các biện pháp đề xuất đều có tính cần thiết và tính khả thi cao. Mỗi biện pháp có vai trò riêng, song chúng có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau, giúp cho các nhà quản lý giáo dục thực hiện tốt quản lý hoạt động hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 6 tại trường mình. Trong quá trình quản lý, nhà quản lý phải vận dụng phối hợp đồng bộ các biện pháp đã nêu, tùy theo điều kiện thực tế của nhà trường.
--	--	---	-----------------	---	--

123	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương .	Nguyễn Thị Thu Hương	TS. Trần Văn Trung TS. Nguyễn Ngọc Quý	Luận văn đã hệ thống hoá cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm tại các trường tiểu học. Nội dung bao gồm: Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài; Một số khái niệm cơ bản của đề tài như quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường, kỹ năng sống, quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm ở trường tiểu học; Lý luận về hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm ở trường tiểu học; Lý luận về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm ở trường tiểu học; Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm ở trường tiểu học. Luận văn đã khảo sát, đánh giá chính xác thực trạng về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Nội dung bao gồm: thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; thực trạng quản lý giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Đề tài đã đề xuất được 5 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm tại các trường tiểu học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Các biện pháp đề xuất được khảo nghiệm, đánh giá về mức độ cần thiết và khả thi cao.
-----	---------	--	----------------------	---	---

124	Thạc sĩ	Quản lý đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Văn Quang	TS. Trần Văn Trung TS. Nguyễn Ngọc Quý	Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học. Nội dung bao gồm: Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài; Một số khái niệm cơ bản của đề tài như quản lý, đội ngũ, đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học; Vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học; Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ quản lý trường tiểu học; Lý luận về quản lý đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học; Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học. Luận văn đã khảo sát, đánh giá chính xác thực trạng về quản lý đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Nội dung bao gồm: Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Thực trạng quản lý đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Đề tài đã đề xuất được 5 biện pháp quản lý đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Các biện pháp đề xuất được khảo nghiệm, đánh giá về mức độ cần thiết và khả thi cao. Như vậy, lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các trường tiểu học có thể vận dụng các biện pháp trong thực tiễn quản lý đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
125	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập tại các	Huỳnh Đăng Quang	TS. Trần Thị Tuyết Mai	Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu lý luận nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý hoạt động

		trường tiểu học Khu vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh .		TS. Phan Trần Phú Lộc	GDHN ở các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu thực tiễn (điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu tài liệu, sản phẩm hoạt động) và phương pháp xử lý dữ liệu để đánh giá một cách chính xác từ những số liệu, dữ liệu khảo sát thực tế để đưa ra những phân tích, nhận định phù hợp trên cơ sở kết quả thu thập được. Tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động GDHN tại các trường tiểu học theo các nội dung quản lý cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động GDHN tại các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đã đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động GDHN tại các trường tiểu học Khu Vực 3, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là: Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về hoạt động giáo dục hòa nhập và quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập; Lập kế hoạch giáo dục hòa nhập khoa học, cụ thể, khả thi; Tổ chức các nguồn lực và hệ thống thông tin đầy đủ, hợp lý đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập; Chỉ đạo lựa chọn nội dung, đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục hòa nhập; Tăng cường kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hòa nhập. Các biện pháp quản lý hoạt động GDHN được đề xuất nhằm mục đích nâng cao chất lượng hoạt động GDHN tại các trường tiểu học trên địa bàn. Chúng có mối quan hệ biện chứng, tác động, hỗ trợ nhau và không tách rời nhau trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện và
--	--	---	--	--------------------------	--

					tình hình thực tế của các trường, Hiệu trưởng có thể lựa chọn và áp dụng các biện pháp đề xuất trên một cách thích hợp và phù hợp trong thực tiễn quản lý tại mỗi trường.
126	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong giáo dục học sinh tại các trường tiểu học huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Thị Hồng Việt	TS. Trần Văn Trung TS. Nguyễn Ngọc Quý	Đề tài làm rõ thêm cơ sở lý luận về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong việc giáo dục học sinh ở trường tiểu học tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Luận văn đã tập trung hệ thống hoá cơ sở lý luận về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong giáo dục học sinh tại các trường tiểu học huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Tác giả đã tiến hành khảo sát và làm rõ thực trạng về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh tại trường tiểu học thông qua khảo sát và phân tích cụ thể từ thực tế. Qua đó tác giả đã nêu ra được những mặt mạnh, mặt còn hạn chế, những nguyên nhân chủ quan, khách quan về công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh tại trường tiểu học. Đề tài đã đề xuất được 6 biện pháp về tăng cường quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong giáo dục học sinh tại các trường tiểu học. Các biện pháp đề xuất được khảo nghiệm, đánh giá về mức độ cần thiết và khả thi rất cao. Từ đó có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho CBQL và GV ở tất cả các trường tiểu học trên địa bàn huyện, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho các em học sinh tại các trường tiểu học trên địa bàn huyện Phú Giáo nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung.

127	Thạc sĩ	Công tác kiểm tra hành chính trường trung học phổ thông công lập tại tỉnh Ninh Thuận.	Nguyễn Văn Hiếu	TS. Trần Văn Trung TS. Nguyễn Ngọc Quý	Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác kiểm tra hành chính trường trung học phổ thông công lập; điều tra, khảo sát để đánh giá thực trạng công tác kiểm tra hành chính trường trung học phổ thông công lập tại tỉnh Ninh Thuận. Tác giả thực hiện khảo sát các nội dung để có cái nhìn tổng quan, cụ thể đối với thực trạng đánh giá của CBQL, GV về công tác kiểm tra hành chính trường THPT công lập tại tỉnh Ninh Thuận, đồng thời đánh giá về các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra hành chính trường THPT công lập tại tỉnh Ninh Thuận. Qua nghiên cứu thực trạng, tác giả đề xuất 07 biện pháp và tiến hành khảo nghiệm tính khả thi và tính hiệu quả của 07 biện pháp nêu trên. Kết quả khảo nghiệm cũng đã chứng minh công tác kiểm tra hành chính trường THPT công lập có thể vận dụng các biện pháp này để quản lý có hiệu quả hoạt động kiểm tra hành chính trường THPT công lập tại tỉnh Ninh Thuận.
128	Thạc sĩ	Quản lý chất lượng chương trình đào tạo bậc đại học đáp ứng chuẩn kiểm định tại Trường Đại học Quốc tế Miền Đông.	Trần Ngọc Kim Ngân	TS. Võ Trà Nam GS.TS. Nguyễn Lộc	Đề tài đã góp phần làm rõ hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý chương trình đào tạo và quản lý chất lượng chương trình đào tạo bậc đại học đáp ứng chuẩn kiểm định tại trường đại học. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn cho thấy quản lý chất lượng CTĐT bậc đại học đáp ứng chuẩn kiểm định là quá trình đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT thông qua việc xây dựng quy trình quản lý chất lượng CTĐT từ khâu đầu vào, quá trình và đầu ra; sử dụng Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT để đánh giá khâu đầu vào, quá trình và đầu ra;

					Vận dụng quy trình quản lý chất lượng và căn cứ vào Bộ tiêu chuẩn để tiến hành kiểm tra, đánh giá và cải tiến quy trình quản lý chất lượng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định và yêu cầu của các bên liên quan. Luận văn đã trình bày và phân tích thực trạng quản lý chất lượng chương trình đào tạo bậc đại học đáp ứng chuẩn kiểm định tại trường Đại học Quốc tế Miền Đông, từ đó đề xuất 5 biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng chương trình đào tạo bậc đại học đáp ứng chuẩn kiểm định tại trường Đại học Quốc tế Miền Đông.
129	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5 -6 tuổi tại trường mầm non thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Lê Thị Tuyết Mai	TS. Trần Văn Trung TS. Nguyễn Ngọc Quý	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi trường mầm non và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi trường mầm non. Đề tài góp phần hệ thống hóa lý luận về hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi trường mầm non và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi trường mầm non. Đề tài đã nghiên cứu và trình bày các công trình nghiên cứu ở trong nước và trên thế giới cũng như phân tích các khái niệm, lý luận về hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi trường mầm non và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi trường mầm non để từ đó làm cơ sở cho việc khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5 – 6 tuổi tại trường mầm non thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Từ kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng, đề tài đã đề xuất được 6 biện pháp để nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao

					tiếp cho trẻ 5 – 6 tuổi tại trường mầm non thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trong thời gian tới. Các biện pháp đã đề xuất đều được xác định là rất khả thi và cần thiết. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn có thể thấy việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5 – 6 tuổi tại trường mầm non là hoạt động vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường đáp ứng những yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục mầm non mới hiện nay theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
130	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc ở các trường THCS tại huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	Hán Thanh Đông	GS.TS. Nguyễn Lộc TS. Võ Trà Nam	Luận văn đã khái quát một cách rõ nét tình hình các công trình nghiên cứu trong nước và thế giới liên quan đến hoạt động dạy học môn Âm nhạc cũng như công tác quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc ở các trường trung học cơ sở tại huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Tác giả từng bước lí giải các khái niệm có liên quan đến đề tài như quản lý; hoạt động dạy học; quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc. Quản lý hoạt động dạy học môn âm nhạc tại trường trung học cơ sở là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, phù hợp quy luật của chủ thể quản lý nhà trường đến thực hiện hoạt động dạy học môn Âm nhạc thông qua việc xây dựng kế hoạch; tổ chức; chỉ đạo; kiểm tra đánh giá việc thực hiện hoạt động dạy học môn Âm nhạc nhằm tạo điều kiện cho học sinh phát triển niềm đam mê và yêu thích với âm nhạc; Khám phá và phát triển các khả năng âm nhạc tự nhiên của học sinh Top of Formh góp phần hoàn thành chương trình và mục tiêu giáo dục đề ra của cấp

					học. Với cách tiếp cận theo chức năng, quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc bao gồm các hoạt động: lập kế hoạch giáo dục, tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học môn Âm nhạc trong trường trung học cơ sở. Đề tài đã xác định được các yếu tố (chủ quan và khách quan) ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc tại các trường trung học cơ sở tại huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Luận văn đã trình bày và phân tích thực trạng hoạt động dạy học môn Âm nhạc và thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc ở các trường trung học cơ sở tại huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Kết quả cho thấy, công tác quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc tại các trường trung học cơ sở tại huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận vẫn còn một số hạn chế và thiếu sót trong công tác lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học môn Âm nhạc cũng như khả năng quản lý của cán bộ quản lý nhà trường. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng công tác quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc ở các trường trung học cơ sở tại huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, tác giả đề xuất 05 biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động dạy học môn Âm nhạc ở các trường trung học cơ sở tại huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Mỗi biện pháp đều thể hiện mục đích, nội dung, cách thức thực hiện, điều kiện thực hiện và có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhau. Thông qua phiếu hỏi ý kiến của CBQL, GV 07 trường trung học cơ sở huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận về
--	--	--	--	--	--

					tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp thi đua được đánh giá cần thiết, khả thi.
131	Thạc sĩ	Quản lý thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 6 ở các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Phạm Xuân Hùng	TS. Trần Thị Tuyết Mai TS. Phan Trần Phú Lộc	Quản lý thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 6 tại trường THCS là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, phù hợp quy luật của chủ thể quản lý (Hiệu trưởng; các Phó Hiệu trưởng) nhà trường đến thực hiện nội dung GDĐP lớp 6 thông qua việc xây dựng kế hoạch; tổ chức; chỉ đạo; kiểm tra đánh giá việc thực hiện nội dung GDĐP lớp 6 nhằm trang bị cho học sinh những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương, góp phần hoàn thành chương trình và mục tiêu giáo dục đề ra của cấp học. Quản lý thực hiện nội dung GDĐP lớp 6, về bản chất là quá trình chủ thể quản lý lập kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá thực hiện nội dung GDĐP lớp 6 tại trường THCS. Để thực hiện tốt công tác quản lý thực hiện nội dung GDĐP lớp 6 người cán bộ quản lý cần xác định và thực hiện tốt các nội dung công việc gắn với mỗi chức năng quản lý trên. Đề tài đã xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 6 ở các trường trung học cơ sở. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 6 ở các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, tác giả đề xuất 5 biện pháp quản lý thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 6 ở các trường trung học cơ sở. Mỗi biện pháp đều thể hiện mục đích, nội dung, cách thức thực hiện, điều kiện thực hiện và có mối quan hệ chặt

					chẽ với nhau. Các biện pháp đề xuất được CBQL, GV ở các trường THCS huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đánh giá có tính cần thiết và tính khả thi cao nên có thể áp dụng vào thực tế quản lý thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 6 ở các trường trung học cơ sở huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
132	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 các trường trung học cơ sở tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Nguyễn Trường Linh	GS. TS. Nguyễn Lộc TS. Vũ Thị Nhân	Đề tài góp phần làm rõ thêm cơ sở lý luận về quản lý hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 tại trường THCS, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng bộ công cụ nghiên cứu, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 các trường THCS tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và đề xuất được một số biện pháp hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 các trường THCS tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn có thể thấy việc quản lý hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 các trường trung học cơ sở là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà các trường phải thực hiện trong giai đoạn hiện nay nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện nhân cách học sinh, nâng cao năng lực và phẩm chất cho học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện trong giáo dục. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng về hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 và quản lý hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 các trường trung học cơ sở tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, tác giả tiến hành đề xuất biện pháp quản lý hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 các trường trung học cơ sở tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, Đề tài là một tài liệu tham khảo giúp cán bộ

					quản lý các trường thực hiện tốt hơn công tác quản lý hoạt động dạy học môn Tin học lớp 6 ở đơn vị mình.
133	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học môn Lịch sử - Địa lí tại các trường trung học cơ sở thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Lê Thị Cẩm Nhung	PGS. TS. Trần Văn Trung	Đề tài nghiên cứu lý luận và thực tiễn để đưa ra những kết quả tin cậy. Đề tài đã đề xuất 5 biện pháp góp phần nâng cao chất lượng trong công tác quản lý hoạt động dạy học môn Lịch sử - Địa lí tại các trường THCS. Kết quả khảo nghiệm các biện pháp cho thấy các biện pháp đề xuất mang tính khả thi và cần thiết cao trong quá trình thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học môn Lịch sử - Địa lí tại các trường THCS trên địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
134	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	Dương Tấn Thịnh	TS. Đinh Thị Hồng Thắm	Tác giả đã thực hiện nghiên cứu, thu thập số liệu và đưa ra các thực trạng hiện có về công tác quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Bình Dương. Qua đó đánh giá các ưu điểm và hạn chế cũng như nguyên nhân của các vấn đề còn kém hiệu quả trong công tác quản lý. Sau cùng đề xuất 06 biện pháp và các kiến nghị cần thiết sau khi đã thực hiện khảo nghiệm nhằm cải thiện kết quả trong công tác quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập này.
135	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục năng lực hợp tác cho học sinh các trường tiểu học tại Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Trần Tú Anh	PGS. TS. Dương Minh Quang	Mục tiêu của đổi mới giáo dục hiện nay là phát triển năng lực cho học sinh. Do đó, đổi mới quản lý hoạt động giáo dục năng lực hợp tác cho học sinh các trường tiểu học là cần thiết và là đòn bẩy để thúc đẩy quá trình phát triển năng lực của người học tốt hơn. Đây cũng là một trong những năng lực chung của học sinh tiểu học. Nếu ta nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục

					năng lực này thì quá trình dạy và học ở trường tiểu học sẽ tốt hơn.
136	Thạc sĩ	Quản lý đội ngũ cán bộ quản lý các trường trung học phổ thông tại tỉnh Ninh Thuận	Nguyễn Thi	TS. Trần Văn Trung TS. Nguyễn Ngọc Quý	Trong những năm qua đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) trường trung học phổ thông (THPT) tỉnh Ninh Thuận đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần to lớn vào sự phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) của tỉnh. Từ cơ sở lý luận về quản lý đội ngũ CBQL ở trường THPT, tác giả sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để tìm hiểu, phân tích, đánh giá một cách khách quan về thực trạng quản lý đội ngũ CBQL các trường THPT tại tỉnh Ninh Thuận. Nghiên cứu đánh giá của cán bộ Sở GDĐT, CBQL và giáo viên các trường THPT trên địa bàn tỉnh về thực trạng quản lý đội ngũ CBQL các trường THPT tại tỉnh Ninh Thuận là một việc làm hết sức quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn, làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý đội ngũ CBQL các trường THPT tại tỉnh Ninh Thuận trong giai đoạn hiện nay gồm: Một là, xây dựng quy hoạch đội ngũ CBQL các trường THPT; Hai là, đổi mới công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và luân chuyển CBQL các trường THPT; Ba là, đổi mới phân công, phân nhiệm CBQL các trường THPT; Bốn là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng CBQL và cán bộ quy hoạch dự nguồn chức danh CBQL các trường THPT; Năm là, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đánh giá, xếp loại đội ngũ CBQL các trường THPT; Sáu là, tạo môi trường, động lực trong công tác quản lý đội ngũ CBQL các trường THPT. Để đội ngũ CBQL các trường THPT có phẩm

					chất đạo đức tốt, năng lực quản lý giỏi, khả năng làm việc hiệu quả thì cần phải thực hiện đồng bộ các biện pháp nêu trên.
Hệ thống thông tin					
137	Thạc sĩ	Phân tích dự đoán nguyên nhân lỗi của một số thiết bị mạng viễn thông	Trương Minh cường	PGS. TS. Lê Tuấn Anh	Luận văn tập trung vào việc phân tích và dự đoán nguyên nhân lỗi của một số thiết bị mạng viễn thông. Hệ thống này sẽ giúp các nhà quản trị, vận hành mạng viễn thông có thể nhanh chóng xác định nguyên nhân gây ra lỗi, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời hoặc lên kế hoạch bảo dưỡng phòng ngừa nhằm giảm thiểu thời gian gián đoạn dịch vụ. Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Phương pháp định tính được sử dụng để thu thập thông tin về cảnh báo và các thông số về kỹ thuật khác, từ đó xác định các nguyên nhân gây ra lỗi của thiết bị mạng viễn thông. Phương pháp định lượng được sử dụng để xây dựng mô hình dự đoán nguyên nhân lỗi. Thông qua việc thu thập và phân tích dữ liệu từ các thiết bị mạng viễn thông thực tế, luận văn đề xuất phương pháp hiệu quả để xác định nguyên nhân lỗi dựa trên các thông số kỹ thuật và dữ liệu vận hành. Mô hình này không chỉ giúp nhận biết, phán đoán và phân loại lỗi một cách chính xác mà còn đề xuất giải pháp xử lý một cách chủ động. Kết quả thực nghiệm của luận văn cho thấy mô hình đề xuất mang lại hiệu suất đáng kể, giảm thời gian giải quyết sự cố và tăng cường khả năng quản lý hệ thống mạng. Bên cạnh đó, luận văn còn đề cập đến những thách thức và cơ hội khi triển khai mô hình trong môi trường thực tế, đồng

					thời đề xuất hướng phát triển và cải tiến để nâng cao tính ứng dụng và tính thực tiễn của nghiên cứu.
138	Thạc sĩ	Trực quan hóa dữ liệu và Khai phá dữ liệu dịch bệnh (COVID-19) bằng Học máy	Phùng Duy Tươi	TS. Giang Minh Đức	Mặc dù sự lây lan của dịch bệnh nói chung, COVID-19 nói riêng rất khó dự đoán vì phụ thuộc rất nhiều yếu tố, nhưng việc nghiên cứu các dữ liệu về dịch bệnh chắc chắn sẽ đem lại nhiều lợi ích như tạo được công cụ, những kinh nghiệm, những thuật toán hiệu quả để giúp dự báo, đối phó với các dịch bệnh tương tự trong tương lai. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tôi sử dụng các công cụ học máy để trực quan hóa dữ liệu và rút trích các thông tin quan trọng trong tập dữ liệu được công khai trên internet về dịch bệnh COVID-19. Kết quả rút ra được tỷ lệ tử vong chiếm 1.03% trên tổng số trường hợp nhiễm bệnh được ghi nhận (trong khoảng thời gian quan sát). Đồng thời, tôi đã xây dựng mô hình dự báo sử dụng Polynomial Regression và LSTM để dự báo sự lây lan của dịch bệnh trên 2 yếu tố: số ca tử vong hàng ngày và số ca nhiễm mới hàng ngày, trong đó có xét đến sự tác động của vaccine đối với các dự báo. Sau khi so sánh kết quả đánh giá, tôi đề xuất mô hình dự báo hiệu quả dựa trên mạng nơ-ron LSTM, áp dụng với dữ liệu chuỗi thời gian đơn biến, để dự báo sự lây lan của dịch bệnh COVID-19 tại các nước thuộc khu vực ASEAN. Qua đó, bổ sung thêm một hướng tiếp cận cho các yêu cầu về dự báo, dựa trên nguồn dữ liệu có sẵn, đối với các dịch bệnh xảy ra trong tương lai.
139	Thạc sĩ	Phát hiện bệnh ung thư thực quản trên hình ảnh nội soi bằng phương	Nguyễn Thị Thúy An	TS. Huỳnh Nguyễn Thành Luân	Luận văn đã nghiên cứu mô hình CNN, học chuyển tiếp để đề xuất mô hình phát hiện ung thư thực quản bằng hình ảnh nội soi. Bên cạnh đó luận văn có sử dụng giải pháp

		pháp học chuyển tiếp			tăng cường bộ dữ liệu để tăng độ chính xác trong nhận dạng. Dựa trên kết quả thực nghiệm, luận văn đã chọn được mô hình tối ưu phù hợp cho bài toán. Qua đó có thể giúp các chuyên gia y tế có thêm một giải pháp để hỗ trợ việc chẩn đoán và phòng ngừa bệnh ung thư thực quản.
140	Thạc sĩ	Khai phá dữ liệu giáo dục để chọn học sinh có khả năng vào đội tuyển học sinh giỏi Tin học - Áp dụng cho trường THPT ở Bình Dương	Trần Thị Mộng Thu	PGS. TS. Trần Vĩnh Phước	Giải quyết thành công bài toán tuyển chọn HSG: Qua việc tìm hiểu kiến thức của mô hình SVM, áp dụng mô hình SVM vào bài toán dự đoán kết quả để tuyển chọn học sinh vào đội tuyển học sinh giỏi. Mô hình SVM đã giải quyết được bài toán đặt ra và thu được kết quả rất khả quan với bài toán dự đoán kết quả để tuyển chọn học sinh vào đội tuyển học sinh giỏi, cụ thể là môn Tin học. Qua quá trình đánh giá và thực nghiệm, mô hình đạt độ chính xác trên bộ dữ liệu huấn luyện và kiểm thử với hiệu suất (Test score) luôn trên 0,95. Xử lý dữ liệu đáp ứng được thực tế: Dữ liệu đã được thu thập và việc xử lý bộ dữ liệu đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn học sinh vào đội tuyển học sinh giỏi Tin học, thỏa mãn đặc trưng của dữ liệu thực đối với quá trình tuyển chọn đội tuyển. Tiềm năng ứng dụng rộng rãi: Ngoài việc áp dụng cho việc chọn học sinh giỏi Tin học, đề tài còn có thể được sử dụng trong nhiều lĩnh vực giáo dục khác như dự đoán thành tích học tập, phát hiện học sinh tiềm ẩn có rủi ro bỏ học, hay xây dựng hệ thống đánh giá hiệu suất của giáo viên.
141	Thạc sĩ	Dự báo khả năng nghỉ học của học viên tiếng Anh trực tuyến theo từng giai đoạn bằng	Lê Thị Cẩm Hằng	PGS. TS. Lê Hoàng Thái PGS. TS. Trần Vĩnh Phước	Trong nghiên cứu của luận văn, tôi đã thực hiện ứng dụng phân cụm mờ để giải quyết vấn đề phân tích dữ liệu với biến đầu vào không độc lập vì việc lấy mẫu thường trong phạm vi nhỏ, hẹp như các thành viên trong cùng một địa

		khoa học dữ liệu.			phương, gia đình, cùng một lớp học, cùng một cơ quan đã làm cho các vector trở nên phụ thuộc. Nếu dữ liệu không thỏa điều kiện độc lập thì kết quả của kiểm định T test sẽ không cho kết quả chính xác. Do đó, cần phải loại bỏ những vector không độc lập. Kết quả của nghiên cứu đã chứng minh tính khả thi và hiệu quả của phương pháp phân cụm mờ trong việc xử lý dữ liệu có sự phụ thuộc và tương quan giữa các biến đầu vào. Tôi đã thành công trong việc xây dựng mô hình phân cụm mờ, từ đó giúp tách biệt và nhận biết các nhóm dữ liệu có sự tương quan mạnh. Điều này giúp làm giảm hiện tượng mất mát thông tin và giúp đạt hiệu suất lọc cao hơn so với những phương pháp không sử dụng phân cụm mờ.
142	Thạc sĩ	Nghiên cứu xử lý dữ liệu thiếu trong tính toán chỉ số chất lượng không khí (AQI) của hệ thống quan trắc không khí tự động	Phạm Lê Sơn	TS. Đoàn Văn Thắng TS. Nguyễn Thị Hồng	Vấn đề thiếu dữ liệu khá phổ biến, vì vậy việc giải quyết vấn đề thiếu giá trị là cần thiết để cải thiện đáng kể các vấn đề khai thác và phân tích dữ liệu của chúng ta một cách chính xác. Hiện nay, có rất nhiều cách tiếp cận khác nhau để xử lý các giá trị bị thiếu hay thường gọi là thiếu dữ liệu, mỗi cách đều có ưu nhược điểm khác nhau. Nghiên cứu tập trung vào việc xử lý dữ liệu của hệ thống quan trắc không khí xung quanh tự động với mục tiêu chính là xử lý và giải quyết vấn đề thiếu dữ liệu đo đạc trong quá trình quan trắc tự động, phục vụ cho việc tính toán chỉ số chất lượng không khí (AQI). Nghiên cứu trình bày mô hình có thể xử lý dữ liệu thiếu bằng các mô hình Hồi quy tuyến tính và mô hình K -Nearest Neighbor để hoàn chỉnh chuỗi dữ liệu, dự báo kết quả AQI từ những kết quả quan trắc không khí tự động. Kết quả dự kiến của nghiên cứu này là nâng cao độ chính xác của dữ liệu, cung

					cấp dữ liệu về quan trắc môi trường đáng tin cậy hơn, hỗ trợ hiệu quả trong quản lý môi trường. Đây cũng là cơ sở đề xuất áp dụng trong việc xử lý dữ liệu về quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
143	Thạc sĩ	Dự báo mức tiêu thụ điện sử dụng mô hình chuỗi thời gian tại Bình Dương	Trần Duy Thảo Minh	TS. Huỳnh Nguyễn Thành Luân	Luận văn đề xuất một mô hình kết hợp đa dạng các phương pháp dự báo để nâng cao độ chính xác của dự báo phụ tải điện. Mô hình này đóng góp phương pháp dự báo phụ tải điện ở cấp độ tổng quát nhanh và chính xác. Luận văn áp dụng mô hình dự báo thực tế tại Bình Dương. Luận văn sử dụng kỹ thuật phân nhóm dữ liệu giúp xác định các nhóm khách hàng, từ đó đề xuất mô hình dự báo riêng cho từng nhóm. Cụ thể, mô hình Prophet áp dụng cho Nhóm 1 hoặc chưa phân cụm, Sarima cho Nhóm 2, và LSTM cho Nhóm 3, 4, 5. Kết quả cho thấy các mô hình hiệu quả khi áp dụng cho nhóm khách hàng ổn định và phù hợp cơ sở hạ tầng hiện tại. Tuy nhiên, đối với các biến động bất thường, luận văn đề xuất thu thập thêm dữ liệu kinh tế vĩ mô, thời tiết và ngày lễ để cải thiện độ chính xác. Tóm lại, kết hợp phân cụm dữ liệu và mô hình hóa cho từng cụm là chiến lược hiệu quả, giúp tối ưu hóa dự báo cho các nhóm khách hàng cụ thể. Đây là hướng phát triển tiềm năng cho quản lý phụ tải điện trong tương lai.
144	Thạc sĩ	Ứng dụng mô hình học tập liên kết trong phát hiện COVID-19	Trần Thông Minh	TS. Huỳnh Nguyễn Thành Luân	Luận văn đã nghiên cứu về mô hình học liên kết trong việc tăng cường bảo mật và bảo vệ tính riêng tư của dữ liệu. Luận văn đã ứng dụng mô hình học liên kết kết hợp với mô hình học chuyển tiếp trong việc phát hiện bệnh

					COVID-19 thông qua ảnh chụp Xquang, đồng thời bảo vệ tính riêng tư và an toàn cho dữ liệu bệnh nhân. Cụ thể, mô hình được đề xuất có thể huấn luyện tại từng bệnh viện mà không cần chia sẻ trực tiếp dữ liệu với bên ngoài. Thông qua thực nghiệm và đánh giá, luận văn đã chứng minh hiệu quả của mô hình về độ chính xác, độ nhạy và độ đặc hiệu trong việc phát hiện sớm các ca bệnh COVID-19. Đồng thời, mô hình cũng thể hiện lợi ích của học liên kết trong việc đảm bảo an toàn và bảo mật cho dữ liệu nhạy cảm. Đây được xem là một bước tiến trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ y tế.
145	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống hỗ trợ tổng hợp đánh giá và thương hiệu ứng dụng thuật toán phân tích cảm xúc	Trần Thị Quỳnh Nga	TS. Ngô Thanh Hùng TS. Nguyễn Thị Hồng	Đề tài này tập trung vào việc phân tích cảm xúc mà người dùng thể hiện thông qua các bình luận đánh giá về khách sạn. Đề tài thử nghiệm và so sánh các mô hình: học sâu Decision tree, Logistic Regression, Random Forest, SVM, LSTM. Bằng cách áp dụng các kỹ thuật này, hy vọng đề tài sẽ cung cấp một công cụ hiệu quả để tự động xác định cảm xúc trong bình luận, từ đó giúp các doanh nghiệp khách sạn nắm bắt ý kiến của khách hàng nâng cao dịch vụ của họ dựa trên phân tích thông tin này. Từ đó giúp cải thiện chiến lược quản lý khách sạn. Đề tài mặc dù không đề xuất mô hình mới nhưng đã thực hiện thử nghiệm chạy 5 mô hình khác nhau Decision tree, Logistic Regression, Random Forest, SVM, LSTM với bộ data Hotel Review trên Kaggle để so sánh và tìm ra mô hình phù hợp để chạy trên dữ liệu này là mô hình LSTM. Độ chính xác của mô hình LSTM là 0.877.
146	Thạc sĩ	Khai phá dữ liệu giáo	Nguyễn Thị Bích	PGS. TS. Trần Vĩnh	Luận văn tập trung vào việc áp dụng học máy trong việc

		dục để dự đoán những học sinh không có khả năng tốt nghiệp - Áp dụng tại một Trường Cao đẳng ở Bình Dương	Ngọc	Phước	dự đoán khả năng tốt nghiệp của HSSV hệ TCCN ngành kế toán doanh nghiệp. Các yếu tố như điểm trung bình, số tín chỉ nợ và một số môn học đặc thù có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tốt nghiệp. Phân tích 660 mẫu dữ liệu thu thập được cho thấy sự mất cân đối và tương quan cao giữa các biến. Phương pháp Robust Scaling được áp dụng để chuẩn hóa, kết hợp kỹ thuật SMOTE để xử lý dữ liệu mất cân xứng trên tập huấn luyện, các mô hình AdaBoost, XGBoost, Logistic Regression, SVM và Naive Bayes được huấn luyện và đánh giá. Kỹ thuật SMOTE hiệu quả với mô hình SVM và Naive Bayes trong khi AdaBoost, XGBoost và Logistic Regression có xu hướng giảm hiệu suất. Sau khi áp dụng PCA, mô hình XGBoost đã cải thiện trên tất cả các chỉ số. Mô hình SVM cho thấy sự ổn định và thể hiện độ chính xác cao, với khả năng dự đoán tốt đối với những trường hợp sinh viên không tốt nghiệp.
147	Thạc sĩ	Nghiên cứu và xử lý dữ liệu quan trắc nước thải tự động trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Nguyễn Tấn Tài	TS. Đoàn Văn Thắng TS. Nguyễn Thị Hồng	Đóng góp của đề tài trong đề xuất giải pháp cho bài toán tự động nội suy dữ liệu quan trắc lưu lượng và xử lý dữ liệu chất lượng nước thải tự động nhằm sàng lọc, xử lý và đánh giá dữ liệu để đảm bảo tính chính xác trong quá trình giám sát, vận hành, làm cơ sở để quản lý nguồn thải hướng đến mục tiêu số hóa và Thành phố thông minh. Nghiên cứu đã đề xuất giải pháp cho bài toán tự động nội suy dữ liệu quan trắc lưu lượng nước thải tự động, liên tục tại tỉnh Bình Dương. Đề xuất các nguyên tắc sàng lọc dữ liệu quan trắc chất lượng nước thải tự động, liên tục.
148	Thạc sĩ	Ứng dụng bộ lọc Gauss và phân cụm mờ cho	Trịnh Trọng Thành	TS. Hoàng Mạnh Hà	Luận văn này nghiên cứu ứng dụng bộ lọc Gauss và thuật toán phân cụm mờ Fuzzy C-Means để phát hiện sóng

		bài toán phát hiện sóng động kinh trên điện não đồ			động kinh trên điện não đồ. Sóng động kinh là hiện tượng hoạt động đột ngột, bất thường của não bộ. Việc phát hiện sớm sóng động kinh giúp điều trị hiệu quả bệnh nhân động kinh. Tuy nhiên, một số sóng động kinh rất nhỏ và khó phát hiện trên nền điện não đồ có nhiễu. Do đó, luận văn đề xuất phương pháp kết hợp bộ lọc Gauss để giảm nhiễu và phân cụm mờ để phân loại các phân đoạn điện não đồ. Kết quả thực nghiệm trên cơ sở dữ liệu điện não đồ chuẩn cho thấy phương pháp đề xuất cho độ chính xác cao trong việc phát hiện sóng động kinh sớm, đặc biệt với các sóng nhỏ và bị che khuất. Phương pháp có tiềm năng ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị động kinh.
149	Thạc sĩ	Một giải pháp lấy mẫu tiếng ồn trên địa bàn phường Phú Hòa	Võ Quốc Bảo	TS. Nguyễn Minh Nam TS. Hoàng Mạnh Hà	Phương pháp Cực tiểu hóa sai số trung bình bình phương (LMS): Nghiên cứu đã áp dụng phương pháp LMS để hiệu chỉnh kết quả đo tiếng ồn, giảm thiểu sai số giữa tín hiệu dự đoán và thực tế, qua đó nâng cao độ chính xác trong quá trình đo lường. Sử dụng công nghệ di động để đo tiếng ồn: Việc sử dụng điện thoại di động để thu thập dữ liệu tiếng ồn thay vì các thiết bị chuyên dụng truyền thống là một hướng đi mới. Giải pháp này giúp giảm thiểu chi phí và đơn giản hóa quy trình, đồng thời vẫn đảm bảo độ chính xác cần thiết trong quá trình khảo sát. Khả năng ứng dụng rộng rãi: Phương pháp đo tiếng ồn bằng điện thoại di động mở ra tiềm năng ứng dụng rộng rãi không chỉ tại Phú Hòa mà còn cho các khu vực đô thị khác, góp phần cải thiện môi trường sống và sức khỏe cộng đồng.
150	Thạc sĩ	Ứng dụng phân cụm mờ cho bài toán chọn	Nguyễn Minh Đăng	TS. Hoàng Mạnh Hà	Luận văn này trình bày một tiếp cận dựa trên phân cụm mờ cho bài toán chọn lọc các mẫu dữ liệu độc lập từ tập

		lọc dữ liệu độc lập			dữ liệu thu thập, cho phép giảm thiểu sai lầm và tăng độ chính xác của quá trình phân tích. Đồng thời cũng trình bày kết quả thực nghiệm và đối sánh với các nghiên cứu cùng hướng. Về mặt học thuật, luận văn đạt được: Phát hiện sự tương đương giữa độ đo mức độc lập giữa 2 dòng dữ liệu với độ đo độc lập giữa 2 vector trong không gian R^n . Phát hiện mối quan hệ tương đồng giữa độ đo độc lập giữa 2 vector với độ đo U_k của phân cụm mờ. Thông qua thực nghiệm, phát hiện sai số của kiểm định giả thiết về giá trị trung bình khi dữ liệu không độc lập. Đề xuất áp dụng phương pháp phân cụm mờ cho giải pháp lọc các vector không độc lập. Cài đặt và làm thực nghiệm để đánh giá giải pháp đề xuất
151	Thạc sĩ	Ứng dụng phân cụm mờ cho bài toán Phân loại học sinh ở Trường THPT Thường Tân	Dương Phạm Ngọc Diễm	TS. Hoàng Mạnh Hà	Trong các trường phổ thông trung học, khai thác bảng điểm của học sinh sẽ giúp cho các nhà quản lý giáo dục nắm bắt được thông tin hữu ích. Phân cụm học sinh thông qua điểm số giúp giáo viên đánh giá chính xác và đưa ra định hướng phù hợp cho học sinh. Phân cụm học sinh cũng là căn cứ cho giải pháp nâng cao hiệu quả trong quản lý và giáo dục. Luận văn này trình bày một tiếp cận cho bài toán phân loại học sinh dựa trên ứng dụng phân cụm mờ trên tập dữ liệu của trường THPT Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương. Những kết quả chính tập trung vào: Phát hiện mối liên hệ tương quan thuận chiều giữa độ đo độc lập với biến U_k của thuật toán phân cụm mờ C means. Đề xuất chuyển đổi bài toán đánh giá học sinh thành bài toán phân cụm mờ trên dữ liệu điểm học tập Thông qua thực nghiệm đã phát hiện ra điểm hạn chế của phân cụm K means trên bộ dữ liệu kết quả điểm số của học sinh, khi

					một số học sinh có kết quả điểm số đồng đều trên các môn học thuộc phân ban khác nhau. Đề xuất áp dụng phân cụm mờ (C Means) thay thế thuật toán K mean cho bài toán phân cụm điểm số của học sinh, cho phép xác định vector thuộc đồng thời các cụm khác nhau, kịp thời phát hiện được những học sinh có khả năng học tốt môn tự nhiên trong nhóm xu hướng học các môn xã hội, đồng thời cũng phát hiện được học sinh có khả năng học giỏi môn toán.
152	Thạc sĩ	Phát hiện hành động bất thường qua camera	Nguyễn Hoàng Duy	PGS. TS. Quản Thành Thor	Đề tài cung cấp một mô hình nhận diện hành vi bất thường với độ chính xác cao, góp phần vào việc phát triển các hệ thống giám sát thông minh, có khả năng ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, từ giám sát an ninh công cộng đến bảo vệ tài sản và tính mạng của người dân. Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và an toàn cộng đồng thông qua việc giảm thiểu các hành vi bạo lực và xâm phạm trật tự công cộng. Đề tài mang lại nhiều điểm mới quan trọng trong nghiên cứu và khảo sát. Việc áp dụng thành công các thuật toán học sâu, đặc biệt là CNN và LSTM, giúp nâng cao độ chính xác và khả năng phân tích hành vi phức tạp. Mô hình có khả năng thích ứng và mở rộng, áp dụng được trong nhiều môi trường khác nhau. Đặc biệt, mô hình có thể tích hợp vào các hệ thống giám sát phân tán, thu thập và xử lý dữ liệu từ nhiều nguồn đồng thời, giúp cải thiện khả năng phát hiện bất thường và phản ứng nhanh chóng.
153	Thạc sĩ	Phát triển mô hình phân loại các bình luận độc hại trên mạng xã hội	Bùi Ngọc Hưng	TS. Võ Thị Hồng Thắm	Luận văn đã đóng góp đáng kể về mặt học thuật và lý luận thông qua việc nghiên cứu các kỹ thuật biểu diễn văn bản kết hợp với các mô hình phân lớp để phân loại bình luận

		dựa trên tiếp cận đồ thị từ và mạng nơ ron đồ thị trên ngữ cảnh độc lập về mặt ngôn ngữ.			độc hại. Cụ thể, các phương pháp như TF-IDF, Word2Vec, Doc2Vec, GoWs & SVM, Naïve Bayes, và mạng GCN đã được áp dụng để xử lý các bình luận độc hại theo cả hướng truyền thống và hiện đại. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đề xuất mô hình phân lớp dựa trên học sâu, tiếp cận mạng nơ ron đồ thị, thử nghiệm phân lớp bình luận độc hại trên dữ liệu đa ngôn ngữ, bao gồm các tập dữ liệu bình luận bằng tiếng Anh, tiếng Hy Lạp, và tiếng Hàn. Cuối cùng, kết quả phát hiện bình luận độc hại của các mô hình đã được so sánh, từ đó cung cấp cái nhìn sâu sắc về hiệu quả của từng phương pháp. Những điểm mới mẻ rút ra từ các kết quả nghiên cứu và khảo sát bao gồm việc đề xuất một mô hình phân loại văn bản ngắn đa ngôn ngữ dựa trên phương pháp học sâu. Thông qua các thử nghiệm trên các bộ dữ liệu đa ngôn ngữ, kết quả đã chứng minh được tính hiệu quả của các ý tưởng được đề xuất trong nghiên cứu này, khẳng định tiềm năng của phương pháp tiếp cận này trong việc xử lý và phân loại văn bản ngắn trên nhiều ngôn ngữ khác nhau.
154	Thạc sĩ	Áp dụng Trực quan hóa dữ liệu để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất	Lê Công Khanh	PGS. TS. Trần Vĩnh Phước	Luận văn đã thực hiện xử lý dữ liệu và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh của công ty Viễn thông A tại Bình Dương. Đồng thời qua đó đưa ra những báo cáo liên quan và đề xuất các giải pháp đối với từng hạng mục để nâng cao hiệu quả trong quá trình vận hành. Đóng góp nhiều nhất của luận văn là việc xử lý và phân tích dữ liệu kinh doanh từ 1 công ty qua đó thấy rằng dữ liệu mà công ty đang thực hiện và thu thập còn nhiều vấn đề cần có đề xuất trong quá trình thu thập thông tin để có thể thuận lợi hơn trong quá trình phân tích và đánh giá

					hoạt động kinh doanh của công ty
155	Thạc sĩ	Phát triển mô hình phân lớp cảm xúc của người dùng thông qua các bình luận tiếng Việt trên mạng xã hội.	Lê Thanh Phong	TS. Võ Thị Hồng Thắm TS. Nguyễn Thị Hồng	Luận văn đã đóng góp đáng kể về mặt học thuật và lý luận thông qua việc xây dựng mô hình phân tích cảm xúc của người dùng dựa trên các bình luận tiếng Việt trên mạng xã hội. Một điểm nổi bật của nghiên cứu là đề xuất phương pháp tiên xử lý dữ liệu tăng cường, giúp cải thiện đáng kể độ chính xác của mô hình. Sau khi thực hiện các thực nghiệm, tác giả đã so sánh các mô hình đề xuất với các mô hình học máy truyền thống trên tập dữ liệu bình luận tiếng Việt chuẩn, từ đó chứng minh được hiệu quả của phương pháp mới. Ngoài ra, nghiên cứu của học viên đã được chấp nhận công bố trên Lecture Notes của Springer, một ấn phẩm uy tín có chỉ mục Scopus. Đặc biệt, học viên còn được trao giải “Best Award Paper” khi trình bày kết quả nghiên cứu tại một hội nghị chuyên ngành, khẳng định thêm giá trị học thuật và tầm ảnh hưởng của nghiên cứu này. Luận văn đã đề xuất một mô hình mới và chứng minh được tính hiệu quả vượt trội so với các nghiên cứu trước đó. Đồng thời, việc áp dụng các kỹ thuật tiên xử lý dữ liệu tăng cường cho tập dữ liệu đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao độ chính xác của mô hình, thể hiện qua các kết quả thực nghiệm tích cực.
156	Thạc sĩ	Dự báo khách hàng băng rộng cố định rời mạng theo cách tiếp cận học máy.	Nguyễn Tiến Phương	TS. Giang Minh Đức	Luận văn nghiên cứu về lý thuyết các phương pháp phân lớp trong khai phá dữ liệu dùng để phân lớp, sử dụng dữ liệu các khách hàng Băng rộng cố định đã rời mạng để dự báo các khách hàng Internet Băng rộng cố định có khả năng rời mạng trong tương lai hay không. Từ các kết quả thu được khi thực hiện trên các mô hình dự báo, kết hợp

					các chỉ số để đánh giá mô hình và thực tiễn trong đời sống và vấn đề kinh doanh của các Doanh nghiệp. Tổng kết lại và chọn mô hình dự báo phù hợp nhất để thực hiện Dự báo, đưa ra thông tin cho nhà Lãnh đạo quyết định, định hướng trong công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị
157	Thạc sĩ	Thiết kế chiến lược và tối ưu hóa hiệu suất của tòa nhà không sử dụng năng lượng sử dụng dữ liệu từ IoT và học sâu	Phạm Tiến Thành	TS. Mai Hoàng Bảo Ân	Áp dụng mô hình học sâu Long Short Term Memory (LSTM) để dự đoán xu hướng tăng giảm giá trị cảm biến nhiệt độ với nhiều cảm biến khác nhau. Về thực tế, mô hình này có khả năng học hỏi các chuỗi dữ liệu phụ thuộc thời gian hiệu quả, giúp dự đoán chính xác hơn so với các phương pháp truyền thống. Đề xuất phương pháp kết hợp nhiều loại dữ liệu khác nhau để tăng độ tin cậy cho kết quả dự đoán. Việc kết hợp nhiều loại dữ liệu giúp bù trừ cho những hạn chế của từng loại dữ liệu, nâng cao độ chính xác của mô hình dự đoán. Về mặt mô hình tổng thể, các mô hình xây dựng trên dữ liệu kết hợp sẽ đa dạng hoá việc dự đoán các mẫu bất định trong chuỗi thời gian. Phát triển công cụ trên nền web nhằm thu thập và xử lý dữ liệu từ cảm biến, cũng như công cụ điều khiển kết hợp phần cứng và phần mềm để tối ưu hóa năng lượng cho tòa nhà thông minh. Công cụ này giúp tự động hóa việc thu thập và xử lý dữ liệu, phục vụ tốt cho việc quản lý năng lượng của các doanh nghiệp. Tạo bộ dữ liệu được xử lý theo góc nhìn của tác giả và sử dụng các mô hình học máy để dự đoán dữ liệu cảm biến nhiệt độ. Bộ dữ liệu này cung cấp thông tin có giá trị cho việc nghiên cứu và phát triển các hệ thống tòa nhà thông minh trong tương lai. Hỗ trợ vận hành, giám sát hệ thống điện hiệu quả hơn, hiển thị trực quan, giúp người vận hành đưa ra quyết định quan trọng

					và bảo trì hệ thống điện hiệu quả. Ứng dụng này giúp giảm thiểu chi phí vận hành, nâng cao độ an toàn và tin cậy của hệ thống điện. Về mặt hạn chế: Hệ thống đo lường môi trường trong nhà trường đang đối mặt với một số thách thức cần được giải quyết để có thể hoạt động hiệu quả và rộng rãi hơn. Chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống tương đối cao do sử dụng nhiều thiết bị cảm biến và phần mềm chuyên dụng. Điều này có thể tạo ra rào cản cho việc triển khai hệ thống ở phạm vi rộng hơn. Hơn nữa do chủng loại thiết bị khác nhau. Việc thiếu sự tương thích có thể gây khó khăn trong việc tích hợp hệ thống với các thiết bị hiện có và hạn chế khả năng ứng dụng của hệ thống.
158	Thạc sĩ	Áp dụng OpenCV vào nhận diện kết quả bài trắc nghiệm	Phạm Nguyễn Hữu Thiện	TS. Phạm Anh Phương	Thu thập được bộ dữ liệu phiếu tô và chữ số viết tay. Đề xuất xây dựng mô hình huấn luyện và nhận dạng phiếu tô trắc và nhận dạng chữ viết tay trên bộ dữ liệu kết hợp. Kết hợp một số phương pháp tiền xử lý dữ liệu hiệu quả cho mô hình nhận dạng. Huấn luyện thành công 2 model nhận dạng tỷ lệ chính xác cao cho bài toán nhận diện kết quả bài trắc nghiệm. Áp dụng được OpenCV vào nhận diện các đối tượng trong bài thi trắc nghiệm. Xây dựng được một mô hình nhận diện đạt kết quả tỷ lệ chính xác cao.
159	Thạc sĩ	Nhận dạng chữ viết tay	Huỳnh Minh Trí	PGS. TS. Lê Hoàng Thái	Luận văn mang lại những đóng góp quan trọng về mặt học thuật và lý luận, đặc biệt trong lĩnh vực nhận dạng chữ viết tay, điều này có ý nghĩa to lớn đối với quá trình chuyển đổi số hiện nay, nhất là đối với các ngôn ngữ ít phổ biến như tiếng Việt. Nghiên cứu này không chỉ đặt nền tảng cho các ứng dụng tự động kiểm tra hồ sơ, xử lý

					ngôn ngữ tự nhiên mà còn mở ra khả năng tích hợp vào các hệ thống thông minh khác. Với việc ứng dụng mô hình CRNN cho nhận dạng chữ viết tay qua hình ảnh, đề tài đã chứng minh được tính khả thi và tiềm năng phát triển mạnh mẽ để ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong tương lai. Đề tài nghiên cứu đã đóng góp vào việc xây dựng bộ dữ liệu chữ viết tay tiếng Việt và đề xuất một giải pháp nhằm nâng cao độ chính xác trong quá trình nhận dạng. Trong tương lai, để đạt được tính ứng dụng thực tiễn cao hơn, cần tiếp tục tối ưu hóa mô hình CRNN và kết hợp với các công nghệ tiên tiến khác nhằm cải thiện hiệu suất nhận dạng.
160	Thạc sĩ	Nghiên cứu kỹ thuật khai phá dữ liệu và học sâu áp dụng vào lĩnh vực nông nghiệp chính xác cho các loài trái cây chủ lực tại Việt Nam	Nguyễn Văn Trọng	TS. Nguyễn Hà Huy Cường TS. Hoàng Mạnh Hà	Tạo ra một bộ dữ liệu hình ảnh phong phú và đa dạng về trái thanh long tại Việt Nam, phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ nhận dạng trái cây. Sử dụng bộ dữ liệu hình ảnh để huấn luyện và triển khai các mô hình học máy có khả năng nhận dạng, phân loại. Nghiên cứu tập trung vào việc phát triển một giải pháp nhằm nhận dạng thời kỳ chín của trái thanh long. Gồm các bước chi tiết từ xây dựng bộ dữ liệu hình ảnh phong phú cho các giai đoạn chín khác nhau của trái thanh long, sau đó triển khai và đánh giá các mô hình nhận dạng học máy. Về mặt lý luận, đề tài góp phần vào việc xử lý dữ liệu không cân bằng và không đồng nhất. Đề tài phát triển một bộ dữ liệu hình ảnh trái thanh long chất lượng cao được gán nhãn đầy đủ. Đây là cơ sở quan trọng để huấn luyện và thử nghiệm các mô hình nhận dạng học sâu. Ứng dụng 2 mô hình học sâu YOLOv8 và Faster R-CNN để nhận dạng và phát hiện trái thanh long chín. Bộ dữ liệu tạo nền

					tăng cho các nghiên cứu sau này, có thể mở rộng sang nhiều loại nông sản khác, đóng góp vào sự phát triển của nền nông nghiệp thông minh tại Việt Nam.
Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam					
161	Thạc sĩ	Chính sách Quân sự của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ (1967-1975)	Nguyễn Tân Cường	PGS.TS Nguyễn Văn Hiệp TS. Phạm Thúc Sơn	Luận văn Chính sách quân sự của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ (1967 – 1975); tiến hành nghiên cứu các vấn đề sau đây: Thứ nhất, là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình hình thành chính sách quân sự của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ (1967 – 1975). Thứ hai, công trình tiến hành phân tích quá trình chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực thi chính sách quân sự đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ. Thứ ba, tiến hành nghiên cứu tác động của chính sách quân sự đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ từ đó dẫn đến các cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
162	Thạc sĩ	Quá trình hình thành và phát triển đô thị thành phố Thuận An Từ 1999 đến 2020	Vũ Quốc Đăng	TS. Huỳnh Ngọc Đáng TS. Lê Vi Hào	Luận văn hệ thống một cách tương đối toàn diện, có hệ thống về quá trình hình thành và phát triển đô thị Thuận An từ năm 1999 – 2020. Từ đó, giúp chúng ta hiểu được sâu sắc hơn về quá trình phát triển của Thuận An, các yếu tố tác động đến quá trình phát triển cũng như khái quát được các đặc điểm của đô thị và quá trình đô thị hóa Thuận An. Qua việc nghiên cứu, luận văn đã đúc kết nên đặc điểm, bài học về quá trình hình thành và phát triển đô thị Thuận An cũng như quá trình đô thị hóa trên địa bàn. Qua đó đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế những tác

					động tiêu cực của đô thị hóa tới quá trình phát triển đô thị Thuận An, cũng như làm cơ sở cho những dự báo trong tương lai.
163	Thạc sĩ	Chính sách giáo dục phổ thông của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ (1955-1975)	Nguyễn Bá Lương	TS Nguyễn Văn Thuý	Quá trình thực thi chính sách giáo dục phổ thông của chính quyền Việt Nam Cộng hoà đối với các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ từ năm 1955 đến 1975, trong giai đoạn các chính sách dân tộc kèm theo đó là chính sách giáo dục của chính quyền Ngô Đình Diệm (1955-1963), Quân quản (1963-1967) và Nguyễn Văn Thiệu (1967-1975). Trên cơ sở đó, nghiên cứu dựa vào tư liệu lịch sử ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II và phân tích đánh ra bối cảnh ra đời các chính sách đó đối với các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ. Ảnh hưởng của nó tác động tới tình hình chung của chính quyền Việt Nam Cộng hoà và đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ: Xây dựng chương trình môn học thổ ngữ, sử dụng sách giáo khoa, kỳ thi, văn bằng, ký túc xá, ăn nuôi, dụng cụ học tập và một số hỗ trợ khác. Đồng thời, nhìn nhận khách quan chính sách giáo dục phổ thông của Việt Nam Cộng hoà cũng chịu nhiều ảnh hưởng từ nguồn viện trợ của Hoa Kỳ, các nước đồng minh, các nước quan hệ ngoại và tổ chức phi chính phủ dành riêng cho đồng bào các dân tộc thiểu số về xây dựng trường học, hỗ trợ sách học tập, ký túc xá, ăn nuôi và đặc biệt là viện trợ học bổng đối với học sinh có năng lực học tập tốt. Đảng và Nhà Nước cũng nhìn thấy những mặt hạn chế và mặt tích cực mà chế độ Việt Nam Cộng hoà đối với các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ. Đúc kết từ lý luận và thực tiễn của chính sách dân tộc với chính sách giáo dục trước năm 1975, rút ra bài học kinh nghiệm

					hoàn thiện cơ chế chính sách đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ về ổn định phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra kế sinh nhai đảm bảo cuộc sống, nâng cao trình độ dân trí với phổ cập giáo dục phổ thông, thực hiện các biện pháp nhằm phát huy bảo tồn các giá trị văn hoá bản sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ hiện nay.
164	Thạc sĩ	Quá trình hội nhập kinh tế Quốc tế của tỉnh Đồng Nai (2000-2022)	Nguyễn Thị Lương	TS Nguyễn Hoàng Huế	Luận văn phân tích Tổng quan về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Đồng Nai. Làm rõ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Đồng Nai qua hai giai đoạn (2000 – 2010) và (2011-2022). (Giai đoạn 2000 - 2010, đặt nền tảng cho hội nhập kinh tế quốc tế và giai đoạn 2011 – 2022, tiếp tục kế thừa được những thành tựu trong giai đoạn trước, phát huy và đạt được những thành tựu quan trọng giúp Đồng Nai đã và đang trở thành một địa chỉ đáng tin cậy, một điểm đến hấp dẫn của các đoàn khách quốc tế và các nhà đầu tư nước ngoài). Từ đó có đánh giá về những thành tựu, hạn chế quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Đồng Nai trong hai thập kỉ đầu thế kỉ XXI và rút ra những bài học kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.
165	Thạc sĩ	Quá trình phát triển đạo Tin Lành ở tỉnh Bình Phước từ 1997 đến 2022	Phạm Thị Phương	TS. Nguyễn Văn Giác	Thứ nhất, Luận văn là công trình nghiên cứu có hệ thống và toàn diện về quá trình phát triển đạo Tin Lành ở tỉnh Bình Phước từ 1997 đến 2022, góp phần phục dựng đời sống tín ngưỡng phát triển đạo Tin Lành ở tỉnh Bình Phước. Thứ hai, Xác định những đặc trưng của đạo Tin Lành trong đời sống giáo dân ở các địa phương thuộc tỉnh Bình Phước giai đoạn 1997 - 2022, đưa ra những đánh giá

					khoa học về quá trình phát triển đạo Tin Lành ở tỉnh Bình Phước. phân tích làm sáng tỏ những nguyên nhân, ảnh hưởng và những đặc điểm của quá trình phát triển đạo Tin Lành ở tỉnh Bình Phước. Thứ ba, Cung cấp một tài liệu học tập và tham khảo, đồng thời gợi mở hướng nghiên cứu chuyên sâu cho các công trình nghiên cứu về đạo Tin Lành ở các địa phương cụ thể, đặc biệt là nghiên cứu về đạo Tin Lành trong đời sống tín ngưỡng của cộng đồng Stiêng, qua đó sẽ góp thêm những cứ liệu lịch sử cho việc nhìn nhận và hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề tôn giáo nói chung, đạo Tin Lành nói riêng.
166	Thạc sĩ	Lịch sử văn hóa vùng đất thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương từ cuối thế kỷ XVII đến năm 1975	Lưu Thế Thuật	TS Nguyễn Văn Thắng	Luận văn sẽ cố gắng phục dựng một bức tranh toàn diện về quá trình hình thành và phát triển các giá trị di sản văn hóa (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần) trên vùng đất thuộc thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương từ cuối thế kỷ XVII đến năm 1975. Kết quả nghiên cứu của luận văn hy vọng sẽ giúp cho người đọc có thể nhận diện được quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa dưới sự tác động và ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên và xã hội. Luận văn sẽ là nguồn tài liệu tham khảo đáng tin cậy cho các công trình nghiên cứu về lịch sử văn hóa của địa phương. Thông qua luận văn đất và người nơi đây được biết đến chân thực, sinh động hơn. Đây cũng là nguồn tài liệu tham khảo cần thiết cho cán bộ, giáo viên, giảng viên làm công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương, ở các cấp trường học và một số cơ quan bảo tàng, văn hóa, du lịch ở tỉnh Bình Dương. Luận văn sẽ là kênh tham khảo quan trọng về tư liệu địa phương có thể giúp cho cơ quan

					quản lý nhà nước về văn hóa ở cấp địa phương tham khảo trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển văn hóa, đặc biệt là vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị thành phố Thủ Dầu Một theo hướng văn minh, hiện đại và giàu bản sắc.
167	Thạc sĩ	Quan hệ kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (2001- 2021)	Kiều Thị Thanh Thủy	TS. Ngô Hồng Điệp	Luận văn phân tích tổng quan về quan hệ kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (2001–2021) trên các lĩnh vực: Chính trị, văn hóa, xã hội đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế. Làm rõ quá trình hợp tác kinh tế giữa hai nước Việt Nam – Nhật Bản từ năm 2001 đến 2021 trên các lĩnh vực Đầu tư trực tiếp, Quan hệ thương mại và trong hợp tác đa phương. Từ đó đưa ra một số nhận xét về quan hệ kinh tế Việt Nam – Nhật Bản trong giai đoạn này và khuyến nghị một số giải pháp thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam – Nhật Bản trong những năm tới
Ngành: Văn học Việt Nam					
168	Thạc sĩ	Tiểu thuyết Đức Thánh Trần từ góc nhìn phân tâm học	Hoàng Thị Giang	TS. Nguyễn Thị Kim Tiên	Sigmund Freud là người đặt nền móng cho phân tâm học trong việc nhận diện, phân tích, đánh giá sự hiện diện của yếu tố vô thức trong đời sống thực tiễn một cách có hệ thống, trong đó có sự tác động đối với văn học. Văn học Việt Nam kể từ khi tiếp cận với học thuyết Freud về phân tâm học đã ghi lại những dấu ấn khá rõ nét trên phương diện phê bình và sáng tác văn học. Các nhà văn đương đại có xu hướng đào sâu vào những vấn đề thuộc bản năng vô thức, vấn đề tính dục và đời sống tình cảm của con người. Thế kỉ XXI được xem là thời kì “nở rộ” của phân tâm học.

				Phân tâm học đi vào sáng tác, tác phẩm văn học trên nhiều thể loại khác nhau nhưng ghi tạc dấu ấn mạnh mẽ nhất là ở thể loại tiểu thuyết nói chung và tiểu thuyết lịch sử đương đại nói riêng. Tiểu thuyết lịch sử đã “giải thiêng” nhân vật lịch sử, kéo các bậc vĩ nhân về với con người đời thường với các cung bậc cảm xúc hỉ, nộ, ái, ố. Đây cũng là cách mà tác giả Trần Thanh Cảnh khắc họa người anh hùng Trần Quốc Tuấn trong cuốn tiểu thuyết lịch sử Đức Thánh Trần của mình. Người đọc không chỉ bắt gặp hình ảnh hiên ngang lưng lẩy, khí chất phi phàm, tài điều binh khiển tướng lỗi lạc của Trần Quốc Tuấn nơi chiến trường mà còn thấy một Trần Quốc Tuấn rất “đời”, luôn khao khát, cuồng nhiệt trong tình yêu và thể xác với hai mối lương duyên của mình. Bằng niềm đam mê văn chương và sự cống hiến không ngừng nghỉ của mình Trần Thanh Cảnh đã góp phần làm phong phú nền văn học nước nhà cũng như khơi dậy lòng yêu lịch sử của người đọc qua những tập truyện ngắn và tiểu thuyết lịch sử của mình. Tác giả đã được “định danh” trên diễn đàn văn học dân tộc và để lại những dấu ấn riêng không thể phai nhòa trong sự nghiệp văn chương của mình. Đặc biệt là cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tay Đức Thánh Trần đã gây tiếng vang lớn. Đọc tác phẩm, chúng tôi ấn tượng với những trang văn miêu tả Ngài “rất người, rất đời” mang dấu ấn phân tâm học. Trần Quốc Tuấn không chỉ hiện lên ánh hào quang thần thánh của một “thiên tướng nhà trời” mà còn có những phút giây “hỷ nộ ái ố” trong những mối quan hệ tình ái với khát vọng yêu đương cuồng nhiệt. Nhà văn đã không ngần ngại miêu tả những cảnh sex của nhân
--	--	--	--	--

					vật lịch sử, những góc khuất, điểm mờ mà lịch sử không đề cập đến. Nghiên cứu tiểu thuyết lịch sử Đức Thánh Trần dưới góc nhìn Phân Tâm Học giúp chúng tôi có góc nhìn đa chiều, đa diện hơn về nhân vật lịch sử. Dựa trên khái niệm, đặc điểm và mối liên hệ giữa phân tâm học và văn học, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu về biểu hiện của phân tâm học ở con người vô thức trong tiểu thuyết Đức Thánh Trần. Bài viết đã giải mã được mối liên hệ giữa ám ảnh trong những giấc mơ với khát khao dự tính của con người, sợi dây liên kết giữa bản năng sống và khát khao nhục dục và ảm ức vấy gọi từ tiềm thức của mỗi người. Bên cạnh đó, chúng tôi thực hiện phân tích ba khía cạnh: ngôn ngữ tính dục, thời gian và biểu tượng xuất hiện trong tiểu thuyết Đức Thánh Trần. Quá trình nghiên cứu phân tích, chúng tôi đã thấy được mối liên hệ trong việc giải hiện thực chân dung nhân vật lịch sử gắn với sự sáng tạo, cách tân về lối viết của Trần Thanh Cảnh. Vận dụng phân tâm học vào khảo sát tiểu thuyết Đức Thánh Trần của Trần Thanh Cảnh, chúng tôi đã cố gắng mở ra hướng đi mới mẻ trong nghiên cứu tiểu thuyết lịch sử. Từ đó, chúng tôi nhận ra giá trị văn hóa tinh thần, lối tư duy tiểu thuyết mà Trần Thanh Cảnh mang khi lựa chọn địa hạt tiểu thuyết lịch sử. Tiếp cận hướng đi mới, bài viết chắc hẳn còn nhiều thiếu sót, tuy vậy, chúng tôi vẫn hi vọng công trình đã mở ra hướng đi mới cho tiểu thuyết lịch sử nói chung và tiểu thuyết Trần Thanh Cảnh nói riêng, đặc biệt qua Đức Thánh Trần. .
169	Thạc sĩ	Tiểu thuyết quốc ngữ Công giáo trên báo	Nguyễn Thanh Hải	TS. Tạ Anh Thư	Tiểu thuyết quốc ngữ Công giáo là một thể loại văn học mới của nền văn học quốc ngữ hiện đại ra đời rất sớm từ

		Nam kỳ địa phận			cuối thế kỷ XIX. Tuy nhiên mai đến năm 1908 khi tờ báo quốc ngữ Công giáo đầu tiên ra đời thì thể loại văn học này mới thật sự nảy nở và phát triển. Vì vậy trong luận văn này chúng tôi đã lựa chọn thể loại tiểu thuyết quốc ngữ Công giáo được đăng trên báo Nam kỳ địa phận trong suốt quá trình tồn tại của tờ báo từ năm 1908 đến năm 1945 để khảo sát và tìm tòi nghiên cứu và bước đầu đưa ra những kết quả sơ bộ về thể loại văn học này như sau: a. Hệ thống tổng quát về diện mạo và đặc điểm của tiểu thuyết được đăng trên báo Nam kỳ địa phận, phân loại tiểu thuyết để chọn lọc ra những tiểu thuyết quốc ngữ Công giáo Việt Nam để khảo sát đánh giá. b. Nhận xét, đánh giá đặc điểm cơ bản của tiểu thuyết quốc ngữ Công giáo trên báo Nam kỳ địa phận qua các phương diện đặc điểm thể loại như: - Cốt truyện - Kết cấu trần thuật - Nghệ thuật xây dựng nhân vật - Ngôn ngữ c. Làm rõ vai trò và mục đích ra đời của tiểu thuyết quốc ngữ Công giáo trên báo Nam kỳ địa phận trong mối tương quan giữa đạo và đời cũng như ảnh hưởng của thể loại văn học này trong quá trình tiếp thu, đổi mới hình thức, nội dung, nghệ thuật từ phương Tây đến sự hình thành, phát triển các thể loại văn học quốc ngữ sau này góp phần đưa nền văn học Việt Nam hội nhập với dòng chảy văn học thế giới. Cuối cùng chúng tôi đưa ra những nhận định ban đầu về những ảnh hưởng của tiểu thuyết quốc ngữ Công giáo cũng như đóng góp của tờ báo Nam kỳ địa phận cho
--	--	-----------------	--	--	--

					quá trình phát triển văn hóa, văn học, xã hội là rất lớn cần phải ghi nhận và nghiên cứu sâu hơn nữa để thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của tiểu thuyết quốc ngữ Công Giáo giai đoạn đầu cũng như tờ báo Nam kỳ địa phận đối với lịch sử phát triển của văn học quốc ngữ.
170	Thạc sĩ	Đề tài hậu chiến trong tiểu thuyết của Vĩnh Quyền	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	TS. Nguyễn Thị Kim Tiến	Vĩnh Quyền là một trong số ít các tác giả có được thành công cũng như khẳng định vị trí và tên tuổi của mình trong văn chương Việt Nam nói chung, trong địa hạt tiểu thuyết về đề tài hậu chiến nói riêng. Với thái độ nhiệt tình, tinh thần làm việc nghiêm túc và xông xáo, sáng tạo, nhà văn đã đem đến cho người đọc tiểu thuyết Mạnh võ của mảnh vỡ chất thể sự của bối cảnh hiện thực hậu chiến trong nền văn học Việt Nam sau 1975. Trên cơ sở tìm hiểu khái quát đề tài hậu chiến trong văn học Việt Nam sau 1975 và trong tiểu thuyết của Vĩnh Quyền viết về đề tài hậu chiến làm cơ sở để xác định quan niệm, phương cách sáng tác, thông điệp văn chương tác giả muốn chuyển tải thông qua bức tranh hiện thực và con người từ đó làm rõ những điểm mới trong tiểu thuyết hậu chiến của Vĩnh Quyền. Đề tài hậu chiến trong văn học Việt Nam sau 1975 tập trung tái hiện bức tranh hiện thực và con người trong giai đoạn xảy ra sau khi cuộc chiến kết thúc, xã hội đối diện với những thử thách, hậu quả của chiến tranh, cũng như những hoạt động nhằm tái thiết và hòa nhập với cuộc sống mới. Trong bối cảnh đó, Vĩnh Quyền là một nhà văn hiếm hoi khai thác bức tranh hiện thực và con người tham chiến ở cả hai phía. Họ là những “mảnh vỡ” tinh thần lẫn thể chất. Đồng thời, ông cũng phản ánh những thay đổi xã hội và chính trị sau chiến tranh, cũng

					như nhấn mạnh đến những giá trị nhân văn trong môi trường đầy biến động sau chiến tranh. Trên tinh thần dân chủ, giọng điệu triết lý, buồn thương day dứt, cùng với nghệ thuật xây dựng không gian, thời gian trong Mảnh vỡ của mảnh vỡ Vĩnh Quyền đã tái hiện sinh động bức tranh hiện thực thời hậu chiến với hàng loạt những tổn thương, mất mát đau lòng của các trí thức miền Nam. Họ phải gánh chịu những đau đớn không tưởng từ chiến tranh và hậu quả của nó. Vĩnh Quyền đã đi sâu vào tâm hồn họ, chạm đến những nỗi đau về thể xác và tinh thần từ những bi kịch hàng ngày, những lần va đập và sự tan vỡ. Những trang viết của Vĩnh Quyền không chỉ hằn sâu ký ức, cảm xúc về những số phận của nhân vật đang loay hoay, lúng túng trước cuộc sống mới vừa là nỗi niềm, khao khát một không gian đoàn kết, hòa giải ý nghĩa và nhân văn nhất bởi lẽ những “mảnh vỡ” giờ đây cũng đã bước qua cái tuổi “xưa nay hiếm”. Hệ thống hình tượng mảnh vỡ cùng những bi kịch số phận nhân vật, cái nhìn khác về chiến tranh và chiến lược trần thuật cùng những giá trị nhân văn mà tiểu thuyết hướng đến đã được ghi nhận không những bởi phần thưởng của Hội nhà văn mà còn bởi thái độ tiếp nhận nhiệt tình của độc giả. Từ muôn vàng các hình thức thể hiện mảnh vỡ và hàn gắn mảnh vỡ, Vĩnh Quyền đã đem tới cho văn học hiện đại Việt Nam một bộ mặt khác, mới mẻ hơn, nhân văn hơn. Tìm hiểu về tiểu thuyết Mảnh vỡ của mảnh vỡ chính là cách chúng ta tìm hiểu về một thời đã qua với cái nhìn thẳng thắn và tinh thần tiến bộ, đoàn kết nhất./.
171	Thạc sĩ	Đặc điểm truyện ngắn	Đặng Tuấn Duy	PGS.TS. Võ Văn	Qua nghiên cứu, khảo sát, luận văn đã làm rõ đặc điểm

		Lê Vũ Trường Giang		Nhơn TS. Tạ Anh Thư	truyện ngắn Lê Vũ Trường Giang trên cả hai phương diện là nội dung và nghệ thuật: Luận văn đã phân tích những yếu tố chính ảnh hưởng đến hành trình sáng tác của Lê Vũ Trường Giang, bao gồm quê hương, gia đình, bối cảnh xã hội và văn hóa. Tác phẩm của Lê Vũ Trường Giang mang đậm yếu tố lịch sử, hiện thực và thân phận con người. Anh khéo léo kết hợp giữa sự khốc liệt của chiến tranh, sự tàn nhẫn của thời cuộc với những giá trị nhân văn sâu sắc, tạo nên chiều sâu nội dung trong các truyện ngắn. Luận văn đã chỉ ra các đặc trưng nghệ thuật trong truyện ngắn của Lê Vũ Trường Giang, bao gồm: Nghệ thuật xây dựng nhân vật sống động với chiều sâu tâm lý. Sử dụng ngôn ngữ giàu tính triết lý và biểu cảm. Kết cấu truyện linh hoạt, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.
172	Thạc sĩ	Đặc điểm truyện viết cho thiếu nhi của Nguyễn Thị Kim Hòa	Nguyễn Thị Trà My	TS. Tạ Anh Thư	Về mặt nội dung, luận văn làm rõ cách nhà văn Nguyễn Thị Kim Hòa khai thác các đề tài mang tính chất gần gũi với đời sống trẻ em như gia đình, tình bạn, tình thầy trò, cùng những bài học về lòng nhân ái, sự sẻ chia. Các tác phẩm không chỉ phản ánh sinh động những hoạt động hàng ngày của trẻ nhỏ mà qua đó còn chứa đựng những thông điệp giáo dục đạo đức, nuôi dưỡng tâm hồn, giúp trẻ phát triển tư duy và tinh thần. Về mặt nghệ thuật, luận văn chỉ ra phong cách độc đáo của Nguyễn Thị Kim Hòa trong việc xây dựng cốt truyện phiêu lưu, tuyến tính và đậm chất tự truyện. Nhân vật trẻ em trong truyện của chị được khắc họa sinh động, với nhiều cung bậc cảm xúc từ ngây thơ, tình nghịch đến đầy lòng trắc ẩn, giàu cảm xúc và có sự phát triển tâm lý qua từng tình huống truyện. Bên cạnh đó, luận văn sử dụng

					các phương pháp nghiên cứu thi pháp học, loại hình và phê bình tiểu sử để làm rõ những nét đặc trưng riêng của Nguyễn Thị Kim Hòa so với các tác giả đương thời, đồng thời phân tích các yếu tố nghệ thuật một cách toàn diện. Nhờ những đóng góp này, luận văn đã góp phần khẳng định vị trí của Nguyễn Thị Kim Hòa trong văn học thiếu nhi đương đại, đồng thời là một trong những công trình đầu tiên nghiên cứu có hệ thống về phong cách sáng tác của nhà văn.
Ngành Khoa học Môi trường					
173	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng vật liệu sinh học điều chế từ vỏ trái Mãng cụt xử lý kháng sinh trong nước thải thủy sản	Nguyễn Vĩnh Hòa	PGS.TS. Đinh Thanh Sang	Luận văn này phân tích so sánh đối chiếu mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian trong tiếng Anh và tiếng Việt, sử dụng các ví dụ từ truyện ngắn của O. Henry để minh họa những điểm tương đồng và khác biệt chính. Luận văn áp dụng khung lý thuyết của Eastwood (1994), Leech & Svartvik (2002), Swan (2016), và Nguyễn Minh Thuyết & Nguyễn Văn Hiệp (1998) để phân loại các mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian, đồng thời sử dụng giả thuyết phân tích đối chiếu (Lado, 1957) để so sánh đối chiếu một cách có hệ thống các loại mệnh đề trạng ngữ này.
174	Thạc sĩ	Ứng dụng công nghệ AAO kết hợp thủy canh xử lý nước thải chăn nuôi heo - trường hợp áp dụng tại trang trại chăn nuôi heo IA PA, Gia Lai	Nguyễn Văn Tiến	TS. Huỳnh Thế An	Nghiên cứu này đánh giá việc áp dụng các hồ sục khí sau hệ thống biogas trong xử lý nước thải chăn nuôi, tập trung vào việc tối ưu hóa cân bằng dinh dưỡng để tiếp tục xử lý sinh học. Kết quả cho thấy các hồ sục khí có khả năng hiệu quả trong việc giảm nồng độ amoni và dần đưa các chỉ tiêu nước thải về tỷ lệ COD:N:P là 200:5:1, cần thiết cho các quá trình sinh học tiếp theo. Tuy nhiên, việc bố trí các hạng mục hóa lý trước hệ thống xử lý vi sinh AAO đã

				làm mất đi các chất hữu cơ dễ phân hủy, để lại các hợp chất hữu cơ khó phân hủy (COD cao, BOD thấp), gây khó khăn cho quá trình xử lý hiếu khí. Điều này dẫn đến việc phải bổ sung dinh dưỡng không cần thiết (như tinh bột, rỉ mật), làm tăng chi phí vận hành. Sau khi thay đổi quy trình vận hành, hiệu quả xử lý của hệ thống được cải thiện đáng kể, với hiệu suất xử lý đạt 70,56% đối với tổng nitơ, 63,39% đối với amoni, 73,78% đối với tổng photpho, 89,13% đối với BOD, 82,46% đối với COD và 67,78% đối với TSS. Mặc dù nước thải sau xử lý chưa đạt chuẩn loại B theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT, kết quả này cho thấy tiềm năng áp dụng các chiến lược vận hành đơn giản, hiệu quả với chi phí thấp. Yếu tố kinh tế đóng vai trò quan trọng trong thiết kế hệ thống, lựa chọn vật liệu và hóa chất sử dụng. Việc tối ưu hóa phương án vận hành đã giúp giảm chi phí
--	--	--	--	--

Bình Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Quốc Cường